

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

Lịch Sử
ĐẠO CAO ĐÀI
(1925 – 1937)

NGUYÊN TÁC CỦA TIẾP DẪN ĐẠO NHƠN
GABRIEL GOBRON
BẢN DỊCH CỦA HIỂN TÀI
NGUYỄN VĂN HỒNG

TÀI LIỆU SƯU TẦM 2013

Ebook được làm theo **ẤN-BẢN** phổ biến trên Website của **DAOCAODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gởi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 19/11/2013

Tâm Nguyên

LỊCH SỬ ĐẠO CAO ĐÀI

TIẾP-DẪN ĐẠO-NHƠN

BABRIEL GOBRON

MỤC LỤC

❖ LỊCH SỬ ĐẠO CAO-ĐÀI.....	11
▪ LỜI CỦA DỊCH GIẢ	13
▪ TIỂU SỬ VẮN TẮT CỦA TIẾP DẪN ĐẠO NHƠN GABRIEL GOBRON	15
▪ DẪN NHẬP	19
▪ ĐẠO CAO ĐÀI.....	19
▪ ĐẠO CAO ĐÀI, PHẬT GIÁO CANH TÂN, VÀ THẦN LINH HỌC VIỆT NAM	21
▪ NGUỒN GỐC THẦN LINH HỌC VIỆT NAM	25
▪ NGƯỜI TÍN ĐỒ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN.....	26
▪ NHÂN CHỨNG NGƯỜI PHÁP.....	31
▪ GIÁO TÔNG CỦA ĐẠO CAO ĐÀI.....	36
▪ NHỮNG THÁNH THẤT ĐẦU TIÊN	38
▪ TUYÊN NGÔN CHÍNH THỨC CỦA ĐẠO CAO ĐÀI.....	39
▪ VIỆC TRUYỀN ĐẠO.....	39
▪ LỄ KHAI ĐẠO	40
▪ THỦ PHỦ CHÍNH THỨC CỦA ĐẠO CAO ĐÀI.....	40
▪ NGUỒN GỐC CỦA GIÁO LÝ ĐẠO CAO ĐÀI	42
▪ NGUYÊN TẮC CƠ BẢN	47
▪ CÁC TÍN ĐỒ.....	48
▪ SỰ THỜ CÚNG TRONG ĐẠO CAO ĐÀI	50
▪ LÒNG BÁC ÁI.....	51
▪ NGŨ GIỚI CẤM.....	55
▪ THÁNH GIÁO PHÁP VĂN	56
▪ SỰ ĐẦU THAI CHUYỂN KIẾP TRONG ĐẠO CAO ĐÀI.....	57

▪ KẾT LUẬN	60
▪ ĐẠO CAO ĐÀI TRONG CÁC HỘI NGHỊ QUỐC TẾ	63
▪ 1. HỘI NGHỊ QUỐC TẾ THẦN LINH HỌC BARCELONE (1934).....	63
▪ 2. HỘI NGHỊ THẾ GIỚI VỀ TÔN GIÁO Ở LUÂN ĐÔN (1936).....	64
▪ 3. HỘI NGHỊ THẦN LINH HỌC THẾ GIỚI Ở GLASGOW (1937).....	64
▪ 4. HỘI NGHỊ THẾ GIỚI VỀ TÍN NGƯỞNG TẠI BA-LÊ (1939).....	65
▪ CÁC VỊ GIÁO TÔNG CỦA ĐẠO CAO ĐÀI	71
▪ LỄ KHÁNH THÀNH THÁNH THẤT NAM VANG	79
▪ CÓ HAY KHÔNG HỒI GIÁO BỊ ĐẶT RA NGOÀI ĐẠO CAO ĐÀI?	105
▪ NỐI TIẾP NIỀM ĐAU	113
▪ MINH TRIẾT ĐÔNG PHƯƠNG	133
▪ MINH XÁC GIÁO LÝ	139
▪ KINH CẦU NGUYỆN NƠI CÁC TÍN ĐỒ ĐẠO CAO ĐÀI	171
▪ HỘI THÁNH CAO ĐÀI.....	171
▪ CHỦ NGHĨA TƯỢNG TRƯNG CỦA ĐẠO CAO ĐÀI	173
▪ NHỮNG LỜI KHUYÊN GỢI ĐẾN MỘT TÍN ĐỒ CAO ĐÀI ÂU CHÂU	181
▪ THIÊN BÀN VÀ LỄ PHẨM.....	188
▪ Ý NGHĨA CỦA SỰ SẮP ĐẶT LỄ PHẨM.....	189
▪ NGHI LỄ VÀ KINH KỆ.....	191

▪ HƯỚNG ĐI TÂM LINH	197
▪ ĐỨC HỘ PHÁP VÀ CÁC CỔ PHÁP	199
▪ LỜI CỦA TÒA THÁNH	207
▪ PHỤNG SỰ ĐẠO CAO ĐÀI	221



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

LỊCH SỬ ĐẠO CAO-ĐÀI

LỜI CỦA DỊCH GIẢ

KHI SƯU TẦM ĐƯỢC QUYỂN **HISTOIRE DU CAODAISME**, cái tên sách đã cuốn hút tôi, nhứt là tên tác giả **GABRIEL GOBRON**. Sau đó tôi lại may mắn sưu tầm thêm được quyển **HISTOIRE et PHILOSOPHIE du CAODAISME** cũng của cùng một tác giả.

Đây là hai quyển sách viết về Lịch sử Đạo Cao Đài bằng Pháp văn, do một Chức sắc người Pháp, phẩm Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Hiệp Thiên Đài là ông Gabriel Gobron, viết về lịch sử, giáo lý và triết lý của Đạo Cao Đài. Hai quyển sách này được xuất bản ở Ba-lê, nước Pháp vào hai năm 1948 và 1949.

Khi Đức Hộ Pháp Âu du, Đức Hộ Pháp dùng quyển sách thứ nhì để giới thiệu về Đạo Cao Đài tặng cho những vị khách nào muốn tìm hiểu về nền Tân tôn giáo ở Việt Nam.

Nhận thấy hai quyển sách này chứa nhiều tài liệu lịch sử chưa hề được đề cập đến trong các sách Lịch sử Đạo Cao Đài xuất bản tại Việt Nam, do đó, tôi cố gắng dịch cả hai quyển ra Việt văn để cống hiến quí đồng đạo.

Vì Ngài Gabriel Gobron ở nước Pháp thường xuyên hơn ở Việt Nam nên có một vài sự kiện lịch sử ông viết chưa chính xác, dịch giả xin phép được đính chánh trong

phần chú thích ghi bên dưới để tránh cho quý bạn đạo đọc giả không hiểu lầm.

Đây là quyển sách lịch sử, dịch giả không muốn bỏ sót một chi tiết nào nên cố gắng dịch sát nguyên bản Pháp văn, do đó các câu văn dịch phải chịu kém phần văn chương.

Trong quyển sách này, tác giả G. Gobron đã dùng nhiều từ ngữ cổ, đôi khi có tính cách địa phương, không phổ thông, do đó phần dịch ra Việt văn rất khó khăn, như là sách tôn giáo và triết lý, mà trình độ của dịch giả còn rất hạn chế, nên chắc chắn không thể tránh khỏi nhiều sai sót.

Ước mong quý độc giả cao minh nêu ra những chỗ sai sót để dịch giả sửa chữa, hầu sau này bản dịch được khá hơn để hiến dâng Hội Thánh sử dụng. Được như vậy, dịch giả vô cùng cảm tạ.

Dịch giả: Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng.

Tiểu sử Vắn Tắt của Tiếp Dẫn Đạo Nhơn GABRIEL GOBRON



Ghi chú: chân dung Ngài Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Gabriel Gobron là: Ảnh sưu tầm của đạo-hữu Kiệt (Tây Ninh, VN)

Ông là một trí thức Pháp, làm Giáo sư Trung học, làm Ký giả cho nhiều tờ báo ở Pháp, đã nghiên cứu nhiều về Thần linh học, nên khi Ngài Phối Sư Thượng Vinh Thanh phổ độ ông thì ông liền theo Đạo Cao Đài vào năm 1931, trong thời gian Ngài Phối Sư sang công tác nơi nước Pháp.

Năm 1932, Đức Quyền Giáo Tông và Đức Hộ Pháp phong cho ông phẩm Tiếp Dẫn Đạo Nhơn, cử ông làm đại diện Đạo Cao Đài tại Pháp, tham dự các Hội nghị Tôn giáo quốc tế và các Hội nghị Thần linh học ở Châu Âu.

Ông Gabriel Gobron sanh ngày 5-7-1895 tại Bayonville tỉnh Meurthe-et-Moselle thuộc vùng Lorraine nước Pháp và mất ngày 8-7-1941 do bệnh nặng tại Rethel quận Ardennes nước Pháp. Ông Gabriel Gobron nói và viết thông thạo nhiều thứ tiếng ngoài tiếng Pháp: Anh, Đức, Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.

Vợ của ông là Bà Marguerite Gobron, cũng nhập môn theo Đạo Cao Đài một lượt với ông, được phong phẩm Nữ Lễ Sanh, sau được thăng lên Nữ Giáo Hữu.

Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Gabriel Gobron tham dự nhiều lần các Hội nghị Tôn giáo thế giới, trình bày đầy đủ tôn chỉ, giáo lý và triết lý của Đạo Cao Đài, đồng thời viết nhiều bài báo bình vực Đạo Cao Đài và truyền bá Giáo lý Cao Đài. Nhờ vậy nhiều người Âu Châu mới biết được Đạo Cao Đài.

Ông đau bệnh luôn nên tất cả bài viết về Đạo Cao Đài được ông giao phó và di chúc cho ông DELECOURT – GALLOIS sắp xếp và xuất bản sau khi ông mất.

Ông Delecourt-Gallois giao cho nhà xuất bản DERVY xuất bản 2 cuốn sách của Gabriel Gobron viết

về Đạo Cao Đài:

- **Histoire du Caodaisme**, xuất bản tháng 6 năm 1948.
- **Histoire et Philosophie du Caodaisme**, tháng 7 năm 1949.

HISTOIRE du CAODAISME

(Xuất bản năm 1948)

NOTE DE L'ÉDITEUR

Pour la compréhension du livre, nous prévenons le lecteur que les textes et les documents présentés ici ont été écrits ou rassemblés par M. Gabriel Gobron, entre 1937 et 1939.

Seules les photographies sont de date récente.

LỜI GHI CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Để nhận thức về quyển sách này, chúng tôi xin báo trước với độc giả là những bài và tài liệu trình bày nơi đây được ông Gabriel Gobron viết và tập hợp lại từ năm 1937 đến 1939. Chỉ có các bức ảnh là mới thêm vào gần đây.

HISTOIRE du CAODAISME

Bouddhisme rénové,
Spiritisme annamite,

Religion nouvelle en Eurasie.

LỊCH SỬ ĐẠO CAO ĐÀI

Phật giáo canh tân,
Thần linh học Việt Nam,
Tôn giáo mới ở đại lục Âu-Á.

Nguyên tác của Tiếp Dẫn Đạo Nhơn

GABRIEL GOBRON

Bản dịch của Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng

DẪN NHẬP

ĐẠO CAO ĐÀI

TIẾNG “*CAODAISME*” DO CHỮ “*CAO ĐÀI*” MÀ DỊCH nghĩa từng chữ là: Đền đài Tối cao. Từ ngữ này ở trong các kinh cầu nguyện rất cổ điển của Phật giáo. Điều này đặt nguồn gốc chính của tôn giáo này, trước tiên chúng ta sẽ thấy đó là *Phật giáo canh tân*.

Tôn giáo mới này (Thông điệp chủ yếu từ năm 1926) có gốc rễ nơi những truyền thống lâu đời nhất của Phật giáo và những khả thi thanh khiết nhất.

Đạo Cao Đài trong một vài điểm nào đó, được so sánh với đạo Tin Lành về nguồn gốc đối với Công giáo La mã. Và lại, cái khả năng so sánh ấy đã vượt qua trong cái nghĩa lợi lộc, nghĩa là trong cái nghĩa hòa hợp tốt đẹp, giống như hiện tại cho phép xem xét trong một tương lai không xa, sự hiệp nhất của các Giáo hội Công giáo trong một Tổng Giáo hội Công giáo thống nhất.

Tính cách đặc biệt của Đạo Cao Đài là tinh thần tổng hợp. Cho nên, vai trò hòa giải của Đạo Cao Đài có thể đem lại những đóng góp lớn lao cho nền hòa bình tôn giáo hay nền hòa bình nói chung.

Không có chủ nghĩa đảng phái trong Đạo Cao Đài, cũng như thay vì dẫn tới những đối kháng giữa các tôn giáo, tôn giáo mới này đang và sẽ tạo ra, càng lúc càng hơn, mối khuyến dụ thường xuyên về sự hòa hợp tốt đẹp giữa

nhiều sự phục tòng tôn giáo, thần bí, triết lý hay bí pháp.

Sự hòa hợp tốt đẹp của các thế lực tâm linh ban cho thế giới sự hài hòa tốt nhất trên tất cả các mặt.

Người bạn đáng thương tiếc của chúng tôi, **Gabriel Gobron**, muốn chứng minh cái đẹp, cái chơn thực, cái hiệu dụng của Đạo Cao Đài bằng cách trình bày lịch sử và cách hành đạo của nền tôn giáo ấy.

Gabriel Gobron sanh tại Bayonville ngày 5 tháng 7 năm 1895, đã từ trần ngày 8 tháng 7 năm 1941 tại Rethel.

Thông thạo nhiều ngôn ngữ, nhà khảo cứu không mệt mỏi trong thế giới thần linh và linh hồn, tiểu thuyết gia, sử gia, ký giả, giáo sư, Gabriel Gobron là người hiếu kỳ và mãi mãi là người hiếu kỳ. Cao thượng, lòng quảng đại tràn ngập tinh thần, Gabriel Gobron là nhà bút chiến hăng hái.

Chắc chắn là người hiếu kỳ, nhưng không phải xu hướng tài tử, khi ông nghĩ rằng mình đã phát hiện một cái đẹp tinh thần, một chơn lý triết học hay tôn giáo, ông muốn phổ biến cho mọi người biết ngay và chia sẻ với họ. Ông không ngần ngại đả kích luôn luôn hăng hái những ai mà dưới mắt ông muốn che đậy sự thật. Chính vì thế, ông đã khám phá ra Đạo Cao Đài và chính vì thế ông đã đấu tranh đến hơi thở cuối cùng, cầu nguyện cho tôn giáo ấy phát triển. G. Gobron là người đại trí, nhất là một người cao thượng.

Sau giai đoạn sưu tầm, nghiên cứu và khám phá từ năm 1930, G. Gobron là nhà truyền giáo xác tín, một người thợ giáo sáng suốt và chẳng bao lâu sau ông chính thức được Đạo Cao Đài tín nhiệm ở phương Tây và đặc

biệt ở Pháp.

Những buổi thuyết giảng, những bài báo, những công trình nghiên cứu tiếp nối nhau với những bài chưa in, đã tạo thành một tập kỷ lục dày mà quyển sách này, xuất bản sau khi G. Gobron mất, là một trong những phần chánh.

Vì vậy, tác phẩm này tạo thành một thông điệp chính xác của thế giới vô hình. Đối với chúng tôi, đây là một tác phẩm rất an ủi, khi hoàn thành bài này, than ôi! rút lại chỉ còn có 200 trang.

Thông điệp của thế giới vô hình, tác phẩm này xuất bản sau khi Gabriel Gobron mất, chúng tôi hy vọng, sẽ được đón nhận một cách đặc biệt bởi đồng đạo bạn bè thần linh học của tác giả, người đã đóng góp rất nhiều bằng ngòi bút, lời nói và sự thực nghiệm cho Thần linh học.

Có thể nói, Thần linh học đã đưa Gabriel Gobron đến với Đạo Cao Đài, bởi vì như thế chúng ta sẽ thấy, tôn giáo này chính thật là Phật giáo canh tân, đã có nơi nguồn gốc và bảo tồn đến nay những sợi dây liên lạc chắc chắn với Thần linh học. Do đó nơi tác phẩm này, Gabriel Gobron có ghi tiểu đề thứ nhì là: *Thần linh học Việt Nam*.

Bởi tôn trọng để kỷ niệm tác giả, cũng như để chính xác trong sự trình bày, chúng tôi giữ nguyên hai tiểu đề xem như hoàn hảo:

ĐẠO CAO ĐÀI, PHẬT GIÁO CANH TÂN, VÀ THẦN LINH HỌC VIỆT NAM

Để cho đầy đủ, chúng tôi có thể nói thêm: *Sự tổng hợp các tôn giáo*. Làm như thế là lấn sang một tác phẩm khác mà chúng tôi hy vọng sau này sẽ công bố nếu như chúng tôi được sự khích lệ cần thiết. Những sự khích lệ

ấy là một việc thuần túy tinh thần.

Vì Đạo Cao Đài xuất phát từ Thần linh học để canh tân Phật giáo và sau đó sẽ phát triển trong sự tổng hợp hài hòa các tôn giáo. Như thế, đạo chẳng mất đi những ưu điểm trong nguồn gốc Thần linh học, cũng không trong nguồn gốc tạo thành của Phật giáo.

Là khoa Thông Thiên học thực sự, giáo lý Đạo Cao Đài, với sự chọn lọc hoàn hảo, thu hút tất cả cái Thiện cái Mỹ của các tôn giáo khác, như là những tinh hoa trong luân lý thực hành, hoặc trong lễ nghi, hoặc trong triết lý.

Tánh khiêm cung của “*Anh Gago*” (đó là tiếng mà các tín đồ Cao Đài ở Đông Dương gọi Gabriel Gobron) khiến ông vui lòng giới hạn vai trò mình là người tranh luận bên vực và truyền bá nền Tân tôn giáo. Những nghiên cứu, sự thiển định, sự thần bí của Gago làm cho ông xứng đáng hơn nữa. Ta có thể nói rằng, ngày hôm nay, Gago là một triết gia đầu tiên và một sử gia đầu tiên của Đạo Cao Đài.

Công trình của ông dường như chưa hoàn thành khi ông từ bỏ đời sống hằng ngày để đi vào cõi Đông phương vĩnh cửu; với sự phát hành sách này, giá trị sử gia của Đạo Cao Đài được xác nhận.

Từ thế giới vô hình, *Anh Gago* sẽ soi sáng và che chở chúng ta vì đó là ý muốn sâu thẳm trong đức tin của ông.

Một cách thành kính, chúng ta hãy nghe ông nhận lãnh sứ mạng với sự khiêm tốn hoàn toàn tính cách Cao Đài:

“Nếu tôi nhận lãnh vai trò khỏ khan của một sử gia đầu tiên của Đạo Cao Đài, chính là vì những huynh đệ và

thân hữu Việt Nam của tôi đã phán đoán trong sự khoan dung thái quá của họ rằng tôi là một trong những người phương Tây có nhiều tài liệu nhất về sự tiến triển và những khổ não của Đạo Cao Đài.

“Một sức khỏe mong manh khó giúp tôi hoàn thành bốn phận nặng nề của một nhiệm vụ như thế. Tôi xin lỗi quý độc giả chú ý, kể bên tất cả khiếm khuyết trong công việc của tôi, tôi chỉ cầu xin quý vị nhất là tha lỗi cho tôi, khi nó đưa tôi đến chỗ quá đáng, nghĩa là của tình huynh đệ, cả với các vị đối nghịch và kẻ thù rằng: Đây là một tín đồ Cao Đài không xứng đáng, nó cũng không đi đến quyền lực của lãnh chúa, người bịnh sẽ vứt bỏ cái mũ của nó trong sự tức giận và chà đạp lên những văn phẩm thần thánh của Đấng Christ, của Đức Phật, Đức Khổng..”

Với sự sám hối, chúng tôi gửi đi thông điệp này, cuối cùng, chúng tôi im lặng để độc giả, thoát khỏi những lời phê bình của chúng tôi, đọc di cáo đầu tiên này của Gago.

NGUỒN GỐC THẦN LINH HỌC VIỆT NAM

MỤC SƯ STAINTON MOSES LUI VỀ ẨN DẬT TẠI núi Athos trong 6 tháng, trong khoảng thời gian này, ông nghiên cứu Thần học và đối chiếu các lý thuyết trái nghịch nhau. Việc làm tuyệt vời này đem lại cho tâm trí ông, từ chỗ thiên về khuôn phép, giáo điều, không khoan dung, đến chỗ khiêm tốn hơn, minh triết và chơn thực. Sau đó, ông được bổ nhiệm đến ở trong một ngôi nhà nhỏ của Mục sư thuộc đảo Man. Nơi đây, các thú nhàn rỗi không thiếu: cảnh thiên nhiên, đọc sách, cầu nguyện, thiền định, trầm tư mặc tưởng về thần bí, làm cho ông thành một nhà giảng đạo rất thương tâm: Đấng Thượng Đế đã nắm chặt lấy ông và xem chừng như không buông thả ông, như xưa kia ma quỷ không buông thả Socrate. Thượng Đế dẫn Mục sư Stainton Moses đến trường đại học Oxford, biến ông thành một trong những công cụ quý báu nhất của “*Tân Thiên khai*”, một trong những đồng tử linh cảm nhất trong thế kỷ của chúng ta.

Chính cũng trong cảnh cô tịch, yên tĩnh, ẩn dật mặc tưởng mà Đấng Cao Đài tìm thấy người tín đồ đầu tiên của Ngài. *Chẳng có đền thờ nào đẹp hơn thiên nhiên, chẳng có quyển sách nào thiêng liêng hơn quyển sách đời*: Đức Jésus lui về vườn Gethsémani cũng tại sa mạc; Thánh François d’Assise nói về Thần mưa, Thần gió, về những ngôi sao

im lặng, về những con chim én lẩm lời và sờ bàn tay lên mồm của con chó sói Gubbio rồi dắt nó về nơi Ngài như dắt một con chó hiền từ ngoan ngoãn. Nhà tự nhiên học Thụy điển Bengt Berg có thể làm cho con Lahol, một con chim rất nhát ở miền Laponie, đẻ trứng và ở trong lòng bàn tay của ông. (*Mon ami le pluvier*, Stock). Nơi nào Thánh nhân cư ngụ, đất chỗ đó là Thánh địa và thiên nhiên là huyền bí.

NGƯỜI TÍN ĐỒ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN

Đạo Cao Đài được thành lập chánh thức từ năm Bính Dần (1926), nhưng từ 6 năm trước đã có một người thờ phụng Đấng Cao Đài: đó là ông Đốc Phủ Ngô Văn Chiêu, sau đó ông tòng sự tại Phòng nhì của Phủ Thống đốc Nam Kỳ.

Là Quận Trưởng hành chánh vào năm 1919 tại Phú Quốc (một hòn đảo trong vịnh Thái Lan), Ngài Ngô Văn Chiêu sống cuộc đời hiền đức theo đúng điều luật chặt chẽ của Lão giáo. Trong địa phương hẻo lánh ấy lại thích hợp với đời sống tu hành, thảnh thoảng nhờ những đồng tử nhỏ tuổi, từ 12 đến 15 tuổi, ông Phủ Chiêu tổ chức các đàn cơ Cầu Tiên, nhận được những lời giáo huấn cần thiết cho sự tiến hóa tâm linh. Trong số những Đấng tiếp xúc được, có một Đấng tự xưng là “*Cao Đài*”, quan tâm đặc biệt đến ông Phủ Chiêu.

Lúc đầu, cái tên ấy làm kinh ngạc những người hiện diện, bởi vì không có một quyển sách tôn giáo nào ghi chép việc này. Tuy nhiên, ông Phủ Chiêu mà sự miễn tiện của ông làm cho bạn bè ngưỡng mộ, nhận ra rằng đó là biệt danh của Thượng Đế, vì bởi những khả thị và

những giáo huấn triết lý ở trình độ cao mà ông đã lãnh hội được nhiều lần.

Ông Phủ Chiêu xin phép Đấng Cao Đài cho ông được phụng thờ Ngài dưới một hình thức xác thực và ông được lệnh tượng trưng Ngài bằng một con Mất làm biểu hiệu.

Đó chính là sự nhập môn của người tín đồ Cao Đài đầu tiên vào tôn giáo mới và tôn giáo này 6 năm sau được lập nên ở Sài Gòn.

Chẳng bao lâu sau, ông Phủ Chiêu được đổi về thủ đô Sài Gòn, nơi đây, ông thuyết phục được vài người tin theo đạo mới và gia nhập đạo.

Nhưng, chúng ta hãy tạm rời những người nhập đạo mới đầu tiên ấy trong giây lát để chỉ cho độc giả biết cách thức mà Đấng Cao Đài tuyển mộ các đồng tử.

Vào giữa năm Ất Sửu (1925), một nhóm nhỏ các thơ ký người Việt Nam thuộc nhiều nghiệp vụ hành chánh khác nhau tại Sài Gòn, tiêu khiển vào mỗi buổi tối bằng việc thông công với người vô hình theo lối Thần linh học. Họ dùng cái “*bàn gõ*” (table frappante). Những thử nghiệm đầu tiên không kết quả. Nhưng với sức nhẫn nại và kiên trì, họ đạt được những kết quả tích cực.

Với những câu hỏi đặt ra cho các Đấng chơn linh, hoặc bằng thơ, hoặc bằng văn xuôi, họ nhận được những câu trả lời đáng kinh ngạc. Cha mẹ hay bạn bè quá cố của họ hiển linh để nói với họ những việc gia đình và đồng thời khuyên họ hy sinh quên mình. Những phát hiện xúc động ấy giúp họ nhận biết sự hiện hữu của thế giới huyền bí.

Tuy vậy, có một Đấng thiêng liêng thông công được

rất đáng chú ý vì sự ân cần của Ngài và những điều giáo hóa của Ngài về đạo đức và triết lý ở một mức độ rất cao. Đấng ấy ký dưới tên giả là “*A Ấ Ấ*”, không muốn cho biết về Ngài, mặc dầu có những lời cầu nguyện của những người tham dự.

Sau đó, những ông thơ ký Việt Nam khác đến tham gia làm đồng đạo thêm nhóm xây bàn tài tử. Những đàn Cầu Tiên được tổ chức nghiêm túc hơn và đều đặn hơn.

Vì việc dùng cái “*bàn gõ*” không tiện lợi, nên một Đấng thiêng liêng bảo phải thay thế bằng “*Ngọc cơ*”. Với Ngọc cơ, các Đấng có thể viết chữ trực tiếp, việc thông công tự nhiên được nhanh hơn và các đồng tử phò cơ đỡ mệt hơn.

Ngày 24-12-1925, nhân dịp Lễ Noel, Đấng thiêng liêng dẫn dắt bấy lâu nay, vẫn khăng khăng giữ nặc danh, nay tiết lộ với các vị phò cơ, Ngài là Đấng Thượng Đế đến dưới tên gọi là Cao Đài để truyền dạy chơn lý tại nước Việt Nam.

Diễn tả bằng tiếng Việt Nam, Ngài nói đại ý như sau:

“Hãy vui hưởng ngày lễ này. Đây là lễ kỷ niệm ngày Ta đến Âu châu để dạy đạo. Ta rất vui lòng gặp các con, những tín đồ đầy lòng kính trọng và yêu mến Ta. Ngôi nhà này của một trong các vị phò cơ sẽ có tất cả ơn phước của Ta. Những biểu hiện Toàn Năng của Ta sẽ khiến các con còn kính mến Ta hơn nữa.”

Từ đó, Đấng Cao Đài truyền thụ nền Tân giáo lý cho các tín đồ.

Đây chính là sự tuyển chọn các đồng tử đầu tiên có phận sự tiếp nhận các Thánh Ngôn (thông điệp thiêng

liêng).

Về ông Phủ Chiêu, người tín đồ Cao Đài đầu tiên, tạp chí La Revue Caodaïste (số 22 tháng 3 năm 1933), nhân dịp ông từ trần, cho chúng ta biết vài chi tiết.

I. Thời thơ ấu: Ông Phủ Ngô Văn Chiêu chào đời ngày 28-2-1878 tại Bình Tây (Chợ Lớn) trong một ngôi nhà nhỏ ở phía sau chùa Quan Đế. Ngay khi sanh ra, cậu bé từ chối bú sữa mẹ, nên phải thay sữa mẹ bằng nước cháo.

Cha mẹ của cậu rất nghèo, sau đó dọn nhà về Mỹ Tho và giao cậu cho người cô để được cô gởi cậu đi học.

Vốn rất thông minh, ở tuổi 12, cậu đã dám đến gặp quan Chủ Tỉnh Mỹ Tho để xin học bổng và được chấp thuận. Cậu được nhận vào học sinh nội trú có học bổng bậc tiểu học, rồi trung học tại Collège Mỹ Tho. Cậu đã hăng hái làm việc và đã trúng tuyển kỳ thi tuyển Thư ký Hành chánh. Thời bấy giờ, việc làm này là điều mơ ước của những học sinh có bằng cấp Thành Chung. Ở tuổi 21, người thanh niên ấy vì không có điều kiện học xa hơn nữa, nên bằng lòng bước vào cuộc đời công chức để giúp đỡ cha mẹ.

II. Cuộc sống công chức và Thiên chức tôn giáo:

Người công chức ấy (ông Chiêu) khởi đầu được bổ dụng vào Sở Di Trú tại Sài Gòn, làm việc trải qua 3 năm từ 1899 đến 1902. Vốn là người có khuynh hướng tôn giáo, ông thích kể chuyện các vị Thánh và những chuyện mạo hiểm của các vị Tiên ở nước Trung hoa thời cổ, mà ông được bè bạn người Tàu kể cho nghe trong thời gian ở nhà người cô, có chồng là người Tàu. Một hôm, một người bạn gặp ông đang kể chuyện các vị Thánh cho các học trò

Tàu ở Chợ Lớn mà ông thường đến dạy kèm vào buổi tối.

Ông rất tôn kính các bậc Thần Thánh. Tại nhà của ông, ông lập bàn thờ Đức Quan Thánh Đế Quân và thường tụng kinh Minh Thánh, quyển kinh mà chơn linh Quan Thánh nhập vào một người có đạo đức cao viết nên và ông đã ăn chay 2 ngày mỗi tháng.

Vào năm 1902, nơi đàn cầu cơ lập ra ở Thủ Dầu Một, ông đến hầu đàn, một vị Đại Tiên giảng đàn tiết lộ cho ông biết sứ mệnh tôn giáo và khuyến khích ông sớm theo Đạo.

Nếu chúng ta tham khảo tạp chí “*Ấn Độ tranh ảnh*” có loạt bài đề cập tới những biểu hiện khác nhau về tôn giáo tại Ấn Độ thuộc Anh, tại Thái Lan, Trung hoa, Nhật bản và Phi Luật Tân, vv..., chúng ta thấy trong tạp chí số 2 tháng 3 năm 1933, một khảo cứu về Đạo Cao Đài ở Nam Kỳ. Chúng ta đọc qua đề tài về nguồn gốc của tôn giáo ấy:

“Mới đây (1929), Đạo Cao Đài đã phổ biến nhanh chóng và lan rộng khắp Nam Kỳ

Nguồn gốc: Đầu năm 1926, một vài trí thức trẻ người Việt Nam, tất cả đều là tín đồ Phật giáo, tụ họp trong một căn nhà nhỏ tại trung tâm Sài Gòn. Họ thường xây bàn để thí nghiệm về Thần linh học.

Sau giai đoạn dò dẫm, họ hoàn thành và nói rằng họ đạt được những kết quả đáng kinh ngạc khi dùng những người bạn có khả năng tiếp diễn mạnh mẽ.

Khởi đầu trong việc giao tiếp thiêng liêng, một trong những vị Tiên của Trung hoa cổ là Lý Thái Bạch, Homère của Trung hoa, người đã canh tân văn học Trung quốc vào triều đại thứ 13 nhà Đường (713 – 742) và là một tín đồ Lão giáo nhiệt thành.

Như thế, một lần nữa, chúng tôi đã chứng minh được tiểu đề: **Đạo Cao Đài hay Thần linh học Việt Nam.**

NHÂN CHỨNG NGƯỜI PHÁP

Đó là ông Jean Ross, cộng tác viên của báo “*Le colon français*” ở Hải Phòng, viết về nguồn gốc của Đạo Cao Đài:

“Năm 1926! Chúng tôi đang ở vào đầu năm.

Trong vài ngày nữa là đến Tết Việt Nam. Cách chợ trung tâm không xa, trên con đường thẳng góc với đại lộ nối liền Sài Gòn – Chợ Lớn, một dãy phố có vẻ đơn sơ là nơi ở của phần đông các công chức thuộc cơ quan hành chánh lớn và các công ty. Tại một trong những căn phố đó, từ nhiều tháng nay, những thợ kỹ trẻ của sở thuế, sở công chánh, sở hỏa xa, của công ty,... (ở xa nên không ghi rõ), tụ họp nhau vào buổi tối sau giờ làm việc ở sở, giải trí với nhau bằng cách Xây bàn, làm cho cái bàn nói được.

Họ là những tín đồ Phật giáo tất cả⁽¹⁾. Họ bắt đầu như thế nào? Một trong những người ấy đã nghe nói về Thần linh học, về Xây bàn trong sở làm việc, nơi mà một trong những ông sếp của ông ta, gốc Nam Kỳ, là một tín đồ Thần linh học xác tín, đại diện của Hội Thần linh học quan trọng nhất của nước Pháp. Ông ta nói lại cho nhiều bạn nghe và một ngày đẹp trời, bốn người bạn ấy ngồi vây quanh một cái bàn.

(1). **Chú thích của dịch giả:** Định chánh: Nhóm xây bàn đó có 4 ông: Phạm Công Tắc theo Công giáo, 3 ông: Cao Quỳnh Cư, Cao Quỳnh Diêu và Cao Hoài Sang thì chưa có tín ngưỡng tôn giáo.

“Cứ thử xem có được không? Có thật không?” Họ

đã bảo nhau như thế. Những kết quả buổi đầu luôn luôn không sáng sủa, nhưng dần dần họ loại bỏ những người không có khả năng tiếp diễn thiêng liêng và thay vào đó là những bạn có thiên tư hơn, họ ghi nhận được những kết quả kỳ diệu.

Họ đặt những câu hỏi cho cái bàn và họ đều nhận được câu trả lời. Họ hỏi rằng có phải họ giao tiếp được với Thần linh? Câu trả lời khẳng định là: Đúng.

Chuyện trở nên nghiêm túc. Mỗi lần thí nghiệm, họ hỏi danh hiệu của vị Thần linh giáng bàn nói chuyện với họ. thường là những vị Thánh hiền thời cổ Trung hoa như Lý Thái Bạch hay Quan Thánh Đế Quân, đôi khi là một Đấng vô danh. Việc làm lúc đầu chỉ là một trò giải trí với chủ nghĩa thần bí vốn rất quen thuộc với tâm hồn người Việt Nam, về sau trở thành cuộc nói chuyện có tính đặc ân với các Đấng Thần linh thượng đẳng của thế giới huyền bí mà họ cầu xin những lời khuyên bảo.

Không hề có một nghi ngờ nào về tính cách chơn thật của các cuộc nói chuyện đó, trước hết vì tất cả những người tham dự đều cùng xuất phát từ một điểm khởi hành, họ không thể nghi ngờ trò lừa bịp của một ai trong bọn họ, kể đó, vì sự thông linh với thế giới huyền bí làm họ phát hiện được những sự nâng cao tình cảm, những kiến thức khoa học và triết học sâu sắc mà không một ai trong bọn họ có thể là tác giả.

Nhưng việc sử dụng cái bàn xây để trao đổi với thế giới vô hình, thật sự không được tiện lợi! Phải mất nhiều thời gian mới nhận được một câu trả lời.

Chính vào thời kỳ mà tôi nói (tác giả G. Gobron),

nghĩa là trước Tết Bính Dần (1926), họ thổ lộ tâm tình với Thần linh mà họ tiếp xúc. Vị ấy trả lời là nên dùng Ngọc cơ.

Họ thỉnh cầu chỉ dẫn Ngọc cơ gồm có những gì? (Những người nầy ước chừng không thông thạo Thần linh học hay chỉ tham dự một đàn Cầu Tiên duy nhất nên họ chỉ mới tập sự). Đấng Thần linh khuyên họ nên đến hỏi một người đồng bào của họ là ông Phủ Chiêu, rất thông thạo về cách cầu cơ trong Thần linh học⁽²⁾, bởi vì rất khó mà làm cho hiểu được với phương tiện là một cái bàn cử động.

Lúc đó, Đạo Cao Đài sắp được sáng lập hay nói đúng hơn là sắp bước vào giai đoạn được quần chúng biết đến, bởi từ nhiều năm nay, như chúng ta đã thấy, có một người thờ phụng Đấng Cao Đài. Người nầy theo giáo lý của Đức Phật Thích Ca, không ai khác hơn là ông Phủ Chiêu.

(2). *Chú thích của dịch giả: Đính chánh: Lúc bấy giờ nhóm 4 vị xây bàn chưa liên lạc với ông Phủ Chiêu. Việc cầu cơ là do Ngài Cao Quỳnh Cư hỏi ông phán Phan Văn Tý thuộc Chi Minh Thiện. Ông Tý cho mượn một cây Ngọc cơ và hướng dẫn quý ông cầu cơ. (Xem Đại Đạo Truy Nguyên của Huệ Chương). Việc Xây bàn là theo Thần linh học phương Tây, nhưng việc Cầu cơ thỉnh Tiên là theo Lão giáo, từ đạo Minh Sư bên Trung hoa truyền qua VN.*

Ngoài luân lý đạo đức của Đức Phật và Đức Khổng Tử mà ông Phủ Chiêu sùng kính như những biểu hiện thiêng liêng, ông còn tin tưởng sự hiện hữu của Thượng Đế Toàn năng, là Chúa tể càn khôn vũ trụ mà ông gọi là Đấng Cao Đài. Ông cũng tin tưởng các Đấng thiêng liêng mà ông đã liên lạc được trong nhiều năm.

Phẩm hạnh của vị tín đồ Cao Đài đầu tiên ấy rất gương mẫu, người mà các thanh niên được gọi tới để

học hỏi.

Đồng bào của ông Phủ Chiêu, toàn thể đều xem ông như một vị Thánh sống. Ông chỉ bảo các vị thơ ký cách dùng Ngọc cơ (mà sau này tôi sẽ có dịp quay trở lại) giúp cho những buổi cầu cơ được dễ dàng rất nhiều. Chính ông cũng trực tiếp tham dự, hân hoan sử dụng các đồng tử có đặc khiếu, thành thạo, có khả năng tiếp diễn mạnh mẽ lạ thường.

Sau khi đến liên lạc với ông Phủ Chiêu, cũng trong hoàn cảnh tương tự và theo sự chỉ bảo của Đấng thiêng liêng nói trên, các vị thơ ký ấy đến tìm nhà của một người đồng bào khác, là cựu quan chức Nam kỳ, cựu Nghị viên Thượng Nghị viện Đông Dương, Lê Văn Trung⁽³⁾, người cũng tự mình thỉnh thoảng tham dự các đàn cầu cơ. Những người thơ ký trẻ tuổi chưa hề biết tên Lê Văn Trung trước khi Đấng thiêng liêng chỉ dẫn. Ông Trung trước kia không sống đời đạo đức gương mẫu, mà lại thích hưởng thụ những gì có thể được. Vào thời điểm trước khi những thơ ký trẻ tuổi tìm đến ông để xin lời chỉ bảo, thì ông Trung đã tiêu phá gần hết gia tài của ông.

(3). **Chú thích của dịch giả:** *Đính chánh: Nhóm thơ ký trẻ gồm các vị: Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, theo lệnh của Đức Chí Tôn đến gặp Ngài Lê Văn Trung trước khi đến với ông Phủ Chiêu. Trước khi nhóm thơ ký trẻ đến tìm ông Trung thì ông Trung đã đến hầu đàn ở Chợ Gạo Phú Lâm, được Đức Lý Thái Bạch độ ông bằng cách dùng huyền diệu làm cho đôi mắt của ông sáng lại (vì trước đây ông bị bệnh quáng mắt). Sau khi Ngài Trung gia nhập nhóm, Đức Chí Tôn ra lệnh quý ông đến gặp ông Phủ Chiêu để hỏi về cách thờ phượng Đức Chí Tôn.*

Trước 50 tuổi, ông Lê Văn Trung, dưới con mắt của mọi người, là một người đam mê vật chất, tham dự câu cơ một cách tài tử, xem như là lời dẫn trước của Đấng Thượng Đế, chỉ định ông hiệp với ông phủ Chiêu mà ông Trung đã quen biết từ lâu, để chỉ đường mở lối cho các vị trẻ tuổi đã theo Thần linh học. Kể từ ngày ấy, ông Trung quyết định sống cuộc đời gương mẫu và tỏ ra xứng đáng với sứ mạng mà Đấng Cao Đài giao phó. Vì thế, ông ngưng hút thuốc phiện một cách đột ngột mà không thấy khó chịu. (Những tín đồ Cao Đài nói rằng, điều đó chứng tỏ ông Trung được Đức Chí Tôn phù hộ, vì một người khác không thể cai thuốc dễ dàng như thế). Ông cử uống rượu, cử ăn thịt cá, trở nên ăn chay thật sự và sống khổ hạnh như những vị hòa thượng khắc khổ nhất.

Sự nhập đạo nhiệm mầu này lôi cuốn một số đông môn đệ đầu tiên thường thuộc những gia đình khá giả hay đang nắm chức vụ cai trị khá cao, nhất là ông Phủ Tương đang làm việc trong tỉnh Chợ Lớn, như là bạn đồng liêu của ông Phủ Chiêu, là một người có đạo đức cao, luôn luôn thực hành nhơn đạo của Đức Khổng Tử, ông Đốc phủ Lê Bá Trang, ông Huyện hàm Nguyễn Ngọc Thơ và bạn đời của ông là bà góa phụ Monnier, người Nam Kỳ, rất giàu, từ nhiều năm đã dùng một phần tiền thu nhập vào các công việc từ thiện.

Ông Phủ Chiêu là người được chỉ định trước tiên vào chức vụ chỉ huy tối cao của nền Tân tôn giáo, Giáo Tông của Đạo Cao Đài, nhưng ông Phủ Chiêu né tránh nên Ngài Lê Văn Trung được chỉ định thay thế.

Tôi (tác giả G. Gobron) có hỏi một trong những Chức sắc cao cấp, những lý do vì sao ông Phủ Chiêu có

thái độ như vậy? Vị ấy trả lời cho tôi biết rằng ông Phủ Chiêu chính là tín đồ đầu tiên của Đạo Cao Đài ở Nam Kỳ, đã làm tròn phận sự lãnh đạo tối cao của nền tôn giáo, nhưng ông tỏ ra không đủ khả năng vượt qua các thử thách mà Thượng Đế đã định cho ông, cũng như đã đặt ra cho tất cả vị lãnh đạo cao cấp khác, trước khi nâng phẩm vị họ lên một bậc trên nấc thang mà tột đỉnh là sự hoàn thiện. Do đó, ông phải chuộc lại sự yếu đuối mà ông đã từng chứng tỏ, trước khi lấy lại địa vị mà ở quá khứ dành quyền cho ông.

GIÁO TÔNG CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

Sự nhập đạo của Ngài Lê Văn Trung, người trở thành Giáo Tông của Đạo Cao Đài, là một trong những biến cố lớn ở Đông Dương.

Đó là vào năm 1925, ông Trung ở Chợ Lớn, say mê vào công cuộc kinh doanh, trong cảnh huyên náo của một thành phố vốn tôn thờ tiền bạc, ông hoàn toàn xa lánh tôn giáo. Một buổi chiều, theo lời mời của một người bà con, vốn là một tín đồ xác tín Thần linh học thuộc Chi Minh Lý ở Sài Gòn (Chi này giống như Minh Tân, Minh Thiện, phát sinh từ Thần linh học trong những năm trước 1925 – Lời chú thích của tác giả), ông đến dự một đàn cầu cơ tại Chợ Gạo trong vùng ngoại ô.

Tại buổi hội nhóm này, Đức Lý Thái Bạch giảng đàn, nói riêng với ông Trung, tiết lộ nguyên căn thiêng liêng của ông, đồng thời báo cho ông biết sứ mạng tôn giáo sau này của ông. Đức Lý khuyến khích ông Trung sớm đặt mình vào nền tôn giáo mới. Xúc động vì ân sủng, ông Trung không ngần ngại thay đổi cách sống. Được sự

nâng đỡ của đức tin, ông Trung can đảm bỏ hút thuốc phiện ngay và bắt đầu ăn chay; ông cũng từ bỏ công việc kinh doanh để có thể hiến dâng hoàn toàn cho tôn giáo.

Sự nhập đạo của vị này, mới hôm qua còn tha thiết của cải và sự hưởng thụ cuộc đời, thật quá rõ ràng để người ta tự hỏi, phải chăng cho đến hôm đó, những đàn cầu cơ tổ chức tại Chợ Gạo, đã được thúc giục lập ra bởi các Đấng với sứ mạng truyền giáo, trong mục đích duy nhất là diu dắt ông Lê Văn Trung trở lại con đường Đạo Pháp.

Cho nên, khi ông Trung quyết định sống theo Đức tin mới mà ông vừa tiếp thu được, các Đấng thiêng liêng liền ra lệnh giải tán nhóm đồng tử Thần linh học (nơi đàn Chợ Gạo) trong sự kinh ngạc và đau buồn sâu đậm của những người trong nhóm.

Tại Sài Gòn, Đấng Cao Đài nhận thấy đã đến lúc đem những đồng tử xây bàn của Ngài tiếp cận với ông Lê Văn Trung. Ngài gởi hai trong số những đồng tử này (ông Cư và Tác) đến nhà ông Trung với lệnh truyền là tổ chức tại đó một đàn cầu cơ để Ngài ban cho những lời giáo huấn.

Ông Trung, không quen biết những đồng tử này, nhưng vẫn chấp nhận lời đề nghị của họ khi đã biết lý do mà họ tìm đến ông. Một đàn cầu cơ được thiết lập. Đấng Cao Đài, giữa những lời giáo huấn, báo cho ông Trung biết sứ mạng trọng đại sắp tới của ông trong nền Tân tôn giáo mà Ngài sắp lập ra để cứu độ Nhơn loại.

Sự tiết lộ này xác nhận những lời bóng gió trong những Thánh giáo khác nhau mà ông Trung đã nhận được từ đàn Chợ Gạo với những đồng tử khác. Sự kiện đó củng cố thêm lòng tin ngưỡng của ông và khuyến khích

ông hiến dâng trọn vẹn cho công cuộc hành đạo.

Sau đó ít lâu, Đấng Cao Đài gọi quý ông Trung, Cư, Tắc đến gặp ông Phủ Chiêu, người sẽ hướng dẫn họ trong con đường đạo với tính cách là một người Anh Cả. Về phía ông Phủ Chiêu, ông đã được Đấng Cao Đài cho biết trước, nên tiếp đón ba vị khách trên một cách thân ái. Ông liền đưa ba vị khách đến tiếp xúc những đồng đạo đầu tiên của ông.

Cái hạt nhân của Đạo Cao Đài được hình thành gồm 12 người, tất cả đều học thức trong văn hóa Pháp, đều là công chức mà phần lớn trong các cơ quan hành chánh tại Sài Gòn.

Lòng nhiệt thành và tinh thần bất vụ lợi của các vị tiên phong, trong những ngày giờ đầu tiên, thu hút một số đồng tín đồ mỗi ngày mỗi nhiều. Đạo Cao Đài thoát khỏi phạm vi giới hạn nhỏ hẹp, truyền bá khắp trong dân chúng vào đầu năm Bính Dần (1926).

Ông Phủ Chiêu, quen với cảnh sống cô tịch, cảm thấy trái ý bởi sự qui tụ đông đảo tín đồ, làm cho ông lo lắng. Là một công chức có ý thức trong các nhiệm vụ, ông quyết định từ đây lánh xa phong trào tôn giáo lớn mạnh này.

Ngài Lê Văn Trung được Đấng Cao Đài chỉ định thay ông Phủ Chiêu vào cuối tháng tư năm ấy.

NHỮNG THÁNH THẤT ĐẦU TIÊN

Những đàn cầu cơ tiếp tục được tổ chức ngày càng nhiều tại các tư gia và phần lớn là tại các Thánh Thất, trong đó có các trung tâm sau đây: Chợ Lớn, Cần Giuộc, Lộc Giang, Tân Định, Thủ Đức và Cầu Kho.

Hai đồng tử được bổ nhiệm đến mỗi Thánh Thất để tiếp nhận các Thánh giáo của Đấng Cao Đài. Sự thu nhận các tín đồ cũng được quyết định tại nơi đó. Các tín đồ đến gia nhập hàng loạt, làm tăng thêm đến hàng trăm người đăng ký nhập môn trong mỗi kỳ đàn.

TUYÊN NGÔN CHÁNH THỨC CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

Tôn giáo mới phát triển rất nhanh vì được dân chúng tiếp nhận nồng nhiệt. Lo lắng cho hoạt động giữa thanh thiên bạch nhật và giữ trong giới hạn của phạm vi pháp luật nghiêm ngặt, các nhà lãnh đạo đưa ra một Tuyên ngôn chánh thức có 28 người ký tên, được gửi đi ngày 7-10-1926 đến ông Thống Đốc Nam Kỳ. Đính kèm theo Tuyên ngôn này là danh sách các tín đồ ký tên gồm 247 người hiện diện trong buổi lễ công nhận sự hiện hữu chánh thức của Đạo Cao Đài.

VIỆC TRUYỀN ĐẠO

Sau khi bản Tuyên ngôn được chánh quyền địa phương lịch sự tiếp nhận, các nhà lãnh đạo của nền Đại Đạo tổ chức các đoàn truyền giáo trong quốc nội.

Có tất cả ba đoàn truyền giáo: một cho các tỉnh miền Đông, một cho các tỉnh ở Trung ương và một cho miền Tây.

Chưa đầy hai tháng, hơn 20 ngàn người cải giáo nhập môn vào Đạo Cao Đài, trong đó có nhiều nhân sĩ bản xứ. Chính nhờ các đàn cầu cơ và nhất là nhờ lòng nhân đức vô hạn của Đấng Thượng Đế luôn luôn thể hiện trong mỗi lần cầu nguyện. Những Thánh giáo có một ảnh hưởng quyết định trên những người hầu đàn, nên Đạo Cao Đài đã tiếp nhận sự nhập môn vào Đạo hàng loạt.

Thành quả lớn lao ấy là do những nghi thức thờ cúng mới của Đạo Cao Đài không có gì trái với những gì mà các tôn giáo chánh đã thực hành trong nước.

LỄ KHAI ĐẠO

Từ ngày mùng 10 tháng 10 âm lịch (dl 14-11-1926), những cuộc di truyền Đạo được đình chỉ. Tất cả những nỗ lực của các vị lãnh đạo đều tập trung vào Lễ Khai Đạo, diễn ra trong ba ngày: 14, 15 và 16 tháng 10 Âm lịch của năm Bính Dần (dl 18, 19, 20-11-1926) tại chùa Từ Lâm Tự ở Gò Kén (Tây Ninh). Toàn Quyền Đông Dương, cũng như Thống Đốc Nam Kỳ và các viên chức cao cấp của Pháp và Việt đều được mời dự lễ.

Đại lễ cử hành rất long trọng, qui tụ đáng kể nhiều tín đồ đến từ khắp các tỉnh Nam Kỳ. Cuộc lễ cũng thu hút hàng ngàn người ngoại đạo đến xem vì hiếu kỳ hay đến quan sát.

Sự hiện diện của Đại Úy Monet, một đại tín đồ Thần linh học Pháp, được đặc biệt chú ý.

Trong cuộc lễ này, Hội Thánh Cao Đài được xây dựng và Tân Luật được thiết lập và ban hành.

THỦ PHỦ CHÍNH THỨC CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

Từ Lâm Tự là một ngôi chùa Phật vừa mới được xây cất bởi Hòa Thượng Giác Hải ở Chợ Gạo (Chợ Lớn). Vị Hòa Thượng này đã cải giáo để nhập vào Đạo mới là Đạo Cao Đài. Nhưng sau đại lễ Khai Đạo, những tín đồ Phật giáo đã cung cấp tiền bạc cho Hòa Thượng xây chùa Từ Lâm, không được Hòa Thượng tham khảo ý kiến về sự

hiến chùa cho Đạo Cao Đài, nên đòi hỏi giao hoàn chùa lại cho cổ chủ.

Mặt khác, kinh nghiệm cho biết chùa quá nhỏ, khoảnh đất cất chùa quá chật hẹp, khó có thể xây dựng một cách thích đáng Tòa Thánh của một nền Tân Tôn giáo đang phát triển với một tương lai vĩ đại.

Theo chỉ dẫn của Đấng Đại Tiên, khoảnh đất mà trên đó xây dựng Đền thờ tạm thời hiện nay đã được chọn và mua để xác định xây dựng Tòa Thánh Cao Đài, tọa lạc tại làng Long Thành, tỉnh Tây Ninh, khá rộng khoảng 100 mẫu, đủ đáp ứng nhu cầu hiện tại và tương lai.

Việc di chuyển Thánh Thất từ Gò Kén đến làng Long Thành thực hiện vào tháng 3 năm 1927. Số tín đồ tiếp tục tăng lên đáng kể. Những cuộc hành hương đến Thánh Thất mới đáng ghi chép: mỗi ngày tiếp đón cả ngàn người.

Cũng như tất cả tôn giáo khác vào buổi đầu, Đạo Cao Đài cũng có những kẻ chống đối mà những lời chỉ trích của họ thường rất kịch liệt, luôn luôn bị xúi giục bởi một đầu óc thiếu khách quan.

Trong lúc đó, những vị lãnh đạo Cao Đài, vâng theo lời giáo huấn của Đức Chí Tôn, cố gắng giữ mình và tự hoàn thiện trong nền Đại Đạo, bằng cách chỉ quan tâm đến lợi ích về đạo đức và tinh thần của nhơn loại.

Đó là câu trả lời duy nhất mà họ được phép dùng để đối phó với những kẻ công kích, vì tất cả tín đồ chân chính của Đạo Cao Đài phải giữ nghiêm khắc với chính mình.

Rốt cuộc, sau 4 năm hiện hữu, Đạo Cao Đài đã có nửa triệu tín đồ. Mặc dầu có rất nhiều trở ngại gieo rắc trên đường đi, họ luôn luôn tiếp tục tiến bước và đắc thắng

đến mục đích mà Đấng Thượng Đế đặt ra cho họ: Sự phục hưng nơn loại trong nền hòa bình thế giới.

NGUỒN GỐC CỦA GIÁO LÝ ĐẠO CAO ĐÀI

Tạp chí "*L'Inde illustrée*" (Ấn độ hình ảnh) tóm tắt cho biết như sau đây:

“Cao Đài là danh xưng tượng trưng của Thượng Đế, được khai thị tại phương Đông lần thứ ba.

“Ý tưởng của các tín đồ về đức tin mới là Đấng Thượng Đế, theo lời giáo hóa về sự tiến bộ tinh thần của loài người, được tinh tế hơn xưa, Thượng Đế lần này thể hiện qua các đồng tử, không muốn ban cho một người nào nơi cõi trần cái đặc ân sáng lập Đạo Cao Đài.

“Cái hình thức biểu hiện mới của Đấng Thượng Đế chứng tỏ rằng tôn giáo đặt dưới quyền thống trị của vị sáng lập trần thế, không thích hợp tính cách đại đồng, vì các nhà tiên tri của họ nổi lên chống lại cái chân lý được đề xướng bởi các tôn giáo khác mà họ tỏ ra không có sự khoan dung.

“Giáo lý Đạo Cao Đài là sự dung hợp giáo lý của các tôn giáo xưa ở phương Đông: Phật giáo, Lão giáo, Nho giáo.

“Trong một Thánh giáo được chuyển đi vào ngày 13-2-1927, với sự hiện diện của vài người Pháp, Đức Lý Thái Bạch, một trong những khâm sứ của Thượng Đế, đã trình bày giáo lý ấy. Chúng tôi xin trích ra từ Thánh giáo ấy những dòng sau đây:

“Những Thánh giáo của các tôn giáo không được thực hành đúng. Trật tự và hòa bình thời xưa bị xóa bỏ. Qui

luật đạo đức của loài người bị xuyên tạc. Đối với những người thiếu suy nghĩ và hoài nghi, Thượng Đế chỉ tồn tại trên từ ngữ. Họ không biết rằng nơi chỗ tối cao đang ngự trị một Đấng Chúa tể của mọi sự biến đổi của vũ trụ và của tất cả số phận con người.

“Thuở xưa, các dân tộc không hiểu biết nhau, thiếu các phương tiện vận chuyển, Ta (Đấng Thượng Đế) thiết lập trong các thời kỳ khác nhau năm nhánh của Đại Đạo (gọi là Ngũ Chi Đại Đạo) gồm:

1. Nhơn đạo: Khổng giáo.
2. Thần đạo: Khương Thái Công, thờ các vị Thần.
3. Thánh đạo: Thiên Chúa giáo.
4. Tiên đạo: Lão giáo.
5. Phật đạo: Phật giáo.

“Mỗi Chi Đại Đạo dựa trên tập quán và phong tục của mỗi giống dân được đặc biệt kêu gọi để hành đạo.

“Ngày nay, tất cả những phần đất của thế giới được khai phá: nhơn loại hiểu biết nhau hơn, khao khát một nền hòa bình thật sự. Nhưng vì có nhiều tôn giáo nên nhơn sanh luôn luôn không sống trong sự điều hòa người nầy với người khác. Cho nên, Ta quyết định qui hiệp tất cả tôn giáo thành một mối duy nhất để đem trở về một khối thống nhất nguyên thủy.

“Hơn nữa, giáo lý của các tôn giáo, trải qua nhiều thế kỷ, đã bị biến thể bởi chính các vị lãnh nhiệm vụ truyền giáo, đến mức mà ngày nay, Ta nhứt định chính mình Ta đến với các con để chỉ dạy con đường phải theo...

Cũng trong Thánh giáo ngày 13-1-1927, Đức Lý Thái Bạch còn nói thêm:

“Các huynh đệ thân mến, Chúa Jésus nhân từ đã đến với các bạn để vạch ra con đường Thánh thiện cho các bạn. Hãy cố gắng đi theo đường ấy để sau này có được sự bình an của tâm hồn, hãy bước tới mỗi ngày một bước mau lẹ trong tình thương yêu của Thượng Đế. Hãy đoàn kết, hãy thương yêu nhau người này người khác, hãy giúp đỡ lẫn nhau. Đó là Thiên điều.

“Vào lúc này, nơi mà mỗi người bị bắt buộc chịu đựng nỗi khổ sở, nếu người nào chỉ nghĩ đến lợi lộc cá nhân, nếu người nào tìm cách gieo đau khổ và phiền não, người đó sẽ mạo hiểm bị lôi cuốn vào trong dòng thác địa ngục, nơi đây, cái hung dữ sẽ bẻ gãy cuộc sống và làm hoen ố tâm hồn.”

Sự thật, Đạo Cao Đài hay Đại Đạo là một tôn giáo giản dị nhứt hiện nay khi nói về việc hành đạo và sự thờ cúng. Tôn giáo mới này chỉ đòi hỏi các tín đồ mỗi ngày tụng kinh cầu nguyện Đấng Cao Đài, hoặc tại nhà của họ, hoặc trong Thánh Thất; không có phép sám hối xưng tội, không có phép thông công. (Việc cầu cơ là một việc làm tế nhị và nguy hiểm, chỉ dành riêng cho Hội Thánh.)

Số lượng Giáo sĩ giới hạn trong phạm vi cần thiết nhứt để truyền bá giáo lý, khuyến khích tín đồ thực hành Nhơn đạo, như Đức Khổng Tử đã quan niệm. Chỉ có một Thượng Đế duy nhứt, là Đức Chí Tôn, Đạo Cao Đài khuyên bảo các tín đồ noi theo đạo đức thuần túy của Đức Chúa Jésus, đạo đức của Đức Khổng Tử, cả hai đều không có gì khác nhau.

Đạo Cao Đài cũng khuyên bảo sùng bái các Đấng

chơn linh thượng đẳng, ân nhân của nhơn loại vào các thời kỳ khác nhau; Đức Chúa Jê-sus, cũng như Đức Phật Thích Ca, cũng như Đức Khổng Tử, cũng như các vị Thần thời cổ Trung hoa, không nên quên các Đấng ấy trong các lời cầu nguyện.

Trên nguyên tắc, các Chức sắc của Đạo Cao Đài bị cấm cầu các Đấng thiêng liêng trong khối đồng đảo tín đồ, để tránh cho những đồng tử trở nên chuyên nghiệp và tránh lạm dụng tính dễ tin của quần chúng ưa chuyện thần bí.

Ngọc cơ được cất giữ trong Thánh Thất. Nhưng những đồng tử linh tính tiếp tục được các tín đồ nghe theo. Theo ý kiến của tôi (tác giả), thật là bất công khi tuyên bố quá nhanh rằng các vị sáng lập Đạo Cao Đài muốn che giấu sự thật để dành riêng cho mình độc quyền tiếp xúc các Đấng vô hình.

Người hành đạo cần vươn lên để chiếm được cái quyền đạt đến trí huệ trọn vẹn. Trong vài trường hợp, đó là thái độ của Giáo hội Công giáo đối với Thần linh học.

NGUYÊN TẮC CƠ BẢN

GIÁO LÝ CỦA ĐẠO CAO ĐÀI KHÔNG CHỈ NHĂM mục đích hoà hợp các tín ngưỡng tôn giáo, mà còn thích nghi với tất cả mức độ tiến hóa của tâm linh.

1. *Về phương diện đạo đức:* Giáo lý Đạo Cao Đài nhắc nhở con người có bốn phận đối với chính mình, đối với gia đình, đối với xã hội, ấy là một gia đình mở rộng, kế đó đối với nhơn loại, gia đình thế giới;

2. *Về phương diện Triết học:* Giáo lý Đạo Cao Đài truyền dạy sự khinh thường danh vọng, sự giàu có, sự xa hoa, tất một lời là sự giải thoát khỏi những nô lệ vật chất, để tìm tòi trong tâm linh sự yên tĩnh của tâm hồn;

3. *Về phương diện văn hóa:* Giáo lý Đạo Cao Đài khuyên nhủ sùng bái Thượng Đế, Đại Từ Phụ của tất cả chúng ta, tôn thờ các Đấng chơn linh thượng đẳng vốn tạo nên hệ thống trật tự oai nghiêm trong thế giới huyền bí. Chấp nhận sự thờ cúng tổ tiên theo truyền thống dân tộc, bài trừ việc cúng bằng các thứ thịt thú vật, cũng như giấy vàng mã;

4. *Về phương diện tâm linh:* Giáo lý Đạo Cao Đài xác nhận sự đồng ý với các tôn giáo khác về các hệ thống triết học tâm linh và tâm lý, sự hiện hữu của linh hồn và sự tồn sinh của nó nơi thể xác, sự tiến hóa của linh hồn bởi sự đầu thai chuyển kiếp liên tiếp, cái kết quả sau khi chết

của các hành vi của con người định bởi luật Nhân quả.

5. *Về phương diện truyền giáo*: Đạo Cao Đài truyền đạo cho các tín đồ xứng đáng những giáo huấn mặc khải mà nó cho phép các tín đồ, bởi quá trình tiến hóa tâm linh, đạt đến sự hưởng thụ toàn phúc.

CÁC TÍN ĐỒ

Có ba loại tín đồ:

1. *Những tu sĩ chơn tu*, những Chức sắc cao cấp, những người bị bắt buộc tuân thủ một lối sống, nếu không khổ hạnh thì ít nhất cũng phải kiêng cử một số điều: quan hệ xác thịt nam nữ bị cấm chỉ, họ có thể có vợ nhưng vợ chỉ là bè bạn; rượu, thịt, cá đều bị cấm chỉ; họ chỉ được nuôi sống bằng thảo mộc (ăn chay). Chỉ riêng họ mới được phép giao tiếp với Đức Thượng Đế và các Đấng chơn linh thượng đẳng, nhưng chỉ được làm trong trường hợp đặc biệt mà thôi.

2. *Các đồng tử*, có số lượng 12 người, họ cũng được xem là Chức sắc hay phụ tá, không phải là tu sĩ chơn tu, nhưng họ cũng bị bắt buộc tuân thủ một số luật lệ và kiêng cử một số điều trong đời sống vật chất. Họ vẫn đi làm việc thường ngày trong các hoạt động thương mại hay kỹ nghệ. Họ cũng bị chính thức cấm chỉ cầu cơ, khi không có hiện diện của những Chức sắc cao cấp mà không được các vị này mời đến sau khi tụng kinh cầu nguyện Đức Chí Tôn.

3. *Những môn đồ bình thường*, đây là khối đông đảo tín đồ, họ không có bốn phạm nào khác hơn là tuân theo đạo đức và qui tắc hành xử do các Chức sắc của Ban Trị Sự Cao Đài truyền dạy và đáng kể là phải cúng lạy đều

đặt mỗi ngày trước bàn thờ Đấng Cao Đài, trong một ngôi chùa riêng biệt, hoặc trong một Thánh Thất mới tạo nên, hay nơi tư gia của họ trước một bàn thờ nhỏ được sắp đặt, trên đó đặt hình vẽ Thiên Nhân có mây bao quanh, giữa hai chún đèn nghi lễ có một lư hương chứa đầy tro để cắm nhang, và phẩm vật dâng cúng là hoa quả, nhiều hay ít cũng được.

Theo một tài liệu khác gần đây, tôi (tác giả) thấy những tín đồ chia làm hai bậc: Thượng thừa và Hạ thừa.

Được xếp vào bậc Thượng thừa là những tu sĩ chơn tu, họ có thể là Chức sắc hay tín đồ thường. Ở bậc Thượng thừa, họ bị bắt buộc để râu dài và tóc dài, phải ăn chay, cấm xa hoa, cấm quan hệ tình dục. Đời sống của họ thoát khỏi sự nô lệ vật chất, hoàn toàn dâng hiến để phụng sự tôn giáo.

Những tín đồ thuộc Hạ thừa gồm đông đảo tín đồ, vẫn tiếp tục theo đuổi công việc bình thường, bốn phận về tôn giáo của họ gồm việc thực hành cúng lạy hằng ngày và hành xử đúng theo Tân Luật.

Các tín đồ ở cả hai bậc đều bắt buộc tuân theo Ngũ Giới Cấm, trích ra từ đạo đức của Phật giáo: không sát sanh, không gian tham, không tà dâm, không ăn cao lương mỹ vị, không phạm tội bằng lời nói.

Về chế độ ăn uống, đối với các tín đồ bậc nhì (Hạ thừa), qui định việc ăn chay theo từng bậc, phải kiêng cử thịt thú vật, chỉ ăn chay một số ngày nhất định trong một tháng âm lịch. Như thế, khởi đầu ăn chay tạm thời 2 ngày sóc vọng mỗi tháng, kế đó tiếp tục lên Lục trai, ăn chay 6 ngày trong một tháng, rồi Thập trai tức là 10 ngày

trong mỗi tháng.

Đạo Cao Đài thu nhận vào lòng tất cả những người có thiện ý, không phân biệt chủng tộc, địa vị xã hội. Một người dân có thể sát cánh trong tình huynh đệ với một Đốc phủ sứ.

SỰ THỜ CÚNG TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

“Sự thờ cúng được cử hành mỗi ngày tại Thánh Thất, cũng như tại tư gia, vào bốn thời (Tứ thời): lúc 6 giờ, giữa trưa (12 giờ), 18 giờ và giữa đêm (12 giờ khuya).

Quy lạy trước Thiên bàn, trong sự nhiệt thành của tâm hồn hướng về Đấng Thượng Đế, chúng ta khởi đầu tụng kinh Niệm Hương, tiếp theo tụng Khai Kinh, mà lời kinh như sau:

*Biển trần khổ với trời nước,
Ánh thái dương gội trước phương đông.
Tổ Sư Thái Thượng Đức Ông,
Ra tay dẫn độ dày công giúp đời.
Trong Tam giáo có lời khuyên dạy,
Gốc bởi lòng, làm phải làm lành.
Trung dung Khổng Thánh chỉ rành,
Từ bi Phật dạy lòng thành lòng nhơn.
Phép Tiên đạo tu chơn dưỡng tánh,
Một cội sanh ba nhánh in nhau.
Làm người rõ thấu lý sâu,
Sửa lòng trong sạch tụng cầu Thánh kinh.*

Nghi thức ấy đã xong, chúng ta cất giọng tụng kinh bài Vinh Danh Thượng Đế (Kinh Ngọc Hoàng Thượng

Đế), kể đó tụng 3 bài kinh xưng tụng ba Đấng Giáo chủ Tam giáo: Đức Phật, Đức Lão Tử, Đức Khổng Tử.

Nghi thức cúng lạy hằng ngày tất cả đơn giản như thế.

Về phần hiến lễ trong Thánh Thất, vào các ngày lễ lớn, việc thực hành các nghi tiết có phần quan trọng hơn.

Người ta trách Đạo Cao Đài một cách tổng quát đã xa lìa Thần linh học khoa học, để trở thành một tôn giáo. Đáng tiếc! Có thể lắm! Nhưng đừng quên quá mau rằng, chúng ta không ở Paris, Bruxelles, Berlin hay Rome, và rằng tâm hồn của người Á châu luôn luôn nhiệt thành, mặc dầu trên khuôn mặt vẫn đeo cái mặt nạ đông cứng và không cảm giác.

LÒNG BÁC ÁI

Mấy từ ngữ đơn giản này tóm lược khuynh hướng chủ yếu của Đạo Cao Đài. Những ứng dụng thực tiễn suy ra gồm:

1. *Tình huynh đệ giữa Nhơn loại.*
2. *Lòng thương yêu loài vật.*

Bởi vì chúng ta có bốn phận trong tình huynh đệ đối với mọi người, xem mọi người đều là anh em trong đại gia đình thế giới, chúng ta cũng có bốn phận đối xử tốt loài vật, vì chúng nó là những em út còn lạc hậu trên con đường tiến hóa. Chúng ta phải chăm sóc chúng vì chúng được tạo ra để giúp việc cho chúng ta, đối đãi với chúng một cách dịu dàng, và tránh làm cho chúng đau đớn vô ích. Đời sống thú vật của chúng cần được tôn trọng, bởi vì nếu làm tổn thương đến chúng thì chúng ta đã làm chậm trễ sự tiến hóa của nạn nhân.

Vì vậy, tất cả tín đồ Cao Đài ý thức bốn phận của mình và giữ việc ăn chay để tránh khỏi làm tòng phạm sát sanh hằng ngày, làm tổn hại những em út cấp dưới.

Ông Schopenhauer nói: Giữa lòng thương xót loài vật và lòng nhân từ có sự ràng buộc chặt chẽ, người ta có thể nói không ngần ngại rằng, khi một người hung dữ với loài vật thì người ấy không thể là người lành.

3. Lòng nhân từ đối với thảo mộc:

Không ai biết hết những ích lợi của thảo mộc đã đem lại cho Nhơn loại. Ân nhân yên lặng của con người, nó không hề trách móc về sự bội bạc, sự tàn ác của con người. Cây cối che bóng mát cho những ai ngồi tại gốc của nó, không phân biệt khách bộ hành mệt nhọc hay người tiểu phu hung bạo. Người ta nói, cây đàn hương đã xông hương lối riu chặt nó.

Thảo mộc là một kho thuốc thiên nhiên thực sự, nơi đó, chúng ta có thể tìm được những thứ thuốc trị bệnh bá chứng cho chúng ta. Bài học về lòng tốt, lòng hy sinh không thể rút ra từ thảo mộc cho lợi ích của chúng ta hay sao?

Những thí nghiệm khoa học gần đây của Sir Bose, một bác học Ấn Độ, đã chứng minh rằng thảo mộc sống như loài người, mà vài loại cây, đặc biệt như cây mắc cỡ có một hệ thần kinh nhạy cảm hơn của chúng ta về những tổn thương thân thể. Chúng ta sẽ nghĩ gì khi một người nào đó đùa giỡn bẻ gãy một cành cây hay nhổ bật rễ một cái cây? Nếu vì nhu cầu cho đời sống vật chất buộc chúng ta phải dùng thảo mộc, thì đối với “*các thí sinh thi lên động vật*” này, chúng ta phải có lòng tốt là không bao giờ nên chặt bỏ hay phá hại chúng một cách vô ích.

4. *Phụng sự nhơn sanh.* (bổ túc bốn phận của tình huynh đệ)

Biết bao nhiêu dục dằn, trù mến, thiên nhiên đã đem lại cho con người khi sống ẩn dật trong cảnh cô tịch. Lánh xa thế giới loài người, mà những cám dỗ không còn giá trị, trong cảnh tĩnh mịch của cuộc sống ẩn dật, người ta thanh lọc cuộc sống, lắng dịu những đam mê và nâng cao tư tưởng lên gần Thượng Đế. Rồi trong niềm say mê trầm tư mặc tưởng, nơi đó được khơi dậy cái tình cảm của Đấng thiêng liêng, nên cảm nhận nhiều hơn cái nguồn gốc thiêng liêng của mình.

Đó là đời sống nội tâm dẫn lối những người thượng thừa, được phú bẩm những năng lực lớn, khi sứ mạng phàm trần của họ hoàn thành, họ mong muốn được an lạc tinh thần. Nhưng, trước khi đạt đến giai đoạn cao cấp trong con đường hành tu của nhơn loại, người khách lữ hành, vẫn tìm cách tiến lên, nhưng phải giúp đỡ những kẻ đang dò dẫm đi sau.

Như thế, tất cả tín đồ Đạo Cao Đài, lo lắng về hành động theo nguyên tắc nhân ái, trong mọi trường hợp, tự hiến mình cho việc phụng sự nhơn sanh. Được thúc đẩy bởi lòng ham muốn giúp đỡ đồng loại, họ sẵn sàng đem đến sự an ủi cho những nỗi khổ đau về tinh thần và xã hội bằng những lời nói hay việc làm của họ. Và trong niềm khao khát về lòng từ bi, họ luôn luôn đưa tay giúp đỡ tất cả những người cần đến sự giúp đỡ của họ. Chịu đựng tất cả nỗi khổ nhục bất cứ từ đâu tới, họ vẫn sống không thù hận, giữa những người thù hận họ. Tất cả tín đồ Đại Đạo, Chức sắc hay Đạo hữu, phải nhận nhiệm vụ khó khăn là đem linh hồn đến Thượng Đế, ghi khắc vào trí

nào những Thánh giáo của Đấng Cao Đài, dựa trên lòng yêu mến điều thiện và sự tôn thờ chơn lý.

Nếu đã cố gắng tuyên cáo chơn lý mà vẫn không thuyết phục được những kẻ vô tín ngưỡng, thì ít ra cũng làm cho họ dao động vài phần, và lúc bấy giờ những nghi ngờ được khơi dậy trong tâm hồn những kẻ từ trước đến nay không có đức tin, sẽ làm tiếp những gì còn lại....

Chính khi hoàn thiện và cứu độ kẻ khác, người ta cũng hoàn thiện và cứu độ chính mình, vì những hành động thương yêu, từ thiện, đến lượt nó tạo nên lộ phí trong cuộc hành trình dài về Cực lạc. Bởi vì việc phụng sự nhơn sanh là một trong những điều kiện cần thiết của việc tự độ, người ta có tất cả lợi ích để thực hiện với lòng nhiệt thành hơn là cho phép họ lòng hâm mộ tôn giáo và tiến bộ đạo đức của họ.

Không dám có cao vọng tự đặt mình là nhà truyền giáo, người tín đồ phải thúc đẩy đặc biệt những đồng đạo của mình làm điều thiện và đạo đức. Nó có thể đạt được, không phải bằng bài thuyết giảng trống rỗng, mà bằng cách làm gương và thích hợp cuộc sống theo giáo lý mà mình chủ trương. Nếu thỉnh thoảng nó trốn lánh bốn phận, xa rời con đường đạo mà Đức Chí Tôn đã vạch ra, thì đấy chính là do sự yếu đuối hay khinh suất của nó, chớ không phải do những Thánh giáo mà nó có sứ mạng truyền bá, bởi chúng tôi há cần nhắc lại luôn luôn những Thánh giáo ấy, một lý tưởng hòa bình và tình yêu huynh đệ.

Giống như các tôn giáo hiện hữu, Đạo Cao Đài cũng có những kẻ giả tu (không thành tín sùng đạo) và những tín đồ còn thiếu đức tin để chống lại những cám dỗ của các Tà Thần. Đó là những phần tử bất hảo làm hoen ố

tôn giáo mà họ đang theo và họ sẽ bị loại ra hoàn toàn.

NGŨ GIỚI CẤM

1. **Không giết hại các sinh vật** (vì chúng đều có Sanh hồn do Thượng Đế ban cho);

2. **Không gian tham** (để tránh khỏi sa đọa vào vật chất vì nhu cầu sở hữu và thống trị). Chính sự tiến bộ của xã hội hiện nay mà tất cả dường như kêu gọi lòng kiêu ngạo và thèm khát giàu có;

3. **Không dùng cao lương mỹ vị:**

– Không ăn thịt thú vật (phải ăn chay).

– Không uống rượu (vì nó làm hại thể xác và chơn thần).

“Tác dụng độc hại của rượu lên chơn thần:

“Chơn thần nhập vào thể xác và bao bọc thể xác bởi khí thể của nó. Trung tâm sinh hoạt của nó ở tại óc và trung tâm linh khí của nó ở tại Nê hườn cung. (Chính tại trung tâm Nê hườn cung này mà Hộ Pháp đến gìn giữ Chơn linh của người tu luyện cho đến khi đắc Đạo).

“Nay, tác dụng kích thích của rượu lan lên tận óc, làm tụ máu trong não, gây ra những xáo trộn trong Chơn thần, thiệt hại đến đời sống người luyện đạo, phá vỡ sự hòa hiệp huyền bí (của Khí và Thần) đã được thiết lập nơi người tín đồ. Hơn nữa, trong lúc loạn thần ấy, để cửa mở trống (trung tâm linh khí) cho Tà Thần xâm nhập chiếm đoạt thể xác, thi hành quyền lực trên thể xác, xúi giục thể xác gây ra những hành động đáng trách, có thể dẫn đến sự sa đọa vào địa ngục. Cho nên,

Đức Chí Tôn chính thức cấm chúng ta uống rượu.”

4. **Không tà dâm** (việc này đưa chúng ta vào nghiệp ác).

5. **Không phạm tội bằng lời nói:**

“Sự khai thị dạy cho chúng ta biết rằng Thượng Đế đã đặt định một Chơn linh hướng dẫn và gìn giữ cái mạng sống của con người. Cái Chơn linh ấy rất vô tư, có sứ mạng không ngừng liên lạc với các Đấng trọn lành nơi hệ thống thượng đẳng (Ngọc Hư Cung) để trình bày trước Tòa Phán xét một bản báo cáo chi tiết về tất cả hành động tốt xấu. Đó là bản báo cáo tất cả việc làm của con người, gồm những công đức và tội lỗi, không thể tránh khỏi bị xử trí bởi luật Quả báo luân hồi. Hơn nữa, Chơn linh ấy được giao phó gìn giữ chúng ta, mà còn có sứ mạng dạy bảo khuyên nhủ chúng ta. Trong ngôn ngữ nghèo nàn và thiếu thốn của con người, người ta gọi Chơn linh ấy là Lương tâm. Nay, trước khi chúng ta tìm cách lừa dối kẻ khác bằng những lời nói dối, chúng ta đã lừa dối Lương tâm của chúng ta, nghĩa là lừa dối chơn linh ấy.

“Chơn linh ấy ghi chép không những tất cả việc làm mà còn tất cả lời nói của chúng ta, cả khi chưa thực hành. Bởi vì, dưới mắt của các Đấng trong Tòa Phán xét, những tội lỗi của lời nói cũng đáng bị trừng phạt như lúc hành động.

“Như vậy, chúng ta cần phải thật cẩn thận trong lời nói cũng như trong hành động.”

THÁNH GIÁO PHÁP VĂN

Những Thánh giáo Pháp văn thường được tiếp nhận

bởi các đồng tử của Đạo Cao Đài do các Đấng ban ra như: Allan Kardec, Léon Denis, Camille Flammarion, Descartes, Jeanne d'Arc, Chateaubriand, v.v... và như là Victor Hugo và gia đình Victor Hugo.

Nhiều vị lãnh đạo trong Đạo Cao Đài, là người VN hiện nay, do sự tái kiếp của nhiều người trong gia đình Hugo. Những việc kỳ lạ làm cho người ta tin tưởng điều đó. Trong một số ít Thánh Thất, có treo hình của Victor Hugo.

SỰ ĐẦU THAI CHUYỂN KIẾP TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

Liên quan với Phật giáo, Lão giáo và Khổng giáo, và tôi tin tưởng có thể xác quyết mà không sợ bị buộc tội: Với giáo lý của Kardec (Allan Kardec được xem là một vị Thần linh tôn giáo), Đạo Cao Đài tin vào thuyết Nhân Quả và Luân Hồi, hệ quả của nó. Người tín đồ Cao Đài thẳng thắn tuyên bố rằng, không mới lạ gì về điểm này.

Tất cả sự chấp ý (tư tưởng, lời nói hay việc làm) là một cái Nhân, sẽ mang lại cái Quả:

Cái Nhân gắn chặt với cái Quả, Quả là sự biến thái cách nào đó của Nhân, là sự giải thích cụ thể của Nhân.

Sự giải thích ấy chính xác đến nỗi chỉ cần xem xét tỉ mỉ kiếp đầu thai hiện tại của một thực thể, đủ để chỉ cho chúng ta biết cùng một lúc kiếp quá khứ và kiếp tương lai của nó. Kiếp đầu thai hiện tại của một thực thể với sự xen kẽ những nỗi vui buồn được xác định bởi những việc làm mà họ đã hoàn thành trong kiếp sống trước. Cũng vậy, những việc làm trong kiếp hiện tại xác định nguyên nhân tác thành của kiếp lai sinh.

Cái Quả có thể được tách ra khỏi Nhân trong một thời gian lâu hay mau. Nếu khoảng cách đó ngắn, cái Quả đến tức khắc và kẻ có tội thấy ngay hình phạt trước mắt.

Nếu khoảng cách đó dài, đó là vì kẻ tội lỗi còn được hưởng một thời gian nữa cái Quả tốt của những việc làm tốt của nó trong những kiếp trước xa xưa hay kẻ cận còn kéo dài.

Nhưng, ngay sau khi sự miễn dịch vô hình ấy chấm dứt thì luật Nhân Quả liền thể hiện đầy đủ. Trong nhiều trường hợp, sự suy sụp diễn ra nhanh đến chóng mặt, giải thích như thế về sự suy tàn của một số gia đình như đã nói ở trên. (Trích trong tạp chí *La Revue Caodaïste*, Tháng 3, số 33).

Tự do ý chí của con người bị giới hạn bởi cái Quả nghiệp của kiếp trước. Người tín đồ Cao Đài quả quyết rằng, chính mình tạo ra số phận của mình. Việc hành thiện giúp cho thực thể tự cõi bỏ dần dần cái nghiệp quả của nó.

Ngài Ngô Văn Chiêu, tín đồ đầu tiên của Đạo Cao Đài mới qui vị gần đây, nói: *“Để tự biết mình, người môn đệ phải tự chúc mình những nỗi khổ đau.”*

Đạo Cao Đài còn tin tưởng rằng, sự xuất hiện của một sắc dân mới, cũng như giáo sư Pietro Ubaldi (29-4-1933) tin rằng, loài người tương lai sẽ là Thần thông hơn, một mẫu mới của sinh vật, như những người bạn Thông thiên học của chúng ta đã nhận thấy mẫu người mới đang hình thành:

“Kinh nghiệm chứng tỏ rằng, mỗi lần giáng trần của Đấng Cứu Thế, Ngài mang tên gọi là: Lão Tử, Thích Ca hay Jésus, loài người như được đánh thức từ cơn mê. Một luồng

sức mạnh huyền bí lưu thông khắp nơi, giúp con người hiểu được những điều mầu nhiệm mà đến lúc đó họ vẫn còn lơ mơ, sự khai mở đột ngột và mầu nhiệm của một vài năng khiếu như: trực giác, ký ức, trí thông minh, huệ nhãn, cho phép người tín đồ đạt tới Đạo, từ đấy mở rộng cửa đối với họ.

Tiếp nhận được linh khí của vũ trụ, chỉ đến gần trái đất sau hàng ngàn thế kỷ, người tín đồ hiểu một cách dễ dàng những Thánh giáo và để đột giai đoạn, một ngày nào đó, người tín đồ sẽ được đến gần và nhập vào Thượng Đế.

“Kể từ khi xuất hiện Đạo Cao Đài, mà Đức Chí Tôn là Giáo chủ, những hiện tượng thuộc loại nói trên, được loan báo chút ít khắp Nam Kỳ. Điều ngạc nhiên hơn hết là việc ăn chay trường thực hiện không khó khăn bởi những tín đồ nam nữ ở mọi lứa tuổi. Người ta thấy những đứa trẻ 4 hay 5 tuổi không chịu nổi khi thấy đĩa cá hay thịt. Người ta thấy những đứa trẻ 13 hay 14 tuổi khước từ ăn mặn để chỉ ăn toàn rau cải và chỉ ăn một lần trong mỗi ngày, vào lúc giữa trưa (ăn ngọ). Người ta cũng thấy những người chỉ ăn toàn là trái cây. Các sự kiện này của một đẳng cấp mới, làm ngạc nhiên những tu sĩ Phật giáo mà chính họ thú nhận rằng, trong số họ chỉ có một số ít người là giữ được trường chay.

“Kể đó, đến sự phát triển bất ngờ của vài năng khiếu như: ký ức, sự thông minh, trực giác nơi những người mà họ vốn chưa bao giờ tiếp thu một kiến thức nào.”

Tạp chí *La Revue Caodaïste* từ khi sáng lập, đã loan báo một vài sự kiện về đầu thai chuyển kiếp ở Việt Nam. Chúng ta vui mừng được thấy những huynh đệ của Đạo Cao Đài đã thừa nhận những cuộc điều tra và kiểm soát độ chính xác khoa học cần thiết ở Tây phương mà nó cần những bằng chứng cụ thể hơn là những sự làm chứng về

đạo đức.

Những bằng chứng ấy đem chúng ta đến cái điểm lợi ích lớn lao: Một sự kiện tái sinh được kiểm tra tỉ mỉ đã đánh đổ ngay những sự chống đối quen thuộc vốn đã nghe cả trăm lần chống đối sự tái sinh (đầu thai). Tạp chí *La Revue Caodaïste* đi theo con đường đó và chúng tôi khen ngợi họ.

Đạo Cao Đài nhắc lại, mỗi người của chúng ta, trước khi đi tái sinh, phải ăn cháo lú (loại cháo làm quên hết dĩ vãng). Nếu người nào ăn nhiều cháo ấy (khi người ấy có nhiều tội lỗi và nên quên nhiều), nó không nhớ lại được tiền kiếp của nó. Nếu người nào ăn ít cháo lú (khi người ấy đến một của những kiếp tái sinh gần đây và nó không hổ thẹn về những lỗi lầm trầm trọng), bằng phương pháp hồi quang phản chiếu, bằng trực giác, bằng sự phát huệ, nó sẽ nhớ lại những kỷ niệm về những kiếp tái sinh trước đây.

Nhưng, đó là là khả năng thiên phú của một người ưu tú về thiên hay những bậc hiền triết khiêm tốn và trầm lặng mà người đời không biết đến họ.

Sự xác nhận ấy được chứng thực, và chúng tôi dám nói rằng: Chúng tôi thích những tài liệu được thiết lập bởi phương pháp thực nghiệm.

KẾT LUẬN

Thời đại của chúng ta đang phá sản, hỗn độn, khao khát giàu có, hận thù, vui lòng nói đến sự xem xét lại thuế khóa, xem xét lại các hiệp ước, các đường biên giới, quan thuế, vv... Nhưng họ lại quên xem xét lại cái mà người ta ít nói đến là cái chìa khóa của tất cả mọi sự xét lại: *Chúng*

ta có nên bắt đầu bằng sự xem xét lại Lương tâm không?

Chính vì Đạo Cao Đài hiểu rõ sự cần thiết đó và trù tính xem xét lại Lương tâm mà tôn giáo này đã gặp phải sự chống đối của bao thế lực hắc ám tại Á châu: Tổng hợp mạnh mẽ các tôn giáo ở Á châu, làm gạch nối với Thiên Chúa giáo, tập hợp sự kiện tâm linh và Thần linh làm nền tảng cho thuyết duy tâm hiện đại của Tây phương; kêu gọi lòng thương yêu đến Vô Danh, Vô Cực, đến nền hòa bình thế giới và đại đồng huynh đệ các dân tộc, vĩnh phúc nơi Đấng Cao Đài, vĩnh phúc cho các anh, tín đồ Đạo Cao Đài, những người anh em xa xôi của nước Việt Nam, mà chúng tôi đã tiếp nhận được và hôm nay xin cảm tạ lời giáo huấn và bài học hay.

Châu Âu xưa cũ có dám chấp nhận sự đảo lộn giá trị mà thời đại mới đòi hỏi không?

Chúng tôi tin là có, và do đó, chúng tôi nói lời cảm tạ đối với các tín hữu Cao Đài ở Đông Dương.

ĐẠO CAO ĐÀI TRONG CÁC HỘI NGHỊ QUỐC TẾ

THỨNG TÔI ĐƯỢC TÒA THÁNH TÂY NINH (NAM Việt Nam) ủy nhiệm làm đại diện Đạo Cao Đài trong các Hội nghị quốc tế về tôn giáo.

1. HỘI NGHỊ QUỐC TẾ THẦN LINH HỌC BARCELONE (1934)

Người ta đọc trong tạp chí *La Revue Spirite* (số tháng 10 – 1934, trang 505) trong một loạt các nguyện vọng được toàn hội chấp thuận:

“**Mục thứ 8: Phong trào Cao Đài:** Do đề nghị của ông Gabriel Gobron, Tiếp Dẫn Đạo Nhơn tại nước Pháp của Đạo Cao Đài (hay Phật giáo canh tân, hay Thần linh học VN), Hội nghị quốc tế Thần linh học lần thứ 5 họp ở Barcelone (từ ngày 1 đến 10-9-1934) thỉnh cầu rất cung kính Chánh phủ Pháp vui lòng nhớ lại các lời hứa long trọng vào tháng 3 năm 1933 tại Quốc Hội Pháp, của Thủ Tướng Sarraut, lúc ông là Bộ Trưởng Thuộc địa, thiết lập với ân huệ cho những tín đồ Cao Đài một qui chế cũng rộng rãi như qui chế được hưởng bởi những người theo Thiên Chúa giáo hay các tín đồ Phật giáo trong các nước của Liên bang Đông Dương.”

2. HỘI NGHỊ THẾ GIỚI VỀ TÔN GIÁO Ở LUÂN ĐÔN (1936)

Báo *Le Cyne* (ngày 20-9-1936) loan tin:

“Tại Hội nghị Quốc tế về Tôn giáo tổ chức ở Luân đôn, dưới sự chủ tọa của Ngài Francis Younghusband, nơi đó ông Gabriel Gobron, Tiếp Dẫn Đạo Nhơn tại nước Pháp của Đạo Cao Đài, tham dự theo lời mời của Tòa Thánh Tây Ninh, Đạo Cao Đài được thừa nhận là tôn giáo khoan dung nhứt thế giới. Trước đông đảo hội viên gồm đại diện của tất cả tôn giáo lớn trên thế giới và các đại diện báo chí quốc tế, đại diện Cao Đài tại Pháp tuyên bố: “Đạo Cao Đài là một thực nghiệm về sự hòa hợp các chủng tộc và các sắc dân, mà quý vị hội họp nơi đây là vì mục tiêu ấy. Đạo Cao Đài hay Phật giáo canh tân chắc chắn là một thực nghiệm sống của sự kết hợp và phục nhứt các tôn giáo.” Nhiều tràng pháo tay nhiệt liệt hoan nghinh câu kết luận ấy.

3. HỘI NGHỊ THẦN LINH HỌC THẾ GIỚI Ở GLASGOW (1937)

Nhật báo *L'Annam nouveau* (14-11-1937) loan tin:

“Do đề nghị của ông Gabriel Gobron, Tiếp Dẫn Đạo Nhơn tại Pháp của Đạo Cao Đài hay Thần linh học VN, Hội nghị Thần linh học thế giới lần thứ 6 họp ở Glasgow (từ ngày 3 đến 10-9-1937), sau Hội nghị Thần linh học thế giới lần thứ 5 tại Barcelone, nêu ra nguyện vọng là *những người theo Thần linh học VN trong các nước của Liên bang Đông Dương được hưởng những tự do tín ngưỡng và thờ cúng như những người VN theo Thiên Chúa giáo hay đạo Tin Lành, dầu họ là dân thuộc địa, dân bảo hộ, dân lai hay người ngoại quốc.*

“*Nguyện vọng nêu ra trong Hội nghị Thần linh học quốc tế ở Baecelone đã mở ra thời kỳ khá rộng rãi cho các tín đồ Cao Đài hay Thần linh học VN*”.

Nguyện vọng này được trình bày và bàn cãi trong bộ phận triết học của Hội nghị, được nhìn nhận bởi sự hoan nghinh trong buổi hội họp dân chúng tổ chức tại Phòng Triển lãm mỹ thuật McLellan ngày 9-9-1937.

4. HỘI NGHỊ THẾ GIỚI VỀ TÍN NGƯỠNG TẠI BA-LÊ (1939)

Tóm tắt bài tường thuật của tạp chí *La Revue Spirite* (Tạp chí Thần linh học) (Ba-lê, 8 – 9):

“Hội nghị thế giới về Tín ngưỡng đã được tổ chức trước đây ở Luân đôn, Oxford, Cambridge, năm nay tổ chức tại Ba-lê. Cộng sự viên của chúng ta là ông Gabriel Gobron, được ủy nhiệm bởi các tín đồ Cao Đài hay Phật giáo canh tân ở Đông Dương, đến tham dự.

Những lời trách cứ mà ông đã đưa ra trong Hội Nghị tại Luân đôn có thể được lập lại nơi đây và hơn thế nữa: Những người tổ chức, hầu hết là người Anh, chỉ quan tâm đến các tôn giáo xưa có một quá khứ lâu dài và phong phú (lời phát biểu của ông Lacombe ngày 10-7-1939) và như vậy là đặt ra ngoài, các tôn giáo mới, những giáo lý mới và hơn nữa tôn giáo tổng hợp như Đạo Cao Đài có chủ trương dung hợp cơ bản những tín đồ Phật giáo, Công giáo, Lão giáo, Nho giáo, Hồi giáo, vv...

Vô ích để nói rằng Thần linh học, Thông Thiên học, Nhân loại học, vv... đều bị bỏ ra ngoài Hội Nghị này, chỉ tìm kiếm sự hợp tác trong “*tôn kính*” của những tôn giáo lớn và không bao giờ có sự dung hợp cơ bản hay tổng hợp.

Không có một so sánh nào về sự cao trọng của các tôn giáo được tha thứ. Giáo hội Công giáo, tuy chánh thức vắng mặt, nhưng được đại diện rộng rãi (Giáo sư Maritain, ông Lacombe, vv...) và trong tất cả các ngày, Công giáo đều nhận được sự tôn kính.

Hàng trăm người, phần nhiều là dân anglo-saxon, – sĩ quan, viên chức, giáo sư, quý tộc, trường giả – tham dự các ngày Công giáo, Do Thái giáo, Phật giáo, Tin lành, Hồi giáo, Ấn giáo, họ xen vào các cuộc tranh luận, đôi khi ngoài các đề tài nêu ra: Làm thế nào ngự trị tinh thần huynh đệ trên thế giới bởi sự tụ hội các tôn giáo?

“Sự bảo trợ chánh thức ban cho Hội Nghị (ông Champetier de Ribes và ông Georges Mandel) sự tiếp nhận Hội Nghị tại trường đại học Sorbonne bởi ông Viện Trưởng Roussy, với sự tham dự của các thuộc địa Pháp (một vị tướng ở Tunis, một Tỉnh trưởng ở Syrie, vv...) một “Ủy ban Pháp” làm tăng uy thế của các buổi thảo luận long trọng tại Giảng đường Richelieu từ ngày 2 đến 11-7-1939.

“Ưu điểm của Hội Nghị – ngoài những giới hạn hẹp hòi mà người ta qui định và những dự phòng chánh đáng – là kêu lên những quyền của con người, mà hiện thời bị chà đạp trong tất cả các chế độ độc tài.

“Một nguyện vọng là kêu gọi các nhà độc tài nên nhân đạo hơn nữa, được Hội Nghị chấp nhận và vấn đề người tị nạn phải được ghi vào nghị trình của Hội Nghị sắp tới tổ chức ở Hòa-lan. Một lời kêu gọi gửi đến các Giáo hội chánh thức được đưa ra.

“Những khách đến viếng thăm điện Versailles, các viện bảo tàng Ba-lê, các trung tâm trí thức, Thánh đường

Hội giáo, nơi đó nhân phẩm có tính cách của dân Ba-lê đón nhận một cách lịch sự các Hội viên, vv... đã theo dõi hội tập thường ngày. Quả thật, người ta nói nhiều nhưng người ta cũng hành động: một Hội nghị như thế là một sự kiện đáng ghi nhớ. Người ta muốn tuyên bố nó quan trọng hơn cả Hội nghị Quốc liên, tiếp theo một trong những tiệc trà qui tụ nhiều Hội viên mà một ngày nào đó khơi lên ngọn lửa của những tâm tín đồ về lý tưởng tôn giáo. “

Báo *La Vérité* ở Nam Vang, nơi đó có trụ sở của Hội Thánh Ngoại giáo Đạo Cao Đài, có tường thuật gần giống như trên (ngày 26-7-1939): Đạo Cao Đài trong Hội Nghị các tôn giáo tại Ba-lê (trang 1 và 5):

“Đạo Cao Đài hay Phật giáo canh tân đã được giới thiệu vào năm nay trong Hội Nghị các tôn giáo tại Ba-lê (từ ngày 3 đến 11 tháng 7) bởi ông Gabriel Gobron, Tiếp Dẫn Đạo Nhơn tại Pháp của Đạo Cao Đài, ông gặp lại các nhân vật lãnh đạo mà ông đã quen biết tại Luân đôn vào năm 1936, Ngài Francis Younghusband là chủ tọa và ông Arthur Jackman làm thư ký.

“Chánh phủ Pháp đã tổ chức và bảo trợ Hội Nghị các tôn giáo, chính các ông Georges Mandel, Bộ Trưởng Bộ Thuộc địa; ông Champetier de Ribes, Bộ Trưởng Bộ trợ cấp; ông Viện trưởng Viện Đại học Ba-lê, Bác sĩ Roussy, đã cung cấp Giảng đường rộng lớn Richlieu của Đại học Sorbonne làm nơi hội họp cho Hội Nghị.

Một Ủy ban Pháp, dưới quyền của Giáo sư Louis Massignon, gồm nhiều nhân vật: bà De Coral-Rémusat, ông Jean Herbert, bà De Margerie, công chúa A. Murat, ông De Traz, ông Lacombe, giáo sư Daniel Rops, vv... điều khiển các cuộc thảo luận, tập trung vào đề tài căn bản:

Làm thế nào mở mang tinh thần hợp tác huynh đệ trên thế giới bởi các tôn giáo?

“Chung quanh vấn đề đặt ra này, người ta chẳng những ghi nhận các ngày Công giáo, Tin lành, Ấn giáo, Hồi giáo, Phật giáo, Do Thái giáo, vv... tùy theo diễn giả chánh thức thuộc vào một trong những tín điều nào.

Như thế, thứ ba ngày 4 tháng 7 là ngày Công giáo: Giáo hội Công giáo chánh thức vắng mặt, không tham dự các công việc của Hội nghị, nhưng Giáo sư Jacques Maritain, ông Lacombe và vài người Công giáo khác đóng vai trò hàng đầu trong tuần lễ Hội nghị. Giáo hội Công giáo vô hình nhưng hiện diện.

“Nói thật ra thì tầm vóc của Hội Nghị không lớn lắm, cũng không quốc tế như người ta mong ước. Điều này do vài hạn chế đặt ra cho các Hội viên:

1. Không một tôn giáo nào được bày tỏ ưu điểm của mình để thu hút tín đồ của tôn giáo khác.

2. Không có vấn đề thống nhất hay dung hợp các tôn giáo, nhưng chỉ có sự hợp tác giữa các tôn giáo khác nhau đã bị chia rẽ từ trước. Một tôn giáo thống nhất tổng hợp như Đạo Cao Đài cảm thấy khó chịu trong Hội Nghị; cũng thế, ông Tiếp Dẫn Đạo Nhơn tại Pháp tuyên bố với ông Olivier Lacombe, Phó Chủ tịch Ủy ban Pháp, rằng ông ta là người “*tà giáo*” duy nhất trong Hội nghị.

3. Tiến trình của Hội nghị, theo nguyên tắc, được dành cho các tôn giáo lớn và xưa chứng tỏ sự lớn mạnh của họ bởi quá khứ lâu dài. (Lời nói của ông Lacombe ngày 1-7-1939).

“Ngài Francis Younghusband lúc bấy giờ tuyên bố với

ông Gabriel Gobron rằng ông Gobron là người được trọng đãi, được tự do phát biểu và bàn cãi như tất cả mọi người, sau khi ông trình ủy nhiệm thư của cấp thẩm quyền Đạo Cao Đài với Phòng thư ký ở trường Sorbonne.

“Ông Georges Mandel, Bộ Trưởng Thuộc địa, xác nhận sự tham dự của các phần tử của Đế quốc Pháp tham gia vào các công việc và tranh luận nơi Hội nghị. Do đó, tướng Hasan Husny Abdelwhab ở Tunis một Tùy viên của Cao Ủy Phủ của Syrie, đã được lên trình bày về Hồi giáo.

Trái lại, ông Tiếp Dẫn Đạo Nhơn tại Pháp của chúng ta không gặp các phần tử Pháp ở Á châu; Ấn giáo và Phật giáo chỉ được đại diện bởi những người Anh: Tỳ Khưu Thittila (Tu viện Rangoon), Giáo sư Dasgupta (Calcutta), vv...

“Mỗi ngày, ở Ba-lê cũng như ở Luân đôn năm 1936, có một bài thuyết trình vào buổi sáng, kế đó là tranh luận vào buổi chiều, sau đó thì đi viếng thăm các cảnh lạ (Điện Versailles, các Viện Bảo tàng, vv...) và đến các trung tâm trí thức của Ba-lê (Viện Văn minh Ấn độ, Hồi giáo, Hội Liên hiệp Pháp Anh, vv...).

“Ông Tiếp Dẫn Đạo Nhơn tại Pháp của chúng ta đã phê phán tổ chức Hội nghị ở Luân đôn, nơi đó nhiều bậc trí thức đơn độc, không đại diện cho ai cả (và đôi khi có một chút tự kiêu), đã chiếm diễn đàn trong 1 hoặc 2 giờ.

“Nay thì Hội nghị ở Ba-lê dành cho những đại diện của các cộng đồng, theo đúng từ ngữ của qui chế Hội nghị tại Sorbonne. Như thế, các người không chuyên nghiệp và tài tử phải tránh ra để nhường chỗ cho những đại danh như Giáo sư Jacques Maritain (Viện Công giáo Ba-lê), Giáo

sư Dasgupta (Ấn giáo), Bác sĩ Sié (Đại học Nam kinh), tướng Hasan Husny Abdelwahab, Tử tước Samuel (Cựu Cao ủy ở Palestine), Tỳ khưu Thittila (Tu viện Rangoon), Giáo sư Hauter (Đại học Tin lành Strasbourg), vv...

“Thứ ba, ngày 11 thì chấm dứt các công việc và tranh luận trong tình huynh đệ lịch sự nhưt. Họ chia tay với sự bịn rịn và đau lòng, sau khi biểu quyết những nguyện vọng, các giải pháp, xem xét các dự án, các cải thiện, quyết định địa điểm cho Hội nghị sắp tới ở Hòa Lan, vv...

“Trong số rất nhiều sự việc thú vị, đáng chú ý là nguyện vọng yêu cầu các nhà độc tài cư xử nhân đạo hơn với dân chúng; những lời khen ngợi về công trình hòa bình của ông Chamberlain; lời cảm tạ đối với nhà cầm quyền Pháp đã đối đãi tốt đẹp với các tôn giáo mà không cần chứng minh, khả năng chọn Strasbourg, Jérusalem, Genève, vv... làm nơi Hội nghị sắp tới; sự kêu gọi các Giáo hội nên cho phổ biến các công trình của Hội nghị mà một diễn giả đã nói rằng các chánh trị gia và những người cổ súy họ. Vấn đề người tỵ nạn được đặt ra cho năm tới.

“Ủy ban Pháp quyết định tiếp tục tại Ba-lê công việc làm cho các tôn giáo lớn xích lại gần nhau hơn và hiểu biết nhau hơn. Nhiều Hiệp hội liên tôn được chú ý trong thủ đô, cung cấp cho các Hội viên thích tham dự các cuộc hội họp và đóng góp các cố gắng.

Từ đây Hội nghị sẽ thay thế Hội Quốc liên, đã bị đả phá bởi “*Chúng tôi nghĩ rằng, không bao lâu nữa, Đạo Cao Đài sẽ có vai tương quan trọng bởi cái gương mẫu sống động của nó, trong các Hội nghị quốc tế về tôn giáo.*”

CÁC VỊ GIÁO TÔNG CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

TỜ BÁO *LE POPULAIRE* [BÌNH DÂN] (XUẤT BẢN tại Sài Gòn ngày 18-11-1935) loan tin: Ở Tây Ninh, Ngài Phạm Công Tắc kể vị Ngài Lê Văn Trung và trở thành Giáo Tông của Đạo Cao Đài:

“Nhơn dịp lễ kỷ niệm ngày mất của Ngài Lê Văn Trung, Giáo Tông của Đạo Cao Đài⁽¹⁾, Tòa Thánh Tây Ninh tổ chức đại lễ trong ba ngày: 8, 9 và 10 tháng 11 vừa qua, có hơn 5 ngàn tín đồ dự lễ.

“Một Đại hội gồm: Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh được tổ chức vào hai ngày 11 và 12 tháng 11, sau khi chấm dứt các buổi lễ, để giải quyết vấn đề khó khăn là việc kế vị Ngài Lê Văn Trung.

“Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh đồng thanh tín nhiệm giao chức vụ nặng nề nầy cho Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc. Tất cả kiến nghị tín nhiệm đều được Đại hội biểu quyết đồng ý.

“Như thế, một vấn đề gây ra sự chú ý nhiều lần của công luận đã được giải quyết đúng qui tắc.

“Chúng tôi mong rằng, dưới quyền lãnh đạo của vị Giáo Tông mới, Đạo Cao Đài sẽ tiến bước êm đềm.

- (i). **Chú thích của Dịch giả:** Gọi Ngài Lê Văn Trung là Quyền Giáo Tông (Pape intérimaire) thì đúng hơn, vì Ngài chỉ nắm quyền Giáo Tông hữu hình tại thế. Giáo Tông chính thức của Đạo Cao Đài là Đức Lý Thái Bạch, nắm cả hai quyền: vô vi và hữu hình.

Tờ báo còn thông báo các buổi lễ:

“Nhơn dịp lễ Kỷ niệm ngày mất của Ngài Lê Văn Trung, Quyền Giáo Tông của Đạo Cao Đài, các cuộc lễ lớn diễn ra trong các ngày: 8, 9, 10 và 11 tháng 11 tại Tòa Thánh Tây Ninh. Đây là chương trình các buổi lễ:

“Ngày 8 tháng 11, lúc 14 giờ: Đại lễ mãn tang tại Giáo Tông Đường.

“Ngày 9 tháng 11, lúc 19 giờ: Thỉnh linh vị vào Đền Thánh; 20 giờ: Cúng tế.

“Ngày 10 tháng 11, lúc 19 giờ: Thỉnh linh vị ra Đại Đồng Xã.

“Ngày 11 tháng 11, lúc 6 giờ: Lễ Cúng tế trước Cửu Trùng Thiên. Điều văn của các Chức sắc Đại Thiên phong.”

Nhơn dịp Lễ Kỷ niệm Khai Đạo lần thứ 10, tờ báo *La Presse indochinoise* [Báo chí Đông Dương] (ngày 3-9-1936) nhắc lại cho công chúng Đông Dương biết rằng, Đạo Cao Đài hay là Phật giáo canh tân:

“Đạo Cao Đài, một Tân tôn giáo phát sanh tại Đông Dương vào năm 1926, đã ban cho những người được khai tâm đầu tiên những bài Thánh giáo của Đức Chí Tôn, Đấng Cao Đài, dưới hình thức là những thông điệp huyền bí mà các đồng tử đã nhận được một cách thận trọng để lưu truyền lại cho đời sau.

“Vật làm thông công môi giới của Thần linh học cho

phép tiếp nhận nhiều thông điệp phát ra từ các bậc đại hiền triết của thời cổ, từ cõi vô hình, giáng điển xuống Tòa Thánh Tây Ninh (Nam Kỳ) một cách đều đặn.

“Các tín đồ của Đạo Cao Đài càng lúc càng nhiều, được dạy cho biết các kiến thức về giáo lý và luật pháp của Ba Đấng Giáo chủ: Đức Phật Thích Ca, Lão Tử, Khổng Tử.

“Những điều giáo huấn tổng quát của Phật giáo là: không sát sanh, không trộm cướp, không muốn vợ của người khác, không làm chứng dối, không uống rượu. Phật giáo còn tiến rất xa trong việc tìm đến sự toàn thiện, vì Phật dạy thương yêu kẻ thù, lời giáo huấn mà phương Tây của chúng ta xem như là một chuyện buồn cười, bởi vì nó đem đến một cảnh tượng đau buồn của lòng thù hận, của sự hung dữ, của sự trả thù mà lịch sử đã ghi lại.

“Lão giáo mà giáo lý lấy trọn trong sách Đạo Đức Kinh, khai triển song song đến các tư tưởng triết lý tuyệt diệu của Thiên Chúa giáo, mặc dù Lão giáo xuất hiện trước Thiên Chúa giáo gần 600 năm. Lão giáo dạy tôn thờ sự thật và giữ gìn đức tánh. Điều này chứng tỏ rằng người ta có thể gặp nơi các quốc gia (Á đông) xem như còn mọi rợ đối với một Âu châu già nua của chúng ta, sự thực hành những câu phương ngôn dịu hiền và nhân từ, cốt yếu giữ gìn sự hòa hợp và lòng lương thiện giữa loài người.

“Nho giáo (Khổng giáo) mà những lời giáo huấn không phản đối tinh thần khoa học tân thời của chúng ta, luôn luôn tỏ ra lo âu là muốn nâng cao hơn loại lên trên các thú tánh bằng cách mở mang phát triển các phẩm chất tốt đẹp, tạo ra một tinh hoa tinh thần và trí thức, để dẫn dắt đến hạnh phúc cho những người bất lực, dốt nát, bởi họ thiếu các yếu tố ban đầu về sự thông minh, lý trí

và hiểu biết.

“Giáo lý của Ba Đấng Giáo chủ thêm vào tôn giáo lòng bác ái và nhân từ của Đấng Christ, sự kính trọng người chết và sự thờ cúng tổ tiên.

“Tóm lại, Đạo Cao Đài là bằng chứng của lòng khoan dung đại độ đối với tất cả các tôn giáo hiện hữu, bởi vì nó bao gồm tất cả, nó tự cho mình có mục đích là chống lại tà giáo, gieo vào dân chúng lòng thương yêu điều thiện và thương yêu vạn vật của Thượng Đế, thực hành đạo đức, học tập sự yêu mến công lý và sự nhẫn nhục, phát hiện về luật quả báo các hành động của con người sau khi chết, sự tẩy trừc tâm hồn.

“Đối với tất cả lời chỉ dẫn, gọi đến cho:

- “Ngài Phạm Công Tắc, lãnh đạo cao cấp của Đạo Cao Đài, Tòa Thánh Tây Ninh.
- “Ông Đặng Trung Chử, Chủ trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo tại Nam Vang.
- “Ông Trần Quang Vinh, Phó Chủ trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo tại Nam Vang.
- “Bà Batrya (Trần Kim Phụng), Giáo Sư, Chủ trưởng Nữ phái tại Nam Vang.

Hiệp Thiên Đài:

- “Ô Cao Đức Trọng, Tiếp Đạo (đồng tử) tại Nam Vang.

Tại Âu Châu:

“Ông Gabriel Gobron, Tiếp Dẫn Đạo Nhơn tại nước Pháp của Phật giáo canh tân, được giải thưởng của Hàn Lâm Viện Pháp, ở số 12 đường Thiers, Rethel (Ardennes),

Pháp.

“Thư từ quốc tế: tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Ý, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha.

Những đại diện khác:

- “Ông Charles, cựu Giám đốc Sở Dân sự Đông dương, số 8 công trường P. -Royal, Ba-lê.
- “Ông Henri François, Văn khố thành phố Nantes (Loire-Inférieure) Pháp.
- “Ông Gabriel Abadie, Giáo Hữu, Sở Tư pháp, Hà Nội.
- “Ông Delagarde, Lê Sanh, P.T.T. Hà Nội.
- “Ông Bùi Quế, Lê Sanh, làng An Cựu, thôn Nhi Tây, Huế, Việt Nam.
- “Ô. Mai Văn Nghĩa, Lê Sanh, 130 đường Huế, Hà Nội
- “Nguyễn Văn Khỏe, Lê Sanh, Chánh Thơ ký Sở Thương chánh, vv...

Nhiều nhật báo loan tin: “Đại lễ của Đạo Cao Đài Kỷ niệm Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung”:

“Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh từ mấy ngày nay rất nhộn nhịp. Hàng ngàn tín đồ ráo riết làm việc để hoàn thành các việc chuẩn bị lễ Kỷ niệm người quá cố cho xứng đáng.

Cuộc lễ bắt đầu từ thứ năm ngày 26 tháng 11 lúc 19 giờ, kéo dài trong 3 ngày. Hội Thánh sẽ thiết lễ. Cũng trong dịp này, sự tự do thờ cúng mà chủ nghĩa tự do của Chánh phủ Pháp được ban cho tôn giáo. Tất cả địa phương của Đạo Cao Đài ở Đông Dương đều được kêu

gọi về Tòa Thánh dự lễ.

Một chương trình vĩ đại được tiên liệu: Đốt đuốc, cộ hoa rực rỡ, pháo bông. Một đại lễ sắp diễn ra.

Người ta quả quyết rằng, đây là cuộc lễ lớn nhất từ khi lập Đạo Cao Đài.”

Tờ báo *La Vérité* [Sự thật] (ngày 20-11-1936) báo cáo những sự việc vui vẻ bằng từ ngữ: “*Nơi Tòa Thánh Cao Đài, 20 ngàn tín đồ làm lễ Kỷ niệm Khai Đạo lần thứ 10 và lễ mãn tang Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung.*”

“*Ngày 28 tháng 11, đặc phái viên của chúng tôi gọi về: Từ tất cả các nơi ở Nam Kỳ, Cao Miên, cả vài bộ tộc thiểu số (Mọi), hàng ngàn tín đồ đi đến Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh vào các ngày nầy để dự lễ Đại Tường và tiếp theo là lễ mãn tang Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung.*”

“*Đúng 2 năm, Đức Quyền Giáo Tông của Đạo Cao Đài từ trần – dùng một từ ngữ tỏ ý tôn kính: qui Thiên.*”

“*Sự chia rẽ trong Đạo Cao Đài thành hai phe lớn đối nghịch nhau sắp hoàn toàn tiêu hủy nhưn dịp bổ nhiệm người kế vị. Nơi Thánh địa, Hội Thánh thận trọng chỉ định Ngài Phạm Công Tắc vào chức vụ lãnh đạo tối cao tạm thời, nhưng không cho một danh hiệu chánh thức của tôn giáo.*”

“*Còn ở Mỹ Tho, ông Nguyễn Ngọc Tương được ban cho danh hiệu Giáo Tông bởi vài trăm tín đồ. Vị Giáo Tông mới nầy được bổ nhiệm như thế, được hộ tống bởi một đám đông ủng hộ, đến Tòa Thánh Tây Ninh để nhậm chức và cũng để tham dự lễ Đại Tường.*”

“*Cổng vào Tòa Thánh của Đạo Cao Đài bị cấm, không cho vị đứng đầu chi phái Mỹ Tho vào, bởi vì chỉ có nơi Thánh*”

địa, lời nói chơn thật và thiêng liêng (của Đức Chí Tôn) truyền dạy các Chức sắc cao cấp của Đạo do cơ bút của đồng tử. Phải chăng Đấng Cao Đài đã chỉ định Ngài Phạm Công Tắc vào phẩm vị lãnh đạo tối cao của Đạo?

“Người ta hiểu rằng, từ đây, tại sao các vị lãnh đạo Cao Đài tổ chức lễ Đại Tường huy hoàng hiếm có. Những cô hoa đi diễn hành trong tinh lý Tây Ninh không bị Tỉnh trưởng ngăn cấm. Chúng tôi nghĩ rằng, sự ngăn cấm đó không chánh đáng, bởi vì tất cả đều diễn ra trong bình yên ở khắp nơi. Cô hoa, rước đuốc, pháo bông trong 3 ngày lễ làm tăng thêm sự vui mừng của dân chúng. Ánh sáng đèn điện rực rỡ làm cho vùng Thánh địa có vẻ là một thành phố nhỏ náo nhiệt.

“Chúng tôi có gặp các vị lãnh đạo cao cấp nhất. Người đứng đầu hiện thời của Đạo mà chúng tôi trước đây đã sát cánh cùng nhau trước khi cải sang Đạo Cao Đài, đã làm việc trong Sở Thương chánh, trong lúc đó, người bạn thời niên thiếu của chúng tôi là Lê Thế Vĩnh, Trưởng ban Nghi lễ, đã chiến đấu như là “Thanh niên Việt Nam” để cải thiện số phận của dân tộc Việt Nam.

“Chiều nay là lễ mãn tang Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, những bài diễn văn sẽ được đọc lên cho chúng ta biết về tình hình hiện tại của nền Đạo Cao Đài, những khuynh hướng, những khả năng và về tương lai của Đạo.

“Người ta biết rằng, Đạo Cao Đài phát sinh từ năm 1926, dưới sự thúc giục của phong trào xây bàn nhập cảng từ nước Pháp. Nhưng có điều quan trọng chúng không biết là có một người Pháp lai, độc giả trung thành của Léon Denis và Allan Kardec, đã bỏ tiền túi ra để đi truyền bá những tư tưởng về Thần linh học trong thuộc địa, việc này góp phần

không ít vào sự phát triển nhanh chóng lạ thường của nền Tân tôn giáo, đặt trên cùng một hàng Bốn Đấng Giáo chủ: Khổng Tử, Lão Tử, Thích Ca và Jesus Christ. Chủ nghĩa tổng hợp lạ thường này giải thích rõ hơn nữa sự thành công mau lẹ của phong trào bên cạnh những người VN và cả người Cao Miên nữa.

“Chánh phủ Pháp có thể lo sợ trong một lúc nào đó về nền Tân tôn giáo phát sinh chậm trễ giữa thế kỷ 20 này, nhưng về sau, những nhà lãnh đạo tôn giáo của chúng ta được phép truyền đạo nơi Bắc Kỳ, những phái bộ truyền giáo Cao Đài được đi Pháp, Trung hoa.

“Sự biểu lộ hiện thời tại Tây Ninh, phải chăng là điểm khởi đầu cho sự củng cố và bành trướng phong trào, đã bị ngưng trệ trong suốt năm qua?

“Phải chăng các vị lãnh đạo tôn giáo Cao Đài nuôi tham vọng trở thành những nhà lãnh đạo tinh thần của một phần Viễn Đông nhờ vào sự phát triển của Đạo Cao Đài?

“Một tương lai không xa sẽ cho chúng ta cái chìa khóa của những bí ẩn này.”

■ SROK – SAROU – (Đặc phái viên)

LỄ KHÁNH THÀNH THÁNH THẤT NAM VANG

LỄ KHÁNH THÀNH LONG TRỌNG THÁNH THẤT Nam Vang được tổ chức vào thứ bảy, ngày 22 tháng 5 năm 1937, trong đó bài diễn văn của Giáo Sư Thượng Vinh Thanh, Phó Chủ trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo của Đạo Cao Đài (Phật giáo canh tân) là phần chánh. (Người ta tin rằng ông Vinh là François Hugo tái kiếp).

Sau đây là vài đoạn trích lục dài của bài diễn văn trên:

“Khi Hội Thánh chỉ định tôi mở lời hôm nay như dịp chúng tôi sắp khánh thành Thánh Thất đầu tiên được xây dựng trong thủ đô Vương quốc Cao Miên, đã từ lâu tôi ngần ngại nhận lãnh cái danh dự đặc biệt này, sợ rằng không đủ sức cho một sứ mạng nhiều khó khăn và tế nhị.

“Phải cần có sự khẩn khoản của tất cả các hiền huynh trong Hội Thánh, đặc biệt của vị niên trưởng, Giáo Sư Thượng Bửu Thanh, là người đáng kính của chúng tôi, có công đầu trong Hội Thánh Ngoại Giáo của Đạo Cao Đài hay Phật giáo canh tân, đã chỉ định tôi xuất hiện hôm nay trước đông đảo quan khách để cảm kích và được chọn lựa.

“Nói tiếng Pháp còn chưa chắc chắn và nhất là không quen lên diễn đàn, tôi yêu cầu quý vị khoan hồng đối với tôi.

“... Xin quý Bà và quý Ông tin rằng, trong ngôi nhà

này, quý vị sẽ tìm được sự hoà bình và hòa hiệp, sự khoan dung rộng rãi nhưt, ở đây không có một tiếng nói nào có tính cách bất hòa được thốt ra, tất cả mọi người nơi đây đều có bốn phận thương mến nhau như anh chị em ruột, vâng theo một luật pháp duy nhưt của Thượng Đế, Đấng Tạo Hóa, Đại Từ Phụ của tất cả, không phân biệt chủng tộc và quốc gia.

“Chúng tôi chọn ngày khánh thành Thánh Thất đầu tiên nơi đây là ngày Kỷ niệm thoát xác của một người Pháp vĩ đại, một nhân vật vĩ đại: đó là Victor Hugo, mà từ năm 1927, Ngài là Chưởng Đạo thiêng liêng đáng kính mến của chúng tôi. Chúng tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn nước Pháp, nước đã sanh ra một nhà thơ vĩ đại mà chúng ta đã học và yêu mến khi còn trên ghế nhà trường Pháp, một nước Pháp anh hùng, hào phóng và nhân đạo.

“Chính năm 1927, vị lãnh đạo cao cấp của Đạo Cao Đài hiện nay, Ngài Phạm Công Tắc, đã đến xứ Cao Miên và chơn linh Victor Hugo giáng đàn trước tiên nhờ việc xây bàn, kế đó là nhờ một miếng ván nhỏ làm cơ và sau cùng là cây Ngọc cơ. Nhờ đó thiết lập được Hội Thánh Ngoại Giáo của Đạo Cao Đài mà chơn linh Victor Hugo trở thành Chưởng Đạo thiêng liêng của chúng tôi. Nhờ những lời giáo huấn của Ngài, chúng tôi truyền bá giáo lý mới, trước tiên là trên lãnh thổ Cao Miên, kế đó sang Pháp, rồi Lào, sau đó là Trung Kỳ và Bắc Kỳ.

“Tiếp theo xin bày tỏ lòng kính trọng đến những vị thường xuyên vận động nơi nước Pháp hay nơi Đông Dương để binh vực Đạo Cao Đài như: Luật sư Roger Laseaux, Luật sư Lortat Jacob, Thủ Tướng Albert Sarraut, các Thống sứ Richome, Silvestre, Thibaudeau, các Dân biểu

H. Guernut, Marius Moutet, E. Outrey, Paul Ramadier, Marc Rucart, Jean Piot, J.-M. Renaitour, M. Voirin, A. Philip, Cô Marthe Williams, Trung tá Alexis Métois, Félicien Challaye, ông E. Tozza, Gabriel Abadie de Lestrac, Jean Laffray (Chủ nhiệm báo *La Griffé* (móng vuốt), Charles Bellan, cựu Thống sứ Pháp tại Cao Miên, vv... Chúng tôi xin cáo lỗi sự thiếu sót ngoài ý muốn trong bài tường trình mau lẹ này.

“Như vậy, chúng ta họp nhau đây trong sự long trọng là để khánh thành “Ngôi nhà của Thượng Đế” tại Nam Vang.

“Thời gian đã qua khá xa, nơi đảo Phú quốc nằm trong vịnh Thái lan, Đấng thiêng liêng giáng điển giống như đã giáng điển nơi đảo Jersey, đối diện cái vô tận của biển cả, đối diện cái vô cùng của bí ẩn tâm linh và số phận con người, qua các cuộc xây bàn của Bà De Girardin và Victor Hugo.

“Thời gian cũng đã khá xa, Đấng thiêng liêng giáng điển xuống những nhóm nhỏ gia đình ở Sài Gòn, dẫn đến sự nhập đạo của Ngài Lê Văn Trung và Ngài trở thành nhà lãnh đạo cao cấp đáng kính của Đạo Cao Đài hay Phật giáo canh tân (Đại Ân Xá kỳ ba của Thượng Đế ở Đông phương).

“Từ năm 1919, nhưng nhứt là từ năm 1925, phong trào của chúng tôi không ngừng trở nên vững vàng và chiếm được lòng tín ngưỡng và những tâm hồn mới trên khắp thế giới.

“Quả thật, – giống như tất cả những cái mới nổi bật của thế giới – Đạo Cao Đài đã gặp phải chủ nghĩa hoài nghi, sự nhạo báng, sự ngờ vực, về những biểu tượng của

Đạo có ý nghĩa nhưt: **Thiên Nhân** mà người ta thấy trong nhóm Thông Thiên học và Triết lý học, chữ **Vạn** có nguồn gốc từ tất cả chủ nghĩa biểu tượng và từ tất cả khoa học bí truyền của nền văn minh thế giới. Những biểu tượng ấy đáng kính nhưt của chúng tôi đã bị chế nhạo hay bị buộc tội vô căn cứ, vì lý do đốt nát và không hiểu biết của những kẻ phàm tục, chỉ thấy chúng tôi ở mặt ngoài.

“Một câu tục ngữ xưa của Pháp: Nếu anh muốn nhỏ cỏ dại, trước hết anh phải bước vào vườn.

“Nhưng nhưt là về căn bản tâm linh, tại sao lại sợ hãi gọi con mèo là con mèo và Rollet là một tên bịp bợm, theo những câu thơ bất hủ của Boileau? Nhưt là về căn bản Thần linh học của phong trào chúng tôi là đầu đề của những chế giễu dễ dàng nhưt và dai dẳng nhưt. Ở đây, chúng tôi không biện hộ cho Thần linh học tân thời. Mặc dầu bị tấn công không ngừng từ ba phần tư của thế kỷ, vấn đề Thần linh học không ngừng thu hút những nhà bác học nổi tiếng, mà chúng tôi xin đơn cử một thí dụ thôi, như Ngài Olivier Lodge, nhà vật lý nổi tiếng thế giới, Viện trưởng Đại học Birmingham, hội viên Hàn Lâm viện Hoàng gia Anh quốc.

“Thần linh học không ngớt lan tràn đến các đảo như Porto Rico và Cuba (nước mà Thần linh học tỷ lệ với dân số, nơi đó những đài phát thanh vô tuyến đã phát ra đều đặn những chương trình Thần linh học), toàn nước Ba Tây, quê hương của Thánh kinh, nơi đó có 8 triệu người tự nhận theo Thần linh học (200 ngàn tại Rio-de-Janeiro). Thần linh học không ngừng lan tràn đến các Đại học đường – một sự kiện khó tin – bởi vì Utrecht, Leyde, Belgrade, Lund, Buenos-Ayres, Londres, nhiều phân khoa

đại học Mỹ đã có giảng đường dành cho Thần linh học thực nghiệm.

“Sau cùng nó không ngừng được thiện cảm ở tư tưởng gốc trong thời đại của chúng ta, bởi vì sau khi nó quyết định một cách không thể chối cãi được tính chất tiên tri sứ mạng và sự nghiệp của Victor Hugo, nó đã ảnh hưởng đến những khảo cứu của Bác sĩ Hans Driesch, Giáo sư Đại học Leipzig, lý thuyết gia Đức, về thuyết Tân sinh lực và những thử nghiệm sáng chói của Allan Kardec và của Bergson nữa.

“Còn bao nhiêu chuyện nữa mà chúng tôi có thể nói lên để bình vực sự kiện Thần linh học, nhưng chúng tôi cần chỉ ra rằng, sự dốt nát khi không có định kiến, rất thường vấp phải sự thiếu hiểu biết đau khổ của con người. Một hiền triết Anh nói rằng: Thương hại cho những người nào không giữ được nụ cười trước những lời chỉ trích nông cạn!

“Vả lại, chúng tôi đã giữ kín cây ngọc cơ, để nhớ đến Giáo hội Công giáo, những nhà Thần linh học huệ trí, rằng việc thực hành Thần linh học (Cầu cơ) có thể đạt được kết quả tốt đẹp khắp nơi trên địa cầu, cái điểm khởi đầu của một thời đại mới của con người: thời đại Thần linh học; nhưng nó cũng có thể dẫn dắt những người ngây thơ không thận trọng, những kẻ hư đốn, đến những kết quả rất tai hại. (Có nhiều nhóm Thần linh học trong vùng băng giá ở Alaska, trong những trang trại thuộc đồng cỏ hoang ở Argentine, trong cảnh thiên nhiên tươi tốt ở Ấn Độ).

“Xưa kia, Thánh Paul khuyên bảo các môn đồ nên nhận thức rõ các chơn linh. Và đây là Giáo hội Anh giáo lúc bấy giờ bị cả triệu tín đồ đào ngũ, đã cho một số giáo

sĩ tiếp xúc với các hội Thần linh học để củng cố lại đức tin bởi chứng cứ, để củng cố tôn giáo bởi khoa học, để liên kết trong chiều hướng mới được kêu gọi bởi nhơn loại. (Một người lớn trên bảy còn lui tới ở Giáo hội Anh giáo).

“Nhưng, cái gì là đặc điểm của Đạo Cao Đài hay Phật giáo canh tân? Đó không phải là căn bản thực nghiệm tâm linh hay thần linh, sự thông công giữa người sống và người chết, tình huynh đệ vẻ vang cảm động của thế giới hữu hình và vô hình, mà là cái năng lực tổng hợp các giáo lý mà chúng tôi đã thực hiện một cách đúng đắn bằng cách tôn thờ các Đấng Thần linh Á châu lẫn các Đấng Thần linh Âu châu.

Không một Ngôi nhà Thượng Đế nào sánh được với Ngôi nhà Thượng Đế của chúng tôi, bởi vì người Âu châu cũng như người Á châu, người có tín ngưỡng cũng như người không tín ngưỡng, đều có thể nâng cao linh hồn của họ lên đến cái mức hy vọng ưa thích nhất của họ, kẻ thì tôn thờ Đức Chúa Jê-sus, người thì tôn kính Đức Phật Thích Ca, kẻ thì chiêm ngưỡng Đức Khổng Tử (như những người tự do tư tưởng ở Tây phương).

“Hãy nói cho chúng tôi biết, hiện nay quý vị thấy ở nơi nào, có sự tổng hợp tâm linh đó? trong cái thế giới bị chia rẽ bởi vật chất, nóng sốt bởi thù hận, đổ máu bởi chiến tranh.

“Không một nơi nào có thể hơn Thánh Thất Cao Đài, vì nơi đây, người ta làm việc trong tình huynh đệ của con người, trong tình thân hữu của các chủng tộc, trong sự liên hiệp các lục địa trong một tập hợp rộng lớn của con người, viết lên lá cờ lệnh hai chữ: *Tâm linh – Hòa bình*, sáng chói của những người thiện tâm.

“Thế nên chúng tôi dám nói thẳng với người phương Tây rằng: ***Chúng tôi vì hòa bình.***”

Hòa bình, đối với chánh quyền và những lãnh tụ của đời, họ có sứ mạng thường bạc bẽo và khó khăn để làm thỏa mãn sự buông thả dục vọng, trái ngược của con người. Hòa bình đối với những quốc gia láng giềng, hòa bình đối với người ngoại quốc, bởi vì chiến tranh đem lại quá nhiều điều ác, để không là mê tín hung tợn hay là tội ác của quỷ, với tiêu đề Pháp ngữ: Hòa bình liên kết của một nền hòa bình không thể phân chia, hòa bình bởi hòa hợp, nằm trong công thức của chúng tôi, mặc dầu trong thời buổi hắc ám. Đó là cái nghĩa của sự tổng hợp tâm linh của chúng tôi.

Trở qua Âu châu, quả thật có một phiến trách nhỏ là Đạo Cao Đài đã loại ra Mahomet và Hồi giáo khỏi các Thánh Thất. Về phần chúng tôi không có sự loại trừ ấy.

Và chúng tôi cần lập lại nơi đây, một trong những giáo huấn thần bí của Hồi giáo để nhận xét rằng, không một người Cao Đài nào không từ chối nhận biết đó, bằng giai thoại của thuyết thần bí Hồi giáo, lịch sử từ sự sanh ra của chính mình đến thiêng liêng, từ sự đảo ngược giá trị tâm hồn người tu:

Một môn đồ đến trước của nhà của thầy và gõ cửa.

Im lặng. Người ấy gõ cửa lần nữa.

Một tiếng nói từ bên trong phát ra:

– Ai đó?

– Tôi (Bản ngã)

Im lặng. Cửa không mở.....

Sau đó, người môn đồ lại đến trước nhà thầy lần nữa và gõ cửa. Một tiếng nói từ bên trong phát ra:

– Ai đó?

– Anh (Phi ngã hay Vô ngã)

Và lần này cửa mở.

Thật ra, một tôn giáo biết truyền bá cái chơn lý phổ quát như thế, một tôn giáo đã dạy các tín đồ những câu tuyệt diệu: “*Tôi không là người Hồi giáo, không là Thiên Chúa giáo, không là Do Thái giáo, tôi là bạn thân của Thượng Đế*”.

Tôi nói: Thật ra, tôn giáo này không phải là của riêng phần chúng tôi, là của một âm mưu nào, là của một phép phù thủy nào; rằng những người Hồi giáo ở Ấn độ, rằng những người Hồi giáo ở Pháp, xin hãy tín nhiệm chúng tôi và hãy an tâm cho tất cả điều thiện.

Và vì chúng tôi vừa nói đến người Pháp Hồi giáo có xây cất Thánh đường Hồi giáo tại Ba-lê, nơi đó mỗi ngày năm lần vang lên từ tháp chuông cao, tiếng gọi của vị tu sĩ báo giờ cầu nguyện, làm chúng tôi cảm thấy nhẹ nhàng, hôm nay xin cảm tạ tận đáy lòng, đầy tình chơn thật và biết ơn nước Pháp của Đạo Cao Đài, nước Pháp mà với tinh thần độ lượng, với ý chí hòa hiệp, đôi tay hữu nghị luôn luôn giúp đỡ những kẻ yếu thế mà họ không thể tự mình thực hiện, cho phép chúng tôi hưởng được những gì mà chúng tôi hưởng được, giúp đỡ chúng tôi trở nên cái gì mà chúng tôi sẽ được.

Tại nước Pháp này, bao gồm Đại Ấn Xá kỳ ba của Thượng Đế ở Đông phương, cái nền tảng tâm linh mà khoa học có thể đạt đến sự phổ quát toàn cầu bởi tính

chất tổng hợp tôn giáo mà nó liên kết và thu gọn trong tình huynh đệ hằng hữu, trong hòa bình và năng động.

Tại nước Pháp này, khuyến khích và tán trợ một nguồn hy vọng mới trên thế giới mà hôm qua còn chào đón, không chỉ tờ tuần báo như *La Nature* (Thiên nhiên) ở Ba-lê, tờ *Religio* của La Mã, và tờ *Reformator* ở Rio-de-Janeiro.

Tại nước Pháp này luôn luôn sẵn sàng tán dương và ca tụng những giá trị tinh thần có tính phổ quát, xây dựng và nhân đức. Đạo Cao Đài hay Phật giáo canh tân, từ vị lãnh đạo cao cấp và từ Hội Thánh đến các tín đồ thấp kém, hôm nay bày tỏ lòng biết ơn vô tận nước Pháp.

Làm việc với tinh thần tổng hợp, trong cái nghĩa phổ quát, chúng tôi có ý thức góp công như một người Pháp, được gắn gũi hơn nữa với tâm hồn người Pháp, với những điều đó chúng tôi tin tưởng có được những tương quan bí mật huyền diệu mà sự thông công giữa người sống và người chết không thể tùy thuộc chúng tôi, mà sẽ được làm mạnh thêm và thí nghiệm ở tương lai.

Trước nhận định lạc quan đó, chúng tôi mới dám bày tỏ điều mong ước quý báu nhất của chúng tôi đối với mọi người là: nước Pháp tự do, đại lượng, giúp đỡ chúng tôi mở rộng việc hành thiện với tất cả cố gắng trên tất cả dân Pháp hay dân bảo hộ, không phân biệt, bởi vì trước sự đói khát của tâm hồn, phải có những khả năng tinh thần để cân bằng cho tất cả. Nơi đó là công bình, nơi đó là chánh trực.

Tất cả có thể tự thực hiện đến tối đa và tất cả cũng có thể hướng đến tất cả để làm việc tại lâu đài thiêng liêng, lâu đài của tâm hồn, theo câu nói rất đẹp của Nữ Thánh

Thérèse, trong con người bản xứ phù du mà bánh xe đời sống ràng buộc tạm thời số phận vào những cõi Trời, nơi đó địa cầu của chúng ta chỉ là một cục đá giữa hàng tỷ hòn đá khác trong không gian vô tận.....

Trước viễn cảnh vô tận ấy, những giới hạn hẹp hòi làm chậm lại một cách đau khổ sự phát triển của tâm hồn mà sự thức tỉnh chờ đợi một tia sáng hay một ánh lửa? Vì vậy, chúng tôi tin tưởng rằng nước Pháp sẽ hoàn toàn tin cậy chúng tôi và ban cho chúng tôi những quyền hành giống như các tôn giáo khác, để mời đến dự bữa tiệc có nhiều thức ăn thiêng liêng, những huynh đệ của chúng tôi mà họ chưa đến được với chúng tôi hay chúng tôi chưa đến được với họ.

Nước Pháp, trung thành với truyền thống cao cả, trước hết chúng tôi xin cảm tạ, đã cho chúng tôi phụng sự nhưn sanh, đó là bốn phận đầu tiên và lớn nhất của tất cả tín đồ Cao Đài.”

Cuộc lễ khánh thành này gây được nhiều tiếng vang trong giới báo chí Đông Dương.

Nhật báo *La Presse indochinoise* ngày 22-4-1937 nói về cuộc viếng thăm Thánh Thất Cao Đài Nam Vang:

“Thánh Thất Cao Đài Nam Vang tọa lạc gần góc đại lộ Pasquier và đường Verdun. Khi xưa, cách nay 8 năm, Thánh Thất này chỉ là một ngôi nhà lá đơn giản làm chỗ trú ngụ cho những nhà truyền giáo đầu tiên.

Sau nhiều cố gắng đáng khen của việc truyền giáo, số tín đồ Cao Đài tại Nam Vang có được hơn hai chục ngàn người nam nữ, trong đó đếm được nhiều người Âu châu và cả ngàn người Tàu.

Nhờ lòng hy sinh và thiện tâm của tất cả tín đồ mà ngôi đền thờ hôm nay trở thành một tòa nhà lộng lẫy.

Lễ Khánh Thành diễn ra ba ngày: 21, 22, và 23 tháng 5, cũng trong dịp này, lễ Kỷ niệm hàng năm của Victor Hugo được cử hành. Nghi lễ của hai cuộc lễ hợp lại làm một làm cho cuộc lễ trở nên vĩ đại.

Những vị lãnh đạo cao cấp của Đạo Cao Đài Tây Ninh như Ngài Phạm Công Tắc, Bà Huyện Xây(?) sẽ hiện diện trong cuộc lễ. Ông Đặng Trung Chữ, lãnh đạo Cao Đài tại Nam Vang, hẹn gặp chúng tôi tại Thánh Thất hôm nay, nhưng ông bị gọi cấp tốc đi Châu Đốc nên ông Hương thay thế, hướng dẫn chúng tôi đi viếng Thánh Thất mới vừa xây dựng lại. Ông Hương, người ốm với gương mặt trái xoan, trán cao, có một chòm râu đen dưới cằm, tượng trưng hình dáng của một kiểu mẫu Chúc sắc của Đạo Cao Đài.

Rất tháo vác, ông đưa chúng tôi đi viếng Thánh Thất vừa được trang trí mới và cho chúng tôi những lời giải thích thỏa đáng. Nơi cửa lớn vào đền thờ, một bức hình lớn của Victor Hugo với dáng điệu cổ điển của nhà tư tưởng, làm cho người ta chú ý ngay. Bên cạnh Ngài trên cùng một bàn thờ là hình của Bác sĩ Tôn Dật Tiên, người cha của cách mạng Trung hoa. Một vị tượng trưng người canh tân của Đạo Cao Đài, vị kia là người truyền đạo tuyệt vời.

Ở giữa là chánh điện trang nghiêm, sắp đặt một cách giản dị. Không trang trí dư thừa, có một quả địa cầu bằng giấy, một Con Mắt vẽ lên trên, kể đó, theo thứ tự đẳng cấp, sắp đặt các tượng của Đức Phật Thích Ca, Đức Chúa Jesus, các vị Thánh. Bên phải của chúng tôi là

tượng Quan Công với gương mặt đỏ tươi đang đọc sách, bên trái của chúng tôi là tượng Đức Phật Quan Âm đang cầu nguyện. Cuối cùng, đối diện với chánh điện, có một tấm cẩm thạch lớn treo trên tường, khắc các tên: Moutet, Guernut, Albert Sarraut, Félicien Challaye, vv...

... Bên cạnh tôn giáo nói riêng, tín đồ Cao Đài còn chăm lo việc giáo dục trẻ em. Chúng tôi viếng một lớp học, điều khiển bởi một giáo viên trẻ, có độ 20 học sinh, đang đọc bài học thuộc lòng với giọng lớn và nhịp nhàng đáng khen. Tất cả đều là con em nhà đạo. Ông Hương nói với chúng tôi trong sự thỏa mãn, vừa đưa chúng tôi ra về.

Vừa rời khỏi Thánh Thất và người hướng dẫn, chúng tôi có cảm tưởng rằng những người điều khiển Đạo Cao Đài tại Nam Vang có công rất nhiều cho sự đắc thắng của nền Đạo, những kết quả đạt được là bằng cố gắng nhất cho công trình bền vững của họ, nó còn tôn vinh những thành công trong lễ Khánh thành sắp tới.

Tờ báo *L'Opinion* (Công luận) ngày 24-5-1937 thuật lại Lễ Khánh Thành như sau:

“Theo chương trình dự thảo, Thánh Thất Cao Đài Nam Vang được khánh thành vào ngày thứ sáu bởi nhiều cuộc lễ, chúng tôi sẽ trở lại những cuộc lễ này, bởi vì trên tờ báo hôm nay chúng tôi thiếu chỗ đăng bài tường thuật chi tiết.

“Tuy nhiên đây là bài diễn văn ngắn của Ngài Thượng Chử Thanh, Chủ trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo của Đạo Cao Đài trong ngày lễ đầu tiên:

“Tôi hoàn toàn tri ân quý vị đến dự đồng đảo lễ Khánh Thánh Thánh Thất đầu tiên của Đạo Cao Đài tại Cao Miên,

mà cũng là ngày lễ kỷ niệm hàng năm của vị Chương Đạo thiêng liêng của chúng tôi: Victor Hugo.

“Nhơn danh Hội Thánh Đạo Cao Đài, tôi xin gởi đến quý Bà quý Ông lời cảm tạ nồng nhiệt nhứt của chúng tôi đối với tấm lòng chiếu cố tốt đẹp của quý vị.

“Có lẽ quý vị đã biết sự phát sinh của Đạo Cao Đài hay Phật giáo canh tân bởi những đường lối công khai khác của chúng tôi. Quý vị đã thấy cái nguồn gốc của nó được phát sinh từ sự liên hiệp của triết lý Đông phương và triết lý Tây phương. Đó là sự tổng hợp tất cả đức tin của thế giới.

“Chúng ta hiểu thế nào về triết lý Đông phương?

“Phải chăng triết lý ấy đến từ những tư tưởng triết lý cao siêu của tất cả các tôn giáo Á châu mà phần lớn ở nước Trung hoa, trừ ra Phật giáo thì nguồn gốc ở Ấn độ, nhưng Phật giáo đã có hàng ngàn năm nhập tịch vào Trung hoa và VN.

“Triết lý làm nền tảng đạo đức Á châu đã cho các nước phương Đông một nền văn minh nhiều ngàn năm mà nước Trung hoa được xem là then chốt. Nước Việt Nam hưởng lợi của nền văn minh này một cách rộng rãi.

“Nhờ dụng cụ thông công của Thần linh học, chúng tôi nhận ra rằng một sự cải cách tình trạng đạo đức của toàn nhơn loại là cần thiết cho sự tiến hóa tâm linh của nhơn loại.

“Tinh thần của nhơn loại đã đến một thời kỳ, nơi đó những giáo điều và giáo lý xưa không thể thỏa mãn sự bành trướng tự do hơn và siêu việt hơn. Một kỷ nguyên mới dành cho nhơn loại; kỷ nguyên mới này cho nhơn loại một chân trời rộng rãi hơn về tự do tín ngưỡng. Một đức tin mới phải được ban cho nhơn loại. Đức tin này phải bao hàm tất cả

đức tin hiện hữu, tất cả được bảo tồn trong cái thanh khiết triết học, nơi đó danh từ Cao Đài (Đền thờ cao hay Đức tin lớn của thế giới) được sáng tạo bởi Đấng thiêng liêng.

Đạo Cao Đài hay Phật giáo canh tân thực hành sự khoan dung rộng rãi đối với tất cả các tín ngưỡng. Nó tôn kính tất cả tín ngưỡng của con người cũng như tôn kính cái Tâm của vũ trụ, sự biểu thị của Thượng Đế. Biểu tượng con Mắt trên bàn thờ của chúng ta là hình ảnh của cái Tâm cá nhân và cái Tâm vũ trụ. Sự thờ phượng của chúng tôi là thờ Thượng Đế và hơn loại. Sự biểu hiện bên ngoài của tôn giáo mới của chúng tôi cốt gom tất cả tư tưởng về số 1 ban đầu: cái Tâm của chính mình và cái Tâm của Thượng Đế.

“Một tiếng nói trong nội tâm cho chúng tôi biết rằng: hơn loại là một: một ở quốc gia, một ở tư tưởng, một ở tôn giáo. Ý nghĩ thống nhất hoàn toàn hơn loại trong một quan niệm mới của lòng Bác ái và Công bình, có thể sẽ cho thế giới một nền hòa bình lâu dài để thực hành điều thiện.

“Đạo Cao Đài hay Phật giáo canh tân có khuynh hướng kết tinh huynh đệ với tất cả chủng tộc và thống nhất các tâm hồn bằng cách thuyết giảng cho mọi người nghe về hòa bình và hòa hợp. Đó là những hàng chữ lớn trong Hiến pháp thiêng liêng (Pháp Chánh Truyền) của chúng tôi, đã được thi hành bởi các Chức sắc của Đạo.

“Kính thưa quý Bà quý Ông, quý huynh tử thân mến,

“Tôi xin chấm dứt bằng lòng tin và cầu chúc ơn huệ thiêng liêng ban cho quý vị và toàn cả hơn loại.”

Tờ báo *La Presse indochinoise* ngày 25-5-1937, với một phóng sự khá dài trình bày chi tiết những giai đoạn quan trọng của cuộc lễ, chúng tôi chỉ trích ra vài nhận thức mới:

“Lễ Khánh thành Thánh Thắt Cao Đài Nam Vang, đã cử hành từ ba ngày qua, đạt được thành công rực rỡ trong dân chúng của thủ đô Cao Miên và là dấu ấn của tính chất vĩ đại và long trọng.

“Hàng ngàn khán giả, hàng ngàn tín đồ, đến từ Nam Kỳ và các vùng hẻo lánh của Cao Miên, tràn ngập hoàn toàn ngôi đền thờ và phạm vi của nó trở nên quá hẹp để chứa đám đông không ngừng lớn thêm.

“Vì thiếu chỗ nên người đứng dày đặc dài theo lối đường và trên mặt đại lộ Đỗ Hữu Vị, cũng chứa đầy người bán hàng rong có dịp hốt bạc. Trong lúc đó, không có một biến cố đáng tiếc nào xảy ra trong suốt ba ngày lễ, ban trật tự được đảm bảo bởi các tín đồ Cao Đài làm cho dễ dàng ban trật tự của nhà nước. Với nụ cười trên môi và khá dễ mến, họ hướng dẫn các quan khách và những người hiếu kỳ.

Buổi chiều, quốc kỳ các nước, cờ hiệu, những tấm biểu ngữ, cờ phướn, đủ các màu sắc, tạo thành một trang trí lộng lẫy với ngôi đền thờ sáng rực và những khán đài kết hoa đẹp mắt, nơi đó để nghinh tiếp nhà cầm quyền Pháp và bản xứ, những đại diện báo chí và những quan khách.

Bên trong đền thờ, tại chánh điện có một vẻ trang nghiêm đặc biệt, không loại trừ vẻ đẹp giản dị. Bên phải và bên trái của chánh điện là hai bàn thờ: một thờ Đức Quan Thánh Đế Quân, một thờ Đức Quan Âm Bồ Tát.

Ở bên ngoài, có hai chữ Vạn lớn được chiếu sáng rực rỡ, bao quanh Thiên nhân mà con người là một bóng đèn điện màu xanh. Đối diện Thánh Thắt có đắp lên một cái sân cao gọi là đàn “*Bạch Vân*” trên đó có một bàn thờ lớn

với chơn dung Victor Hugo ngồi chống khuỷu tay lên bàn, có hai hàng tín đồ mặc áo dài với ba màu: vàng, xanh, đỏ.

Trong một cái sân rộng ở khoảng giữa đàn Bạch Vân và đền thờ, có nhiều nhân vật Pháp, Cao miên, Việt Nam, Trung hoa, Ấn độ, tham dự nhiều trò giải trí khác nhau, đặc biệt là đốt pháo bông, múa lân và múa long mã theo điệu nhạc Tân, nhạc Pháp và Việt Nam, thi đua trở tài tạo ra những tiếng ầm ĩ điếc tai.

... Tiếp theo bài diễn văn khai mạc là bài thuyết đạo có ý nghĩa cao siêu của Ngài Phạm Công Tắc, đọc bằng tiếng Việt Nam. Ngài hiện diện từ lúc đầu làm cho cuộc lễ thêm phần long trọng. Sau bài thuyết đạo mà các tín đồ lắng nghe là sự hoan hô rất lâu bởi những thính giả hâm mộ.

Thật vậy, lễ Khánh thành này đánh dấu một thành công tốt đẹp của những tín đồ Cao Đài tại Nam Vang, đã tận dụng hết sức mình để làm cho đền thờ, trước đây là ngôi nhà lá bình thường, thành một Thánh Thất xứng đáng và đáng kính phục.

Tờ báo *La Dépêche* (Tin điện) ngày 26-5-1937 cũng có bài tường thuật khá chi tiết mà chúng tôi chỉ thuật lại vài đoạn chỉ rõ những hình dạng mới của cuộc lễ:

“Trên đại lộ Pierre Pasquier, trong khu phố mà một cộng sự viên của chúng tôi mới đây đặt tên là “*Cư xá trên hồ của Nam Vang*”, tại vị trí của một ngôi nhà thờ nhỏ bằng lá hiến làm đền thờ cho Phật giáo canh tân, những tín đồ Cao Đài tại Cao Miên xây dựng lên một Thánh Thất lộng lẫy mà kiểu vở giống một cách lạ lùng kiểu vở của Thánh đường Saint-Mexmes ở Chinon. “

Sau khi mô tả chi tiết Đền thờ, chúng ta đọc tiếp:

“Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đã rời Tòa Thánh Tây Ninh đến Nam Vang, ngụ tại một ngôi nhà cất trong phạm vi Thánh Thất, đến giờ hành lễ, Ngài đi đến Thánh Thất, mặc đại phục Hộ Pháp, được che dưới những cây tàn vàng, đi trước Ngài là một dàn nhạc và theo sau là đoàn tùy tùng đông đảo.

Tại cửa vào Thánh Thất, Đức Hộ Pháp được tiếp đón bởi vị Chủ trưởng của Hội Thánh Ngoại Giáo, bao quanh bởi các Chức sắc địa phương. Ngài được hướng dẫn đến một cái bục danh dự đặt sau cửa chánh, trên đó, Ngài đứng suốt buổi lễ cúng đàn, tay cầm cây Kim tiên làm cho bọn tà thần yêu quái sợ hãi lánh xa nơi thờ phượng thiêng liêng.

Khói của các cây nhang cắm trong lư hương bay lên làm như tấm màn trước Quả Càn khôn và các Đấng thiêng liêng. Những Chức sắc mặc áo rộng đỏ, xanh, vàng; những tín đồ trong đạo phục trắng, quì trên những chiếc chiếu theo hàng dài, chiếm gian giữa và hai gian bên của Thánh Thất.

Những người xướng lễ cất cao giọng xướng lên những câu khác nhau trong buổi lễ cúng đàn.”

Khi lễ cúng đàn chấm dứt, Đức Hộ Pháp được đưa về nhà nghỉ với cùng một nghi thức như lúc rước.

Khi ấy, Ngài được nhựt báo *La Dépêche* mở một cuộc phỏng vấn nhanh:

“Đức Hộ Pháp là một trí thức tinh anh, Ngài nói và viết tiếng Pháp một cách đáng khen. Ngài đọc nhựt báo *La Dépêche* khi chúng tôi được ông Khâm Trấn đưa vào

phòng khách. Tức thì Ngài đứng dậy bắt tay chúng tôi như một vị quý phái, và nụ cười trên môi, Ngài chỉ ghé mời chúng tôi ngồi.

E ngại vất vả phải chịu một cuộc phỏng vấn dài, Ngài khởi đầu nói cho chúng tôi biết Ngài là độc giả trung thành của tờ báo chúng tôi và Ngài đặc biệt chú ý đến lần xuất bản nói về Cao Miên, bởi vì trên đất Miên, có hơn 40 ngàn đồng đạo của Ngài.

Đối với Ngài, Đạo Cao Đài là một tôn giáo có năng lực hòa hợp và hòa bình xã hội. Sự tiếp đãi tử tế mà các tín đồ Cao Đài Việt Nam đã thấy được ở Cao Miên, làm cho Ngài cảm động sâu xa. Ngài hết lòng mong ước những động bào của Ngài biết bày tỏ lòng tri ân sâu xa đối với nhà cầm quyền bản xứ và tiếp tục làm việc nơi đây hay những nơi khác trong sự tôn trọng luật pháp và phong tục bản xứ.

Nhưng Ngài tỏ vẻ ngạc nhiên khi thấy rằng, những mệnh lệnh, do hiểu lầm, không nghi ngờ gì nữa, đã ban ra trong dịp các ngày lễ này, cấm thần dân của vua Miên Monivong không được tham dự các trò giải trí bình dân tổ chức trong chu vi Thánh Thất Cao Đài...

Ông Thượng Chử Thanh, Chủ trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo, trụ sở tại Nam Vang, mở lời trước để thông báo: *Bà Lâm Ngọc Thanh, một Chức sắc cao cấp nữ phái của Đạo Cao Đài đã tắt hơi tại Vũng Liêm và yêu cầu những vị hiện diện một phút mặc niệm.*

Kể đó Ngài ca tụng những vị sáng lập Đạo Cao Đài ở Nam Kỳ, đặc biệt là công đức của Cố Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung và của một Chức sắc khác rất thương tiếc là Ngài Cao Quỳnh Cư.

Tiếp theo, Ngài kể lại lịch sử của nền Tân tôn giáo tại Cao Miên, rồi thông báo với cử tọa rằng, lễ Khánh Thành Thánh Thắt Nam Vang trùng hợp với lễ Kỷ niệm ngày mất của Victor Hugo, Chương Đạo thiêng liêng của Hội Thánh Ngoại Giáo của Đạo Cao Đài.

Ba bài diễn văn đọc bằng tiếng Quảng Đông, tiếng Triều Châu và tiếng Cao Miên, trình bày mô phỏng theo bài diễn văn của ông Thượng Chử Thanh.....

Buổi chiều, lúc 16 giờ 30 phút, lễ rước các Đấng thiêng liêng diễn ra trong châu vi Thánh Thắt. Dẫn đầu đám rước là lân, tiếp theo là rồng, đi theo thứ tự là cộ Đức Phật Di-Lạc mà tượng của Ngài với nụ cười cởi mở điềm nhiên nơi Cự Lạc Niết Bàn, bàn thờ Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, chơn dung của Victor Hugo, tượng Cô Jeanne d'Arc, chơn dung của Cao Quỳnh Cư, của Tôn Dật Tiên, người sáng lập nước Cộng hòa Trung hoa, và sau cùng là một cái cộ lớn có một ngọn núi thiêng, trên đó có tượng của nhà đại hiền Lý Thái Bạch ngự trên ngai, bên phải có Nữ Bồ Tát Quan Âm, và bên trái có tượng của vị anh hùng Quan Công.

Dưới chân núi ấy là Cố Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung đang ban phép lành cho đám đông.

Đoàn cộ đi trước, theo sau là những dàn nhạc huyền ảo, đi biểu diễn ba vòng chung quanh Thánh Thắt, đi ngang qua khán đài, nơi đó có Đức Hộ Pháp, các nhân vật và các Chức sắc của Đạo.

Trong một phần của khán đài, chúng tôi để ý thấy nhiều phụ nữ Trung hoa mới nhập môn vào đạo mặc đạo phục trắng như những người Việt Nam, với những cổ

pháp và phù hiệu theo phẩm tước.”

Ở bên Pháp tờ báo *Le Fraternaliste*, ở Cao Miên tờ báo *La Vérité* ngày 20-10-1937 đăng cảm tưởng tổng quát:

“Những tranh ảnh của các báo, những ảnh in trên báo, dưới mắt tôi, chứng tỏ rằng cái vẻ huy hoàng hiem có của các buổi lễ đã diễn ra dưới sự chủ tọa của Đức Hộ Pháp.

Hàng ngàn tín đồ lớp lớp từ các nơi đổ về: 15, 20, 25 ngàn người? Khó mà thẩm định có bao nhiêu người trong đám đông Á châu như thế.

Những bài diễn văn đã được đọc và truyền trên đài phát thanh, như của “Charles”, Chủ trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo, của “François”, người chủ chốt của phong trào. Các diễn văn này phản ánh một số tư tưởng làm cho tôi chú ý để ghi lại.

Sự bảo hộ của Đấng Victor Hugo đủ để nhấn mạnh tính chất siêu phàm Thần linh học của Đạo Cao Đài mà người lãnh đạo cao cấp nhất hiện nay là vị Chủởng quản của cơ quan đồng tử tại Tòa Thánh Tây Ninh (Nam Kỳ).

Sự liên kết tinh thần giữa các tôn giáo Đông phương và các tôn giáo Tây phương, xác nhận mỗi nơi mỗi lúc, bởi vì các Thánh Thất Cao Đài được mở ra để tôn thờ Đấng Christ, Đức Phật, Đức Lão Tử, Đức Khổng Tử, Giáo chủ Mahomet và tất cả những Thiên sứ của Thượng Đế khắp địa cầu, như những nhà Thần linh học (Victor Hugo, Camille Flammarion) hay những ân nhân của nhơn loại.

Vào lúc mà ít nhiều người đã vận động liên kết trên tất cả các mặt của cái nhãn hiệu bề ngoài để chia rẽ con người và gieo rắc hận thù, chúng ta nên khuyến khích phong trào này của sự hòa giải, thống nhất toàn cầu.

Vào lúc mà ít nhiều người lấy lại công thức độc đoán và các lời bài xích của thời trước: “*Các người chỉ có thể được cứu vớt tại đây.*” Đường như tốt đẹp để nhắc lại rằng, cả với người điếc, điều đó không bao giờ chấm dứt những trò đùa đáng thương hại của nghi thức: điều quan hệ duy nhất không phải là tín điều, mà là hành động. Allan Kardec phát biểu một cách minh bạch: *Ngoài phước đức, không có gì cứu vớt.*

Tinh thần hòa bình và chủ trương hòa bình của Đạo Cao Đài đáng được khen ngợi. Những tín đồ Cao Đài phản đối sự phân biệt các chủng tộc, các tôn giáo, các màu da, muốn có sự hòa hợp các chính phủ và chấm dứt chiến tranh, điều đó luôn luôn được tuyên bố bởi các chính phủ.

Đối diện với Tây phương, tín đồ Cao Đài kêu lên: Chúng tôi vì hòa bình; tình huynh đệ giữa con người, tình thân hữu giữa các dân tộc, sự hợp tác giữa các chủng tộc. Chúng tôi tránh xa chánh trị tàn ác của các nước độc tài, của người ác đen, nâu hay đỏ, và những người liều mạng bị mua chuộc trong mỗi nước, tìm cách bắt chước bọn Badinguet mới.

Người ta thấy sự tổng hợp về tâm linh là đáng kính phục, nơi đó người không tín ngưỡng cũng tìm thấy thức ăn tinh thần, bởi vì trong một Thánh Thất Cao Đài, người ta có thể cầu xin các nguyên tắc hướng dẫn của triết gia Khổng Tử, hay hiền triết Lão Tử.

Thật vậy, Thánh Thất Cao Đài không thừa nhận những kho châu báu tâm linh. Chúng tôi xa lánh những người chuyên dán nhãn hiệu, những môn phái, những phe đảng nhỏ của các quan chức và phó quan chức lạc hậu, vô giá trị.”

Thời khắc biểu cho thấy sự quan trọng của ba ngày lễ:

CHƯƠNG TRÌNH NGÀY 21-5-1937

BUỔI SÁNG

5 giờ 15: Chúc sắc và tín đồ tập hợp nơi Thánh Thất.

5 giờ 30: Rước Đức Hộ Pháp vào Thánh Thất.

6 giờ: Cúng đại đàn và trấn thần Quả Càn khôn.

9 giờ: Rước Đức Hộ Pháp lên cái sân cao dành cho Chúc sắc và giới thiệu Hội Thánh.

9 giờ 30: Đồng nghi tụng kinh cầu nguyện.

Diễn văn khai mạc bằng tiếng Việt của Giáo Sư Thượng Chử Thanh, Chủ trường HT Ngoại Giáo.

Diễn văn bằng tiếng Trung hoa và tiếng Cao Miên.

11 giờ 30: Cầu nguyện trên máy vi âm để cầu chúc hòa hiệp và hòa bình cho toàn thế giới.

Giữa trưa: Cúng đàn cầu nguyện những người quá vãng

BUỔI CHIỀU

16 giờ: Chúc sắc tập hợp tại cái sân cao phía trước.

16 giờ 30: Rước chơn dung Victor Hugo đi quanh Thánh Thất và sau đó đem đặt trên đàn Bạch Vân.

17 giờ 30: Lễ cúng thời Dậu thường lệ, đồng nghi tụng kinh cầu nguyện.

- Thuyết đạo bằng tiếng Miên của Chánh Trị Sự Phạm Văn Châu.

– Thuyết đạo bằng tiếng Việt của Nữ Giáo Sư Hương Phụng (Bà Trần Kim Phụng), Tiếp Đạo Cao Đức Trọng và Khai Pháp Trần Duy Nghĩa.

– Diễn văn bằng tiếng Pháp của Chủ Trưởng HTNG.

23 giờ: Đại lễ kỷ niệm Victor Hugo: Chuông Đạo HTNG

.

CHƯƠNG TRÌNH NGÀY 22 THÁNG 5

BUỔI SÁNG

5 giờ: Lễ cúng thời Mẹo thường lệ.

8 giờ: Cầu nguyện cho sự an nghỉ các vong linh và cầu nguyện cho sự hòa hiệp và hòa bình thế giới.

11 giờ: Lễ cúng thời Ngọ thường lệ

.

BUỔI CHIỀU

16 giờ: Các Chức sắc tập hợp tại đàn phía trước.

16 giờ 15: Rước Đức Hộ Pháp đến tại đàn phía trước.

17 giờ: Rước quan khách thuộc chánh quyền Pháp và bản xứ, đại diện báo chí và những khách mời.

17 giờ 15: Đồng nhi tụng kinh tôn vinh nền tôn giáo.
Diễn văn Khánh thành Thánh Thất do ông Phó Chủ trưởng HTNG đọc trên máy vi âm.

18 giờ: Quan khách viếng thăm Thánh Thất.

18 giờ 15: Ký tên vào Sổ Vàng lưu niệm.

18 giờ 30: Tiệc trà danh dự.

20 giờ: Diễn văn của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc.

Thuyết đạo của Ngài Thượng Chử Thanh.

Thuyết đạo của các Chức sắc khác.

23 giờ: Lễ cúng thời Tý thường lệ.

Viết tắt:

HT: Hội Thánh.

HTNG: Hội Thánh Ngoại Giáo.

CHƯƠNG TRÌNH NGÀY 23 THÁNG 5

BUỔI SÁNG

5 giờ: Lễ cúng thời Mẹo thường lệ.

6 giờ: Tập hợp các cộ bông, bàn lễ, rỗng, lân, dàn nhạc v.v... trên đại lộ Pierre Pasquier, đối diện Thánh Thất.

6 giờ 45: Khởi hành đám rước biểu diễn trong thành phố.

11 giờ: Lễ cúng thời Ngọ thường lệ

BUỔI CHIỀU:

16 giờ: Tập hợp các Chức sắc tại sân cao phía trước.

16 giờ 30: Phát thưởng cộ bông, rỗng, lân, bàn lễ, dàn nhạc.

17 giờ: Đồng nhi tụng kinh tôn vinh nền tôn giáo, có nhạc.

Lễ cúng thời Dậu thường lệ.

18 giờ: Chức sắc thuyết đạo.

Diễn văn bế mạc của Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh.

- 22 giờ: Đồng nhi tụng kinh cầu nguyện cho sự an nghỉ các vong linh và cầu nguyện cho sự hòa hiệp và hòa bình thế giới.
- 23 giờ: Đại lễ cúng đàn ngày 15 tháng 4 năm Đinh Sửu.

Ông Charles Bellan, cựu Thống sứ Pháp tại Cao Miên, từ Ba-lê gửi đến cho chúng tôi ngày 1-9-1937 cảm tưởng tổng quát của ông:

“Tôi có đọc một cách rất thích thú các tài liệu mà quý bạn đã gửi cho tôi, về lễ Khánh Thành Thánh Thất Cao Đài tại Nam Vang. Tôi có trao tài liệu ấy cho vài thân hữu và nhân sĩ, mà họ chú ý đến phong trào này với khuynh hướng thống nhất các tôn giáo và tình huynh đệ đại đồng thế giới.

Trải qua nhiều thời gian, những sự chống đối của các tôn giáo khác nhau đã làm cho máu chảy thành sông, ước mong rằng các tôn giáo có một sự hiểu biết lẫn nhau cần thiết cho hạnh phúc của nhơn loại.

Sự tiến bộ của khoa học phứt bỏ càng ngày càng nhiều các khoảng cách, nhưng nếu các dân tộc hiểu rõ nhau hơn thuở xưa, không ít sự thật mà họ thường bị lừa gạt bởi những lãnh tụ độc ác, nhưng than ôi! vẫn còn tồn tại nhiều hiểu lầm giữa họ.

Nếu Đạo Cao Đài bành trướng, người ta hy vọng sẽ có một kỷ nguyên hòa bình và yên ổn, nếu không là hạnh phúc, vì hạnh phúc không có ở thế gian.

Cho nên, mỗi người cần phải làm việc theo chiều hướng đó. Về phần tôi, tôi thực sự rất sung sướng biết rằng sự ngược đãi đáng ghê tởm mà người tín đồ Cao Đài là

nạn nhân, đã chấm dứt.

Như thế, sự cố gắng giúp đỡ của mỗi người, người ta không thể ngăn chặn sự truyền bá một giáo lý mà như lời Phật dạy – không phải là hận thù, mà là tình thương yêu mới hiệp nhứt các trái tim – được ngự trị sự yên ổn trên mặt địa cầu còn quá loạn động này.

Tình thân ái huynh đệ.”

(Ký tên: *Charles Bellan*)

CÓ HAY KHÔNG HỒI GIÁO BỊ ĐẶT RA NGOÀI ĐẠO CAO ĐÀI?

TRONG LỄ KHÁNH THÀNH THÁNH THẤT CAO Đài Nam Vang, người ta thấy rằng, Hồi giáo không là đối tượng sùng kính đặc biệt trong Đạo Cao Đài, mà lại bị đánh đổ và xa lánh.

Có lẽ người ta lầm lỗi khi xa lánh Hồi giáo từ Đạo Cao Đài:

1. Lý do là gần bên trung tâm Hồi giáo rất hoạt động tại Ấn Độ (không nói tới trung tâm Hồi giáo ở các đảo thuộc vùng đông nam Á Châu);

2. Lý do là thế lực của trung tâm Hồi giáo ở Phi châu: sự tái sinh tôn giáo của những vị bác sĩ Thần học Hồi giáo ở Algérie; sự ảnh hưởng của Hồi giáo phục hưng ở Ai cập đối với Hồi giáo Bắc phi; sự thức tỉnh toàn diện của chủ nghĩa Đại Hồi giáo trên thế giới; sự phát triển không ngừng của Hồi giáo ở Phi châu da đen, vv...

Hồi giáo, trong các thuộc địa của Pháp, bao gồm không chỉ ở những vùng đất Bắc phi, nước Syrie, Liban, mà lan rộng ra trên phần lớn các thuộc địa của Pháp ở hải ngoại.

Do đó, trong toàn Phi châu đến đảo quốc Madagascar, đến Ấn độ, không quên kể đến Đông dương với những

người Chàm, Hồi giáo đều có nhiều tín đồ.

Tại Phi châu da đen, Hồi giáo rất bành trướng. Nếu ở tại góc nhọn của Somalie, số tín đồ Hồi giáo chỉ có 60 ngàn, ở Ấn độ 18 ngàn, ở Đông dương 80 ngàn, ở vùng Phi châu xích đạo thuộc Pháp, ở nước Togo, Caméroun có 1 triệu 200 ngàn và ở Tây Phi châu thuộc Pháp, số tín đồ lên tới hơn 6 triệu.

Hồi giáo trong các thuộc địa của Pháp có tính chất của Phi châu. Nó bành trướng bởi sự xâm nhập trong hòa bình hay bởi sự chinh phạt bằng vũ lực. Lịch sử của sự phát triển và sự trở ngại của Hồi giáo được giải thích trái ngược nhau về sự phân phối địa dư.

Một trong những vùng quan trọng nhứt mở rộng từ Đại Tây Dương đến phía Tây Éthiopie và những sa mạc Sahara và Libye ở vĩ tuyến 10 độ bắc. Nó bao gồm đến phía Tây khu vực Sénégal, Gambie, Haute-Volta, Trung Niger và tại trung tâm khu vực hồ Tchad.

Hơn nữa, tôi nhìn nhận rằng, quan niệm bày tỏ ra đây về Hồi giáo là phản ảnh của cá nhân tôi, một người Algérie (6 năm trong tình huynh đệ sâu xa ở các đất Hồi giáo: Sidi-Bel-Abbès, Tlemcen, Oran, Alger) mà sự mong muốn dự tính của Hội Thánh Cao Đài, nguồn gốc của nền Tân tôn giáo, ít khi nghĩ đến Hồi giáo.

Phần nổi thêm vào cái bàn tâm linh là một ước vọng cá nhân hơn là nhận thức chín chắn bởi vị lãnh đạo cao cấp và các Chức sắc của Đạo Cao Đài. Điều nầy là thực tế và chơn thật của thái độ và trách nhiệm.

Thấy cảnh khốn cùng của những người Hồi giáo Algérie, thí dụ như thế, người ta có cảm tưởng tôn giáo

này đã chấm dứt, nói một cách chính đáng nếu người ta mơ tưởng cảnh rực rỡ của nền văn minh Á Rập vào thời kỳ mà Tây phương còn chìm trong bóng tối và bùn lầy.

Nhưng, phải nhớ rằng, Hồi giáo tự nó là một tổng hợp tôn giáo (Do Thái giáo, Thiên Chúa giáo, Bái Hỏa giáo) nơi đó người ta sùng bái, không chỉ Mahomet như tín tưởng một người đốt nát, mà còn sùng bái cả: Moise, Jésus, Zoroastre, và những nhà Đại Tiên tri; rằng chủ nghĩa Thần bí (Soufisme) là chủ yếu của người Hồi giáo mặc dầu có những trạng thái Tây phương, tân thời hay phổ quát; rằng nó biết nắm lấy cơ hội để không khinh thường cái năng lực hoạt động vốn có của nó.

Không chỉ những vị bác sĩ Thần học Hồi giáo hiện nay đang bận rộn tạo ra chất men Hồi giáo và làm dậy lên chất bột, mà có rất nhiều trường hợp riêng lẻ chứng tỏ sự lên men không thể tin được trong một tôn giáo mà người ta tưởng là nó đã mệt mỏi, hết hoạt động, chấm dứt.

Như thế, tại sao, riêng tôi, tôi có một điều không hài lòng khi thấy vị lãnh đạo cao cấp và Hội Thánh của Đạo Cao Đài xa lánh Hồi giáo ra khỏi cộng đồng tôn giáo của họ?

Tôi kể ra đây trường hợp vị Tu trưởng Ben Aliona như là một bằng chứng về khả năng tâm linh của Hồi giáo: Một người thợ giày ở Mostaganem đến khoảng 40 tuổi, thì đứng vào hàng Tiên tri Hồi giáo, và ông mất năm 1934.

Ông thiết lập một hội đoàn Thần bí gồm rất đông người, đây là một nhánh cấp tiến có đẳng cấp cao của trường phái Thần bí Hồi giáo mà Chadeliya-Darquaua là một trong những người thượng đẳng. Nhờ chủ nghĩa

Thần bí này ông biết được Bí pháp (giáo lý bí mật) của Hồi giáo và bởi đó, khuynh hướng tiến lên một siêu tôn giáo (bao gồm: Do Thái giáo + Bái Hỏa giáo + Thiên chúa giáo + Hồi giáo...) đang có sẵn trong tâm hồn của tất cả tín đồ Hồi giáo.

Những khái thị liên tiếp tự bổ sung, bởi vì tất cả đều được kết nối bởi sự thống nhất tư tưởng siêu phàm. Ngạn ngữ nói về người Hồi giáo thần bí bình thường: *“Những nhà Tiên tri, phải chăng là 10 ngàn, chỉ là một hay nhiều tia sáng của cùng một ngọn lửa?”*

Tiên sinh Ben Aliona đã nghe tất cả những lời trách cứ, chịu đựng tất cả những lời chỉ trích. Đó là lịch sử của tất cả tu sĩ, của tất cả những phong trào tôn giáo.

Sự tâm thường và sự thô lậu làm trở ngại và phong tỏa các tu sĩ trong tất cả các mặt.

Hồi giáo bị đóng kín và đông cứng trong giáo lý công truyền, vị Tù trưởng Á rập đã chống đối một Hồi giáo mở rộng đang tiến hóa, đang vận động tương lai, thay vì than van trên quá khứ.

Đó là vào năm 1912 khởi đầu sứ mạng của vị Imam, nghĩa là một khát sĩ nghèo, vào con đường Thần bí để dẫn dắt ông ta đến Thượng Đế, người đứng đầu, người huấn luyện, không khác những vị Đại Thánh của Hồi giáo xưa: *“Tôi trong thung lũng của tôi, anh trong thung lũng của anh.”* người Á rập nói như vậy.

Sự đặc đạo có thể đạt đến được tùy theo thể chất, huyết thống, hoàn cảnh địa phương, bởi các phép tu của phái Du già (Yoga), Lão giáo, phép tu luyện tâm linh của Thánh Ignace de Loyola, của những người theo phái Thần

bí Hồi giáo. Hình thức thì có thay đổi khác nhau nhưng tinh thần chỉ có một, luôn luôn như vậy.

Giáo lý của Ben Aliona? Tính đơn nhứt của Thượng Đế. (Đối với chúng ta, thế giới vật chất chỉ là một tập hợp các tấm màn để che giấu cái thế giới chơn thật: Vô Cực...)

Vũ trụ được tạo ra từ Thượng Đế (trái ngược với thuyết sáng tạo vạn vật trong Kinh Coran đối với khối tín đồ bình thường, người ẩn mặt được dự bị cho số tín đồ có khả năng nắm bắt được lẽ huyền bí); chủ nghĩa sáng tạo vạn vật của Thượng Đế phù hợp với chủ nghĩa nội tại (chủ nghĩa này có thể biết được số phận của nó, biết được Thượng Đế; nó cẩn thận dò xét Thượng Đế và đến gần Thượng Đế); lý thuyết nội tại không loại trừ tính siêu việt; sự phát huệ mà các vị thượng đẳng Hồi giáo dựa vào: Avicenne, Ghazali hay Ibn Thofail, nhưng không giới hạn rõ ràng giữa cơ năng tình cảm và thuyết chủ lý trí, những ngôi nhà tâm lý giả tạo của những Đại học đường Tây phương mà với cái tâm của lý trí, vv...

Vị Tù trưởng ở Mostaganem, một người thần bí tâm thời, có khuynh hướng về sự thăng hoa tâm hồn, một nhánh của Hồi giáo hướng về ánh sáng và tình huynh đệ chơn thật (Zohar của người Do Thái, Ennéades của Plotin, vv...): Sự ban phúc của vị Tù trưởng, chuỗi chuyển giao những năng lực huyền bí nơi những vị Thánh Hồi giáo, những bằng cấp ban cho những tín đồ được huấn luyện, những cái đó chỉ là bước đầu, tương đối dễ dàng sắp đặt trên con đường tu huệ, nơi đó người ta trước tiên phải đi đến việc “*Thực hiện sự hiện hữu của Thượng Đế*”.

Ấy là vì người thợ giày đã đi khá xa và khá cao mà người ta xem ông ấy như là nhà thôi miên và là một giáo

sự của khoa học huyền bí, sự phát huệ chủ yếu cũng thế, tự phân biệt đối với mỗi trường hợp thần bí.

Ben Aliona dùng sự ngưng tụ và sự phát tán, hai thời điểm của tiết điệu tâm lý của những người Thần bí Hồi giáo, sự lần chuỗi niệm kinh trong căn phòng tu tịnh yên ổn thiếu ánh sáng dành riêng cho trực giác và thần nhãn, những hình ảnh thấy được và nghe được, tiếng nói và ánh sáng không thể tả được.

Nơi những giáo đường Hồi giáo ở Mostaganem, Saint-Eugène, Alger, những khách xá miễn phí trong tu viện, Ben Aliona sống một cách nghèo khổ, chỉ đòi hỏi khách viếng thăm một việc làm hay một công việc hữu ích trong tu viện, cho lần đi qua, với giá tiền bằng với sự ở trọ.

Ông giảng đạo về tình huynh đệ trong tôn giáo, được các vị linh mục Công giáo rất quý trọng, đập tắt lòng thù hận của các gia đình ở Kabylie.

Chủ nghĩa Đại Hồi giáo khuyến nhủ nên hòa hợp với người Âu châu: từ Ai cập đến Maroc, Ben Aliona đã làm cảm động một số đông tín đồ từ 150 đến 200 ngàn người. Trong một vùng mà Hồi giáo được báo hiệu như là đặc biệt đình trệ, thì sự tăng tiến ấy tuy có giới hạn, nhưng cũng tạo ra được một bằng chứng có ý nghĩa.

Do đó, ở mặt khác trên những nền tảng mạnh mẽ hơn, một ngày nào đó, Hồi giáo sẽ lấy lại cái công trình như là Thuyết Thần bí ở Mostaganem, sẽ mở rộng sự hợp tác gặp những người Hồi giáo và Thiên chúa giáo, sự thân ái giữa người Hồi giáo và Do Thái giáo (đây ác cảm và ngờ vực trong những nước Hồi giáo).

Ben Aliona, những cái nhìn quay về Ấn Độ, bài xích

các cuộc Thánh chiến. Như thế, người ta nhìn nhận sự giải thích Kinh Coran một cách sáng suốt hơn, tình nghĩa huynh đệ hơn, mong muốn một tôn giáo tiến bộ không ngừng, tự vứt bỏ những điều quá lỗi thời và những thứ của quá khứ. Và như thế thì không quản ngại nỗi đau khổ thể xác của khối người bản xứ bị bóc lột bởi những người Công giáo.

Vị Tù trưởng gần như ăn chay trường, không bao giờ bằng lòng về sự hy sinh của những con vật thiếu tri giác. Ông mở rộng lòng nhân đến vạn vật. Vài việc, ông như là Thánh François d'Assise. Ông khai tâm cho một số tín đồ Công giáo (chừng 20 ngàn người ở Pháp và ở Algérie), không bắt buộc họ phải gia nhập một cách hình thức vào Hồi giáo, theo đó thì ông là một gương mẫu trong nhiều vị Thần bí Hồi giáo vĩ đại trên thế giới: Khodja Hassan Nizami...

Nhận xét tổng quát:

Đến một đẳng cấp cao của tâm linh, các tu sĩ phi thường đều đứng trên bậc tâm thường của tôn giáo và họ thừa nhận như là "*Bạn của Thượng Đế*" tất cả những người chơn thật và có lòng tốt và kết tình anh em với họ: Kherredin ở Tunis đã khai tâm cho những người Công giáo Tunisie. Những người Thần bí Hồi giáo khác cũng đã làm như thế, đáng kể là Inayat Khan.

Tóm lại, Ben Aliona là sự xuất hiện rất hiếm của một vị Thánh Hồi giáo trong thời đại của chúng ta, một trong những người thầy sau cùng của những người Thần bí Hồi giáo: Sứ mạng của ông là thực hiện sự khoan dung tổng quát, hòa bình, từ thiện, thương yêu và tình huynh đệ trung tín. Ông có dự tính làm sống lại thời kỳ Thần

bí Hội giáo của những thế kỷ rục rịch, bằng cách tự mình sống gần gũi hơn với dân chúng, tự mình tỏ ra thân thiện hơn và mềm dẻo hơn. Ông giảng đạo về sự hòa hợp các bất đồng, bác sĩ Probst-Biraben nói như thế, vì bác sĩ biết ông khá rõ và có gặp một số bạn bè và các tín đồ của ông.

Ông đã thành công trong một nơi hạn hẹp, điều đó đủ để chứng tỏ rằng cái nhiệt tâm của những người Hội giáo cổ không mất và nó còn có thể thi hành trong những con đường rõ ràng hơn, mặc dầu có những ngộ nhận đáng tiếc và sự lạm dụng của chủ nghĩa thực dân duy vật và trầm trọng.

Người thợ giày khiêm tốn và cao cả ở Mostaganem đã dẫn dắt các tín đồ đi ra khỏi sự nô lệ tiền bạc, sự xa xỉ, danh vọng, kiêu căng và thù hận.

Nhờ Bergson, nhờ những tín đồ đạo Bahai, ông đã chứng minh rằng, vũ lực không được biết đến, khả năng tiến hóa và phát triển của Hội giáo mà một số người phán đoán là nó đã chết, không bao giờ xảy ra trên mảnh đất Hội giáo nghèo nàn này. Đạo Cao Đài có quyền đặt Hội giáo ra ngoài tình huynh đệ không trước những bằng chứng như thế?

NÓI TIẾP NIỀM ĐAU

THEO SỰ KHẢO CỨU CỦA HIỀN HUYNH LÊ VĂN BẢY, chúng tôi rút ra được vài lời chỉ dẫn về những vị bất phục tùng, những người anh thù địch, than ôi!

Ông Phủ Chiêu, khi không thắng nổi sự thử thách mà ông bị bắt buộc nhận chịu, Đấng thiêng liêng tự xưng Cao Đài yêu cầu các vị phò loan đi tìm ông Lê Văn Trung, Nghị viên của Hội Đồng Chánh phủ, để ông nhận chức Đầu Sư phái Thượng. Đạo Cao Đài đã được khai sanh.

Nhưng ông Phủ Chiêu, trước khi tách riêng ra, ông đã thành lập ở thành phố Cần Thơ một chi phái dựa vào Đấng Cao Đài và Thần linh học, xây dựng một Đền thờ mà nơi đó ông có vài trăm tín đồ.⁽⁴⁾ Ông Phủ Chiêu mất năm 1932 và từ đó đoàn thể tôn giáo này phát triển.

Sau khi Ngài Lê Văn Trung tạo lập một Thánh Thất Cao Đài tại Chợ Lớn, những tín đồ ở Sài Gòn lập nên một Thánh Thất tại Cầu Kho. Nhưng sau một thời gian, những tín đồ Cao Đài tại Cầu Kho lại tự tách riêng ra khỏi Tòa Thánh để lập thành một chi phái thứ nhì bất phục tùng. Vài cố gắng truyền đạo ở Trung Kỳ (1930-1932) với sự giúp đỡ của Ngài Chưởng Pháp phái Ngọc. Thế lực của những kẻ bất phục tùng gom lại chỉ vài trăm người ở Sài Gòn và cũng bằng chừng ấy ở Trung Kỳ.

- (1). **Đỉnh chánh của dịch giả:** Ngài Lê Văn Trung đã kết hợp với nhóm phò loan gồm 3 Ngài: Cư, Tắc, Sang, trước khi gặp Ngài Chiêu. Ngày 27-1-1926, do lệnh của Đức Chí Tôn, 4 Ngài: Trung, Cư, Tắc, Sang đến gặp Ngài Chiêu tại nhà riêng, xem Ngài Chiêu là Anh Cả. Khi Đức Chí Tôn dự định phong Ngài Chiêu vào phẩm Giáo Tông thì Quí Vương đòi thử thách Ngài Chiêu. Sau 5 ngày thử thách, Ngài Chiêu thua nên đành mất ngôi Giáo Tông. Ngày 25-4-1926, Ngài Chiêu tự ý tách riêng ra và sau đó xuống Căn Thơ lập Chi phái Chiêu Minh.

Năm 1934, Cầu Kho trở thành trung tâm của một chi phái khác, có thể gọi bằng tiếng Pháp là “*Union de toutes les sectes Caodaistes*” (Hiệp nhất các chi phái Cao Đài), ông Nguyễn Phan Long làm Chủ tịch. Ông Long là Cựu Nghị viên Hội Đồng Thuộc địa, hiện nay là ký giả của báo *La Dépêche* tại Sài Gòn. Tòa Thánh Tây Ninh (TTTN) trách cứ những người bất phục tùng nầy vì họ theo chủ nghĩa xu thời chánh trị, nên đã từ chối tất cả những cuộc giảng hòa.

Năm 1930, một chi phái khác: Minh Chơn Lý do ông Nguyễn Văn Ca lập ra ở Mỹ Tho. Ông Ca là Quận trưởng hành chánh ngoại hạng, tự xưng là Chưởng Pháp, sau khi hành đạo tại TTTN từ năm 1927 đến 1930, với chức vụ: Chủ trưởng Chức sắc và Chưởng quản Nam Tông đạo. Năm 1930, ông Ca ở Mỹ Tho trong một Thánh Thất được xây dựng do tài sản riêng của ông mà ông đặt tên là “*Tòa Thánh Trung Ương*”. Được sự giúp đỡ của ông Krautheimer, Thống đốc Nam Kỳ, ông Ca chuyên chú vào công việc truyền đạo, đầu nhận nhiều tín đồ, như là trong vùng Tây Nam Kỳ. Nhờ người em khá trẻ của ông (rất được ông Krautheimer yêu mến), kẻ đối nghịch

kịch liệt của Ngài Lê Văn Trung, mà Tòa Thánh Trung Ương chiêu mộ.

Một cách cá nhân, tôi (tác giả) có mối liên hệ anh em với ông Ca, ở thời kỳ mà tôi không muốn mọi người can thiệp vào những bàn cãi này, biết rất rõ tất cả sự chia rẽ tôn giáo, tất cả những khoe khoang, những cái hư vinh, tất cả cái vô giá trị của chi phái và tiểu chi phái, có trong Đạo Cao Đài và không phải không có lý do! Sự khinh thường sâu sắc của nhà cầm quyền, có giá trị chỉ thấy trong sự lan tràn vô nghĩa lòng kiêu căng mà sự biểu lộ chắc chắn của đám người bịp bợm hay tham vọng.

Lúc đó tôi không biết sự ganh đua giữa Ngài Trung và ông Ca đã lên cao trong thời gian trước đây khá xa:

“Vào năm 1895, ông Nguyễn Văn Ca học lớp năm thứ năm trường Trung học Adran, tại Sài Gòn, trong lúc đó ông Lê Văn Trung, ít hơn ông Ca 5 tuổi, học lớp năm thứ ba trường Trung học Chasseloup-Laubat, cũng tại Sài Gòn.

“Trường Trung học Adran, được điều khiển bởi các Huynh Công giáo và được chánh phủ trợ cấp, lúc đó bị bãi bỏ. Người ta tổ chức một kỳ thi chung cho các học sinh lớp năm thứ tư và thứ năm của trường Adran với các học sinh lớp năm thứ ba của trường Chasseloup-Laubat (trường này chỉ được lập ra từ 3 năm nay). Lê Văn Trung đậu hạng nhì, trong lúc đó học sinh ở lại lớp là Nguyễn Văn Ca chỉ đậu hạng sáu. Cả hai ông cũng như nhiều thí sinh thi đậu khác được bổ nhiệm làm Thơ Ký cho chánh phủ Nam Kỳ.

“Ông Lê Văn Trung nổi tiếng là tinh nghịch và ông Nguyễn Văn Ca thì hay cau có và thù vặt. Ông Trung rất

được cấp trên yêu mến, nên được thăng tiến nhanh.

“Năm 1906, ông Trung được bầu làm Nghị viên Hội Đồng Thuộc địa và vài năm sau, ông đạt danh hiệu mong muốn như là Nghị viên Hội Đồng Chánh Phủ (một nhân sĩ hạng nhất Việt Nam), địa vị này trở nên trống bởi cái chết của Tổng Đốc Đỗ Hữu Phương ở Chợ Lớn [Ông Đỗ Hữu Phương là quan chức cao cấp nhất của Nam Kỳ], trong lúc đó, ông Ca tiếp tục làm nghề Thơ Ký tầm thường.⁽²⁾

(2). *Dịch giả đính chính: Ông Ca trước khi nhập vào Đạo Cao Đài, đã được thăng lên ngạch Đốc Phủ và có lần làm Quận Trưởng ở Châu Đốc.*

“Năm 1926, hai cựu học sinh trung học lại gặp nhau trong nền Tân tôn giáo. Ông Trung trở thành Đầu Sư Thượng Trung Nhật và ông Ca chỉ được phẩm Phối Sư Thái Ca Thanh, ở địa vị thuộc cấp của ông Trung.

Nhưng ông Trung tinh nghịch thuở trước, nay thì khôn khéo hơn và trở nên một Chức sắc gương mẫu. Ông tỏ ra rất tôn trọng Thái Ca Thanh và đối đãi với ông Ca như người anh lớn tuổi hơn. Để chứng tỏ thiện cảm của mình đối với Thái Ca Thanh, ông Trung tin nhiệm giao phó cho ông Ca điều khiển Hội Thánh và bổ nhiệm ông làm Chủ tọa Hội Thánh mặc dầu phẩm trật của ông Ca không được dành cho những chức vụ cao như vậy.

“Cái vẻ bề ngoài của hai vị làm cho người ta tưởng rằng, Thượng Trung Nhật và Thái Ca Thanh sẽ cùng nhau đi qua những ngày cuối của cuộc đời tại Tòa Thánh và từ đây sống với nhau trong tình huynh đệ không thể phân ly.

“Tuy vậy, cuối năm 1930, vâng Sắc lệnh của Đức Giáo

Tông, qui định các Chức sắc từ phẩm Phối Sư trở lên phải ở hẳn tại Tòa Thánh. Ông Thái Ca Thanh đến lúc này vẫn đi lên xuống như con thoi giữa Tây Ninh và gia đình ở quê nhà tại Mỹ Tho. Ông Ca yêu cầu Ngài Thượng Trung Nhựt cho phép ông trở về gia đình trong 15 ngày để thu xếp việc nhà một lần cho tất cả, để rồi có thể tiếp tục trở lại Tòa Thánh và ở hoàn toàn cố định nơi đó.

“Vây là ông Ca đã tự ý từ bỏ các bạn tốt.

“Nhưng lạ lùng thay số phận của Thái Ca Thanh!

“Mặc dầu có lời hứa chánh thức là ông không dừng lại ở Thánh Thất bất phục tùng Cầu Kho (Sài Gòn), khổ khổ thay ông bị lôi kéo bởi những người cầm đầu chi phái Cầu Kho và ông không có can đảm chống lại. Ông Ca ở lại Cầu Kho trong vài tuần, nơi đó ông bị thay đổi hoàn toàn.

“Phần khác, không nghi ngờ gì nữa, ông Ca được cố vấn sai quấy bởi những người bất phục tùng tại Cầu Kho, nhứt là bởi Cựu Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang, ông này tổ chức chống lại Ngài Thượng Trung Nhựt, và phần khác, ông Ca có nhiều sự buồn phiền trong gia đình (vợ và các con của ông không chịu theo Đạo Cao Đài, làm cho ông rất khổ sở), ông Ca không trở về Tòa Thánh nữa.”

Lúc ấy ông Ca lập chi phái Minh Chơn Lý và ông xem Tây Ninh là chi phái đối trá và là tác phẩm của ma quỷ! Chúng tôi xin kể thêm:

“Các Thần linh tinh quái ban cho Thánh Thất của Thái Ca Thanh cái tên là: Tòa Thánh Trung Ương. Bởi cơ bút của những đồng tử ấy, Cựu Chương Pháp Trần Đạo Quang được cất nhắc lên làm Đại diện của Đức Giáo Tông Vô Vi Lý Thái Bạch, phẩm tước thuần túy là

danh dự hàm, nhưng thực tế thì Ngài Trần Đạo Quang dùng làm bù nhìn cho ông Ca, ông Ca mới là lãnh chúa, người chủ duy nhất.

Ông Thái Ca Thanh được chỉ định là Đầu Sư Thái Ca Nhựt. Ngài Lê Văn Trung mang Thánh danh là Thượng Trung Nhựt: Thượng (phái Tiên), Trung (tên), Nhựt (mặt trời), Thánh danh ấy có nghĩa là: đạo đức của Ngài được so sánh với ánh sáng rực rỡ của mặt trời. Ông Thái Ca Thanh tưởng rằng, khi được chỉ định làm Đầu Sư thì đổi chữ *Thanh* phía sau thành chữ *Nhựt*. Ngài Lê Văn Trung tự thấy mất cái danh hiệu Đầu Sư của Ngài và mất luôn Thánh danh *Nhựt* (mặt trời).

Ước vọng của ông Ca được tràn đầy vì nó không còn chịu đựng tình trạng thấp kém thể hiện đối với Thượng Trung Nhựt mà mặc cho tất cả, cái tên Lê Văn Trung vẫn còn trong trí não của ông Ca, là địch thủ may mắn năm 1895 và là nhân sĩ hạng nhất trong hạnh phúc phi thường.

Chỉ có những kẻ phàm tục sống xa các trung tâm tôn giáo, tỏ ra ngạc nhiên về bài đọc này. Những Thánh Thất, Tịnh Thất, những giáo hội và phái tu khác, những người tu đạo và những người thế tục, những hệ thống Chức sắc mà với những sự ganh đua và thù hận bi thảm.

Lúc ấy, Mỹ Tho rõ ràng là được nâng đỡ bởi những đồng minh cao cấp trong chánh quyền, mưu toan phá hủy Tây Ninh đúng vào lúc có những cơn biến động của cộng sản: ông Krautheimer luôn luôn không chịu ảnh hưởng, cũng không hành động, vì xem ông Lê Văn Trung là Nghị viên của Hội Đồng Chánh phủ.....

Sự thịnh vượng ấy rất ngắn ngủi, hơn thế nữa.

Từ năm 1936, Mỹ Tho không còn biết những thành công lớn của thời trước và những đổi thay tận gốc rễ có tính cách mạng của Đạo Cao Đài, bởi hận thù Tây Ninh, không chỉ là một kỷ niệm lịch sử.

Tôi khổ tâm khi viết ra các việc này. Cá nhân tôi với ông Ca chỉ có các liên lạc thân ái tuyệt vời. Nhưng tôi thử viết lịch sử, điều đó rất khó khăn đối với tất cả mọi người, lịch sử của một tôn giáo với những khó nhọc và say mê buổi khởi đầu.

Một chi phái khác du nhập từ Trung hoa (Minh Đường), thành thạo về Yoga, lợi dụng sự khao khát những điều kỳ diệu và thần bí của người Việt Nam:

“Trong một đàn cơ, THẤY (Đức Chí Tôn) biết được ông Trần Đạo Quang còn ham danh lợi và muốn lập một nhóm gồm nhiều người phe mình để dự bị việc phân chi lập phái, nên THẤY nói với ông bằng các câu này:

“Đạo Quang, hãy biết rõ rằng, THẤY xem người nào tìm cách gây chia rẽ là kẻ thù của THẤY.”

“Đó là một lời cảnh cáo!

“Để làm cho tất cả con cái của Đức Chí Tôn thấy rõ rằng, đạo đức không ở trong một thân hình đẹp hay trong bộ râu rậm, hay trên một dáng ngoài đáng kính, THẤY ra lệnh làm bảy cái ngai cho các chức vụ Giáo Tông, Chương Pháp và Đầu Sư để đặt trong Tòa Thánh Tây Ninh, ngay sau chánh điện và hướng mặt ra các Chức sắc và tín đồ.

“Vào một ngày nhứt định cho lễ khánh thành, Ngài Trần Đạo Quang và các vị Chương Pháp và Đầu Sư khác, lên ngôi trên những cái ngai này để tham dự một đại lễ. Những Chức sắc và tín đồ phía trước đều quì xuống

hướng mặt lên các ngai nầy. Những vị Chưởng Pháp và Đầu Sư khác lên ngồi trên ngai một cách yên ổn, về phần Ngài Trần Đạo Quang thì khó nhọc lắm mới ngồi được trên ngai của ông, thì một lực vô hình đẩy ông té xuống đất: ông không xứng đáng với phẩm vị của ông. Lúc ấy, những người dự lễ xét đoán được cái giá trị đạo đức thực sự của Ngài Chưởng Pháp Trần Đạo Quang.

“Không thể tạo ra một phương kế nào nơi Tòa Thánh, mà nơi đó ông phải cư trú luôn luôn cho đến khi thoát xác và là nơi mà sự tu luyện Yoga không được chấp nhận, Ngài Trần Đạo Quang liền bỏ đi, trước tiên ông liền kết với Thánh Thất Cầu Kho vào năm 1928 và sau đó năm 1930 ông đến với người chiếm đoạt Thái Ca Nhứt, để sang năm sau ông đến Giồng Bướm (Rạch Giá) để xây dựng một Thánh Thất mà ông là chủ từ đấy.”

Có một sự chia rẽ trong chi phái nầy, làm cho các nỗ lực truyền đạo ở Hà Nội và Hải Phòng trở nên vô ích, và nó bước vào thời kỳ đình trệ.

Chi phái Bến Tre hiện nay được kể là đối nghịch nhứt. Bến Tre oán hận Tây Ninh, nơi đó họ nói rằng:

“Tây Ninh không còn là Đạo Cao Đài đúng nghĩa do Thượng Đế lập nên, mà là chi phái Phạm Môn do Ông Hộ Pháp Phạm Công Tắc lập ra. Vị nầy đã chiếm đoạt Tòa Thánh để thiết lập nơi đó một chi phái từ lúc cái chết của vị cựu lãnh đạo Lê Văn Trung. Những người nào trong Đạo Cao Đài, Chức sắc hay tín đồ, nếu từ chối nhập vào chi phái Phạm Môn thì bị bỏ riêng ra khỏi Tòa Thánh một cách không thương tiếc.”

“Đây là nguồn gốc của chi phái Phạm Môn mà nhiều

tín đồ Cao Đài hiện nay còn lâm lộn với Đạo Cao Đài đúng nghĩa, bởi vì Phạm Môn được dựng ra ở Tòa Thánh để làm thiệt hại Tòa Thánh và ông Phạm Công Tắc được giao phó Tòa Thánh bởi sự chiếm đoạt chức vụ lãnh đạo tối cao của Đạo Cao Đài.”

“Từ năm 1931, ông Phạm Công Tắc, chưởng quản các đồng tử, không bằng lòng Hội Thánh Cao Đài trong thời kỳ này dưới sự điều khiển của vị cựu lãnh đạo Lê Văn Trung nên ông Phạm Công Tắc thiết lập chi phái Phạm Môn, gọi theo họ Phạm của ông.⁽³⁾

“Những người theo Phạm Môn, số lượng chừng 400 đến 500 người, liên kết với nhau bằng lời thề. Họ luôn luôn hiềm thù những tín đồ Cao Đài thuần túy. Ông Phạm Công Tắc được họ gọi là Sư Phụ, kể dưới Đại Từ Phụ, ông gọi những người Phạm Môn là “con” giống như Thượng Đế gọi chúng ta trong các Thánh giáo của Ngài.”

“Cổ lãnh đạo Lê Văn Trung hoàn toàn chống lại việc thành lập Phạm Môn mà ông coi như là “quốc gia trong một quốc gia” rất nguy hiểm đối với Đạo Cao Đài, bởi vì nó theo đuổi một mục đích tuyệt đối vật chất và vụ lợi. Do đó, nó chính là một loại hiệp hội của những tín đồ Cao Đài, phần nhiều những người dốt nát, chung góp tài sản và công sức để lợi dụng tôn giáo vào lợi ích chung của họ.”

“Giáo lý của Đạo Cao Đài trừ bỏ sự thù hận và thuyết giảng lòng bác ái, xem tất cả mọi người như anh em được sanh ra bởi cùng một Cha chung thiêng liêng. Phạm Môn thực hành sự ích kỷ và tuyên truyền sự thù hận, chống lại tất cả những người không cùng một phe với họ. Đạo Cao Đài qui định luật lệ về Ngũ giới cấm của Phật giáo, Phạm Môn không biết đến những luật lệ này và thường dùng sự

xảo trá và nói dối để sống và truyền bá.

“Chánh phủ thuộc địa luôn luôn thiện cảm và tử tế với Đạo Cao Đài từ lúc thành lập năm 1926. Một số lớn Thánh Thất được phép hoạt động trong tất cả các tỉnh Nam Kỳ. Sự cúng kiếng được hoàn toàn tự do, không bao giờ có một ngăn trở có hệ thống nào.

“Trái lại, giữa nhiều chi phái của Đạo Cao Đài bao gồm cả Phạm Môn, có thu hút sự chú ý của công quyền bởi các hành động khả nghi. Thí dụ như, một chi phái như thế, đã tổ chức một cuộc lễ để phong tặng như một ông vua, một đứa bé sơ sinh, con của một vị trong những vị lãnh đạo và ban cho nó nhiệm vụ Tổng Chỉ Huy quân đội. Phần khác, người Phạm Môn được hứa bằng cách đóng góp tiền bạc, sẽ được ban cho phẩm tước và đất đai mà vị lãnh đạo của họ do Thượng Đế giáng sanh, sẽ sắp đặt trong nay mai.”

-
- (3). **Dịch giả đính chánh:** Phạm Môn (PM) không phải là chi phái, mà là tổ chức của những người tu chơn, không mang phẩm tước Chức sắc, tự làm ăn sinh sống để tu hành chớ không thâm nhận của thập phương. Phạm là Phật, không phải họ Phạm. PM là Cửa Phật. Ngày 5-3-1934, 500 tu sĩ PM giữ gìn chặt chẽ TTTN, không cho nhóm của ông Trương Bến Tre, từ Sài Gòn kéo lên dùng bạo lực đánh chiếm Tòa Thánh, nên ông Trương rất oán hận PM và Đức Hộ Pháp. Do đó mà có những lời vu cáo rất nặng nề này.

Như thế, tất cả chi phái đều được sanh ra từ Thần linh học phàm tục mà các chi phái ấy đã lạm dụng, làm đối tượng cho sự giám sát của cảnh sát, và do sự giám sát này, các chi phái đôi khi bị những khó khăn.

Đó là những chi phái làm biến thể giáo lý đẹp đẽ của Đạo Cao Đài và họ làm những điều tổn hại lớn. Những

chi phái ấy xé nát Đạo Cao Đài thành nhiều mảnh và họ đã làm giảm giá trị trước mắt hơn sanh. Không sanh ra nhiều lần và bất hạnh, tôn giáo thiêng liêng này đã cải hóa toàn xứ Nam Kỳ và đã tự do truyền bá giáo lý trong tất cả các phần khác của Liên bang Đông Dương. *(Tài liệu đã được ký tên nhìn nhận của các đại diện Hội Thánh ngày 15-9-1938)*

Như phần trên chúng ta đã thấy, người ta phải nghĩ rằng, đó là những lời tố cáo độc ác nhứt. Bài khảo cứu của Hiến Huynh Lê Văn Bảy rất nghiêm khắc đối với vị Giáo Tông của chi phái Bến Tre, bạn thân của ông Pagès mà ông này nhận được nhiều báo cáo bí mật của Bến Tre.

Nhưng ở đây, chúng tôi không muốn lợi dụng tất cả tài liệu mà chúng tôi có được dưới mắt. Bao nhiêu đó có giá trị ném dầu vào lửa. Khốn khổ thay cho cái yếu đuối của con người! Nếu những tâm hồn của người tu còn đó, làm thế nào để ngạc nhiên thấy rằng, những người tà giáo và kẻ phàm tục đến đó tàn hại nhau một cách có định kỳ?

Chúng tôi chỉ thuật lại cái lịch sử rất đau lòng ấy trong đoạn sau đây (Những lời than phiền, mục số 3, 4, 5):

3. Tiếp theo những cuộc vận động của những ông Juda mới, cuộc thông mưu với một viên chức trẻ đã chỉ ở trên, Tỉnh trưởng Tây Ninh đã ra lệnh chánh thức cho các thân hào nhân sĩ trong làng Long Thành (nơi đặt Tòa Thánh) hoàn toàn từ chối giúp đỡ những vị điều khiển Tòa Thánh khi họ yêu cầu và chỉ can thiệp khi có đổ máu, để rồi có thể nghiêm trị những người điều khiển Tòa Thánh và đóng cửa Đền thờ, cả trường hợp những người này hay đồng đạo của họ là nạn nhân.

4. Từ Tòa Thánh đi ra vài trăm thước là một nơi gọi là Thái Bình Thánh Địa (một làng hòa bình nơi Thánh địa), với diện tích 80 mẫu rừng, được khai khẩn bởi sự chăm sóc của Hội Thánh, Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật tạo lập một ngôi làng kiểu mẫu, nơi đây chỉ chấp nhận những gia đình tín đồ Cao Đài mà tất cả người trong gia đình đều ăn chay trường hoàn toàn, có đời sống lương thiện và tập quán tốt, và nhứt là những tín đồ đức hạnh, biết phục tùng luật pháp của giáo hội. Đó là một thị trấn với hơn 500 nhà có hơn 2000 người (nam và nữ) cư trú, không kể trẻ con, trong đó xây dựng một cái chợ chỉ bán toàn thực phẩm chay, không một miếng thịt, không một miếng cá, cũng không cả nước mắm.

Những người trong ngôi làng này là một hiện hữu chơn thật, thực sự hòa bình và hạnh phúc, không biết kẻ thù, cũng không biết kẻ đối nghịch, luôn luôn đi cúng và dùng thời giờ nhàn rỗi để trau luyện đức tánh.

Ông Thượng Tương Thanh, lúc ấy đại diện Đạo Cao Đài bên cạnh chánh quyền, tự để bắt buộc phá hoại cái chợ này. Tỉnh Tây Ninh liền cất một cái chợ công cộng trên một mảnh đất công cách nơi ấy chừng vài trăm thước, nơi đây, các thực phẩm ăn mặn được bày bán đầy đủ.

Với sự giúp đỡ của chánh quyền, Thượng Tương Thanh và Ngọc Trang Thanh thúc giục những cư dân trong làng kiểu mẫu nổi lên chống lại quyền hành của Giáo Tông. Lợi dụng việc đứng tên làm chủ miếng đất cất chợ, Thượng Tương Thanh cất lên tại miếng đất ấy, với sự tán thành của chánh quyền, một cái nhà liên hiệp dành cho những người nổi loạn đến nơi đó để tạo ra những rối loạn khác, chửi mắng Đức Quyền Giáo Tông và những

Chức sắc khác, tìm cách làm hại tất cả những người nào còn mến mộ Ngài Thượng Trung Nhật. Người ta đi đến Tòa Thánh để giục loạn nơi đó.

Kể từ lúc đó, ngôi làng kiểu mẫu trở thành một nơi tiêu khiển phạm tục, những sông bạc được lập ra và hoạt động thường xuyên bởi đủ các hạng người. Tòa Thánh không thể kiểm soát được và có rất nhiều người ăn chay thuở trước trở thành người ăn mặn một cách đau khổ!

Những người chơn thật phải rời bỏ làng nầy và đi đến ở trên những mảnh đất khác chung quanh Tòa Thánh hay trở về xứ sở của họ. Chẳng bao lâu sau, những kẻ chống đối bị lôi cuốn vào cuộc sống phóng đảng, trụy lạc, sự vô đạo còn đi xa hơn nữa, xa khỏi đất Thánh. Một số người trong bọn họ từ bỏ tôn giáo hay tập hợp vào một chi phái chống đối khác. Hiện nay, nơi ấy chỉ còn chừng 30 nhà và các tín đồ nhìn ngôi làng ấy từ thời phồn thịnh, không thể cầm giọt lệ trước một khung cảnh điêu tàn.

Như thế, ngôi làng kiểu mẫu đã bị tàn phá mà Cổ Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật đã làm nhọc nhằn tạo lập ra và làm cho nó phồn thịnh.

Ngài Thượng Trung Nhật lập ra ở Tòa Thánh những tiểu thủ công nghiệp để dạy nghề các tu sĩ và con cái của họ, như là các trẻ mồ côi, có một cái nghề để cho chúng mưu sinh một cách lương thiện. Thượng Tương Thanh đã nhận lãnh sứ mạng phá tan tất cả công trình của Thượng Trung Nhật và tìm kiếm các lý do cho cái hiệu quả đó. Ông Tương giảng đạo cho những người mới đến rằng, muốn đạt đến cuộc sống của một tu sĩ thật sự, chỉ cần tụng kinh từ sáng đến chiều mà không cần làm việc như người thế tục và người ta có thể nên bắt chước các nhà

sứ khất thực của Cao Miên hoặc Thái Lan.

Có nhiều tu sĩ công quả làm nghề trồng rau trong khu vực Thánh địa. Dưới cái cớ là hiệu quả thấp, không lợi nhiều, tiền nhân công mắc hơn các sản phẩm thu hoạch, nên ông Thượng Tương Thanh cho ngưng lại tất cả các nghề này và gọi trả tất cả tu sĩ làm vườn về gia đình của họ. Sự bãi bỏ các nghề thủ công và ngưng lại các nghề trồng trọt có hai mục đích:

– Thứ nhất là vâng theo lệnh của chánh quyền.

– Thứ nhì là làm nãn lòng tất cả tín đồ Cao Đài ở tại Tòa Thánh để cho họ trở về nhà của họ, bởi vì phần lớn những người này đều tiếp tục ái mộ Ngài Thượng Trung Nhựt⁽⁴⁾ và họ tôn sùng Ngài như Thượng Đế, mặc cho tất cả những xác tín, những áp lực và đe dọa.

5. Vài tín đồ ở chung quanh Tòa Thánh không thể trả tiền thuế kịp thời, họ bị bắt và bị kiện trước tòa án vi cảnh. Tòa kết án họ bị phạt tù và phạt tiền và người chịu trách nhiệm dân sự về tiền phạt và là Ngài Thượng Trung Nhựt, thay vì là Ngài Thượng Tương Thanh, đại diện tôn giáo lúc ấy bên cạnh chánh quyền.

Để phản kháng bản án bất công, Ngài Thượng Trung Nhựt không trả các món tiền phạt ấy và Ngài để cho họ bắt bỏ tù Ngài *với tấm huy chương Bắc Đẩu Bội Tinh của Ngài!!*

Trong sự mong muốn làm nhục Ngài Thượng Trung Nhựt, ông *Vilmont Tỉnh trưởng Tây Ninh* đã không dùng một nghi thức nào để tước bỏ tấm huy chương này.

(4). **Để cho rõ ràng bài tường thuật này, chúng ta lưu ý rằng:** Lê Văn Trung là tên của Ngài Thượng Trung

Nhứt trong tôn giáo.

Người ta không có một sự tôn trọng nào đối với Ngài Lê Văn Trung, một nhân sĩ bậc nhứt của Việt Nam, cũng không tôn trọng tấm huy chương cao quý nhứt của nước Pháp mà dưới con mắt của Ngài Lê Văn Trung, nó không có một giá trị nào hết. Ngay khi ra khỏi khám đường, Ngài Lê Văn Trung liền viết một văn thơ gửi Tổng Thống nước Cộng Hòa Pháp để hoàn trả tấm huy chương Bắc Đẩu Bội Tinh (một sự kiện lịch sử rất quan trọng).

Để phản đối sự bất công này và sự chửi mắng vào nhân phẩm của người Anh Cả cao cấp đáng kính, tất cả tín đồ Cao Đài nam nữ và nhi đồng trú ngụ nơi Tòa Thánh và vùng phụ cận chung quanh, làm một cuộc tuyệt thực phản kháng kéo dài 48 giờ, đây là khoảng thời gian bị bắt bỏ tù của Ngài Thượng Trung Nhứt và chính Ngài cũng bằng lòng tuyệt thực trong tù, chỉ uống một ly nước mát mỗi ngày. Đó là sự phản nộ toàn thể.

Trong tù sắt của người Thủ Bồn của Tòa Thánh, để bảo toàn những tài liệu của đạo được ông Lê Bá Trang (Ngọc Trang Thanh) giao lại, để dẫn chứng những lời oán trách chống lại Ngài Thượng Trung Nhứt, ông Lê Văn Bảy (Giáo Sư Thượng Bảy Thanh) lúc đó là Chánh Từ Hàn của Thượng Hội, bị ông Lê Bá Trang theo đuổi và lừa gạt.

Ông Trang đòi hỏi, nói rằng những giấy tờ này là của riêng ông, ông đòi Lê Văn Bảy trả lại cho ông vì Lê Văn Bảy giữ những giấy tờ này không hợp pháp, trong lúc ông vắng mặt tại Tòa Thánh. Một giấy đòi triệu tập gửi ông Lê Văn Bảy nhưng ông Bảy không nhận.

Người ta lợi dụng việc này để chống lại ông Lê Văn

Bảy bằng một trát đòi. Ông Bảy ở Nam Vang, phải mượn một chiếc xe hơi để tự vận chuyển về Tây Ninh, dưới sự hộ tống của một nhân viên an ninh. Ông Bảy bị còng hai tay và được chở đi trong một chiếc xe có mui thông thường để chở người bị bắt. Nhưng với sự can thiệp của Trạng sư Lortat-Jacob, người binh vực Đạo Cao Đài, đã phản kháng cách xử trí đó và bảo đảm với quan tòa rằng, ông Bảy là người rất được kính trọng tại Cao Miên.

Dù rằng các tài liệu được tìm thấy một cách chắc chắn niêm phong nguyên vẹn trong tủ sắt của Tòa Thánh, nhưng vị quan tòa Tây Ninh vẫn gửi ông Lê Văn Bảy đến chỗ trắc lượng và chụp hình, tất cả giống như đối với một kẻ cướp đường. Sự oán than được sắp hạng sau đó, nhưng vì khinh thường công lý, quan tòa trả lại cho Lê Bá Trang những giấy tờ đáng ra phải thuộc quyền sở hữu của Đạo. Chúng ta đã ở vào thời buổi của sự ngược đãi khởi phát chống lại tất cả những người nào ái mộ Cổ Quyền Giáo Tông, trong lúc đó, Nguyễn Ngọc Tương và Lê Bá Trang cùng những người phe cánh của họ cho đó là điều cấm kỵ.

Tuy luật pháp tôn giáo cấm các tín đồ kiện cáo những vụ án dân sự, nhưng các Chức sắc lớn thì tự cho phép mình khởi tố về tội nhẹ những Chức sắc khác đối với một vụ việc thuộc tôn giáo. Những tài liệu tôn giáo là thuộc sở hữu của Hội Thánh, chứ không phải của cá nhân Giáo Tông hay của một tín đồ nào, trong mọi trường hợp.

Ông Lê Bá Trang muốn sử dụng những thứ đó vào cuộc vận động báo chí chống lại Ngài Thượng Trung Nhật, để rồi thử làm mất danh dự của Thượng Trung Nhật.

Những mưu toan làm ra là để chiếm đoạt ngôi vị Giáo Tông của TTTN vì lợi ích cho chi phái Bến Tre, làm

hiện ra những sự thỏa mãn khá đau khổ và những kẻ đồng mưu. Những phương thức áp dụng thật quỷ quái. Thời kỳ tiếp theo sau cái chết của Ngài Lê Văn Trung chịu nhiều đau khổ. Đây là kết luận của Hiền Huynh Lê Văn Bảy:

“Hiện nay, tiếp theo những lời phê bình chỉ trích, bao nhiêu thân hữu và người ủng hộ Nguyễn Ngọc Tương, không gọi ông là Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương, mà gọi đơn giản là Anh Cả. Thời gian vừa qua, ông Tương ký tên vào các văn thư và các Châu tri với phẩm cấp Đầu Sư Thượng Tương Thanh.

Từ năm 1938, ông tự giam mình trong căn phòng ở lầu một của Thánh Thất Bến Tre, chỉ ăn một bữa cơm mỗi ngày vào giờ Ngọ (ăn Ngọ), tu luyện Yoga và đắm mình vào Thần linh học: năng lực thông công bởi sự hiệp nhập. Đáng thương hại thay! Ông tưởng rằng chơn linh Đức Lý Thái Bạch hiệp nhập vào ông để làm những điều kỳ diệu!

Từ năm 1932, ông Tương có những sự nghi ngờ về khả năng thông công của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tác (người lãnh đạo hiện nay), nhưng từ năm 1935, ông tin tưởng hoàn toàn vào vào khả năng thông công của một mục đồng trẻ tuổi có tên là “CHO”, đồng tử ứng khẩu.

Sự trừng phạt chính xác: Người ta bị trừng phạt bởi những gì mà người ta phạm tội. Ông Tương muốn giam hãm Cổ Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật, và bây giờ tới phiên ông bị giam hãm: Công lý hằng cửu!

Chi phái “*Thiên sứ Đại Đạo*” đếm được những *Nguyễn soái* và những *Nữ chiến sĩ*. Chắc chắn không? có những người trong chi phái này viết ra trong tờ giấy nào đó các lời khiêu khích, dù rằng có những cây kiếm bằng gỗ

mà họ mang theo và họ nhớ lại họ là những chiến sĩ Trung hoa cổ trong tiền kiếp của họ. Những đền thờ kỳ quái của họ có những cái tháp giống như những pháo đài bằng gỗ.

Chi phái Tuyệt Cốc gồm những người tà giáo mà họ tưởng rằng, muốn trở thành Phật thì cần phải cử ăn ngũ cốc: gạo, bắp, đậu nành, đậu, mè.

Năm 1932, một nhóm chừng 12 người (gồm nam, nữ, nhi đồng) ở tại TTTN trong một cái nhà gọi là Nhà tịnh (chỗ thiền định) được tạo lập bởi sự coi sóc duy nhất của ông Thượng Tương Thanh, được dành cho những người nào muốn thực hành thiền định và tu luyện Yoga. Đó là sở thích của ông Tương. Nhà tịnh này tiếp giáp với một ngôi nhà khác cũng của ông Tương mà nơi đây ông rất thích đắm mình vào thần bí và tà đạo. Những người này đều nhịn ăn ngũ cốc và chỉ nuôi sống bằng rau cải. Đàn ông, đàn bà và trẻ con đều cạo đầu trọc và mặc áo thầy chùa nhưng bằng vải đen. Họ thường tụng kinh Phật giáo.

Vào lúc đó, họ đều lên đồng vào mỗi buổi chiều và đôi khi kéo dài suốt đêm, đến cả ngày mai. Ban ngày họ không làm gì cả hay gần như vậy.

Ông Tương xem những người này như là những tu sĩ thực sự và ông đặt họ dưới sự che chở của ông. Trong lúc đó, họ đốt nhiều lần ngôi nhà mà họ ở và trò chuyện, bởi tà đạo của họ. Những sự rối loạn như thế nên Đức Quyền Giáo Tông tự thấy bắt buộc phải làm cho họ rút lui khỏi Tòa Thánh. Họ đi cất một ngôi chùa trên miếng đất kế cận đất của Tòa Thánh. Như thế đó là do ông Tương, một trong các đối tượng bất đồng ý chống lại Quyền Giáo Tông.

Trưởng nhóm Tuyết Cốc ấy tên là *Diễn* tự xưng là *Nguyễn soái*, ông này bị bắt ba lần đưa vào nhà thương điên Biên Hòa, nơi đây sau vài ngày quan sát, người ta thả ông ra vì thấy ông là một người điên vô hại.

Cuối năm 1932, vào một đêm, tất cả nhóm Tuyết Cốc đi đến Tòa Thánh, mưu tính lên ngôi trên những cái ngai của Giáo Tông, Chương Pháp và Đầu Sư, vì họ nói rằng họ đã đắc đạo thành Phật sống.

Hiện nay, nhóm của họ chỉ còn chừng 30 người (gồm nam, nữ và nhi đồng) và họ tiếp tục đời sống tà đạo.

Thỉnh thoảng họ tạo ra một câu chuyện làm trò cười cho quần chúng và Tòa Thánh Tây Ninh (TTTN) phải chịu khốn khổ vì người ta xem họ là những tín đồ Cao Đài.

Từ bi kịch đến hài kịch như người ta thấy...

Nhưng, mối lo âu cho sự thật buộc chúng ta nói thêm rằng, vài Chức sắc đã trải qua việc bắt phục tùng Hội Thánh, cứ theo hành vi xét đoán thì đó là những lời thể giả dối. Họ đã phản bội lời thể và những lời hứa khác, được họ thừa nhận một cách tự do giữa họ.

Nay thì họ không còn đời sống dân sự, cũng không còn thánh thiện, không vâng theo (dù thế nào) Thánh giáo đã được ban cho, không lòng trung thành (rất cứng cỏi) vào chữ ký tên đã ký của mình. Từ sự căm dỗ bởi lời hứa hợp đồng (mặc kệ anh!) đến người công kích, người này đã xâm phạm khế ước long trọng nhứt và thiêng liêng nhứt mà nó ký nhận, trải qua làm kẻ mắc nợ biếng nhác và gian trá. Đó là sự trở lại tính hung ác dã man, sự trở lại tính vô nhân đạo!

Những Chức sắc, trừ ra các tín đồ, không biết lau

sạch vết nơ do đạo đức giả và do trọng tội.

MINH TRIẾT ĐÔNG PHƯƠNG

TẠP CHÍ *RELIGIO, LA RIVISTA DI STUDI RELIGIOSI* tại La Mã do Ernest Buonainti làm Giám đốc đã nêu ra một bài báo về Đạo Cao Đài. Ông G. Mingiano viết như sau (trang 478):

Victor Hugo và Đạo Cao Đài:

Một trong những bạn thân của tôi làm một cuộc hành trình đến Viễn Đông, viết thơ cho tôi từ Sài Gòn:

“Anh biết chăng, Victor Hugo đã được phong Thánh? Đó là một tôn giáo ở Nam Kỳ gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, có một tư tưởng lạ lùng là cấp cho một đại thi sĩ Pháp những vinh dự thiêng liêng. Anh nói thế nào?

Đương lúc ấy, ở nước Pháp, người ta phải lập một nghị quyết, cho biết làm cách nào cho xứng đáng như một cuộc lễ kỷ niệm 50 năm của Victor Hugo, trong khi các buổi lễ khác được diễn ra tại Panthéon (Công Thần miếu), tại trường Đại học Sorbonne, tại đảo Guernesey, được duy trì trong sự bình thường đúng mực của những vinh dự chính thức, thì đây là một tôn giáo ở Nam Kỳ ban cấp cho nhà thơ những vinh dự thiêng liêng và ghi danh ông vào hàng phẩm Thần linh. Như thế, một người được vinh dự tôn thờ (hay gần như vậy) mà trong di chúc nổi tiếng của ông không nhìn nhận tất cả giá trị và nội dung tôn giáo ở những giáo hội đã được thiết lập và chỉ nhận lãnh

lời cầu nguyện của những người khiêm tốn.⁽¹⁾

(1). *Vâng, có lẽ nhưng đừng quên rằng V. Hugo là một nhà Thần linh học (TLH) và sự ảnh hưởng TLH đối với ông làm cho đời sống của ông chia làm hai phần: trước và sau khi gia nhập TLH.*

“Chúng ta hãy cho vào cử chỉ của người Cao Đài cách đối xử đúng của nó: Sự tán dương một thiên tài dĩ nhiên như là sự biểu lộ của ánh sáng thiêng liêng; sự tán dương thơ văn dĩ nhiên như là sự biểu lộ của loài người trong sự điều hòa thiêng liêng. Hình thức tôn vinh tự đóng khung một cách tự nhiên trong những quan niệm căn bản của một tôn giáo mới, mà chưa đầy 10 năm đã tập hợp được gần một triệu tín đồ.

Ở Ba lê, vào cuối năm 1931, tôi có quen biết một sinh viên Nam Vang, theo học Văn khoa tại Đại học Sorbonne. Cậu là một tín đồ Cao Đài. Cậu cho tôi biết rằng:

“Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có nghĩa chính xác là Đạo Cao Đài, được thành lập vào tháng 11 năm 1925 và phô bày một sự tổng hợp ba tôn giáo lớn ở Đông phương: Phật giáo, Khổng giáo và Lão giáo, hợp với Thiên Chúa giáo và Thần giáo, tượng trưng Ngũ Chi Đại Đạo mà Đấng Cao Đài (Thượng Đế) mở ra cho nhơn loại để phát triển và tiến hóa tâm linh. Như người ta thấy, Hồi giáo không có chỗ đứng trong các con đường dẫn tới Đấng Tối Cao. Trái lại, Đức Chúa Jésus Christ được tín đồ Cao Đài xem là Sứ giả của Thượng Đế, giáng trần để hướng dẫn một phần nhơn loại vào con đường tu hành, con đường tương xứng với khả năng hiểu biết những giá trị tâm linh.

“Với ý thức tôn kính sâu xa, cậu sinh viên trẻ tuổi Đông Dương ấy gọi tên Đấng Christ với sự vâng phục,

cậu nói với tôi về nghi lễ của Thiên Chúa giáo mà cậu biết cái ý nghĩa huyền bí, đối với tôi, tôi thú thật, là bài học cao nhất, hiệu quả nhất về sự dung thứ, đồng thời là một gương mẫu của tình huynh đệ chơn thật dâng lên Đấng Tối Cao, nơi đó sự khác nhau của các danh từ mà người đời cầu nguyện không làm thay đổi gương mặt luôn luôn rực rỡ bác ái.

“Những tín đồ Cao Đài được phân làm hai hạng:

– *Bực thứ nhất* (Thượng thừa) gồm tất cả Chức sắc từ phẩm tột đỉnh (Giáo Tông) đến hạng thấp nhất là tín đồ mới vào tu, tất cả bị bắt buộc tuân theo chế độ ăn chay nghiêm khắc, nghèo và thanh đạm (họ tự nuôi sống duy nhất bằng rau cải và trái cây), được xem xét gặt gao. Hội Thánh là nơi căn bản truyền thụ và gồm 7 cấp truyền thụ: cấp cao nhất là những anh lớn, có ưu thế tuyệt đối thông công với các sứ giả của Thượng Đế, những chơn linh cao cấp của ánh sáng mà họ nhận được khí lực, những lời giáo huấn và khuyên nhủ.

– *Bực thứ nhì* gồm khối đông đảo tín đồ, ngoài bốn phận giữ gìn Ngũ giới cấm, họ còn phải khiêm tốn, thật thà, vâng phục quyền hành bề trên mà họ trực thuộc và vâng lời Hội Thánh.

“Sự thờ cúng không chỉ bao gồm việc tụng kinh chung, nơi đó, các tín đồ được cầu nguyện trước một bàn thờ, trên đó đặt một quả cầu lớn trong suốt, trong đó đốt một cái đèn tượng trưng ngọn lửa thiêng. Trên quả cầu ấy vẽ một hình tam giác tượng trưng sự toàn hảo và sự tổng hợp các năng lực thiêng liêng, trong tam giác là Thiên Nhân.

“Trong tôn giáo này, hai trạng thái mà tôi xem là cơ

bản nhứt:

“*Thứ nhứt*: để là một tín đồ Cao Đài, họ không cần bày tỏ một đức tin nào, không cần liên hệ bởi một lời thề nào: Tự do tín ngưỡng là tối thượng ở nơi đây. Sự giáo dục thấy được và phát triển, không có ý bắt buộc các tín đồ, nhưng họ ứng thuận một cách tự do, sự gia nhập tự nhiên và tự nguyện.

“Thành thử, không một người nào bị trục xuất khỏi tôn giáo mà không tiếp đái, không đi theo người nào mà nó quyết định mưu toan đường khác.

“Lời cầu nguyện của tất cả mọi người, trái lại, giúp nó được dễ dàng hơn cho những nỗ lực mới.

“Và điều đó, bởi vì các tín đồ Cao Đài không chỉ thừa nhận, mà còn cảm thấy rằng, cuộc sống nơi cõi trần, cuộc sống trong thời gian và không gian, là bằng chứng, là thử thách, là kinh nghiệm mà mỗi người phải thực hiện, để rồi tiến bước vào con đường dẫn đến Đấng Cao Đài, Đấng Tối Cao. Và mỗi người có quyền lựa chọn con đường đi của mình.

“Việc tìm kiếm sự giàu có, sự chiếm đoạt và bành trướng của thế lực vật chất, đều bị các tín đồ Cao Đài lên án, bởi vì với họ, cõi Thiên đường chứ không phải cõi trần gian. Nhưng đối với họ, bốn phận và quyền lợi đồng thời liên đới với nhau trong thời gian, sự giúp đỡ vật chất và tinh thần.

“Và đó là lý do của những người ở trạng thái *thứ nhì* gốc của Đạo Cao Đài: về mặt dân sự hay hơn nữa về hoạt động xã hội, Đạo Cao Đài có những trường học đặc biệt dạy các nghề thủ công, giáo dục văn hóa, ngoại giao,

canh nông, vv... cách thức bành trướng một công trình dự phòng và giúp đỡ, có tổ chức và hiệu quả.”

Tạp chí *Religio* đăng tiếp bài của ông G. Mingiano có những dòng nhan đề là: Minh triết Đông phương, ông kết luận rất đặc sắc:

“Bạch Thế Thiên (Pai-te-tien) là một thi sĩ Trung hoa. Lúc làm quận trưởng, ông đến viếng một nhà hiền triết, một đại tín đồ Thiên tông, ông nảy chọn nơi ở trên những cành cây kết lại của một cây to. Họ Bạch thoại thấy nhà hiền triết thì kêu lớn lên: – Chỗ ở trên cái cây này nguy hiểm quá!

Nhà hiền triết cãi lại: – Cái gì! Cái chỗ ở của ông còn nguy hiểm hơn chỗ ở của tôi.

Và tiếp theo là cuộc đối thoại:

– Tôi là Quận trưởng, tôi không thấy một mối nguy hiểm nào cả.

– Thế là ông không tự biết mình! Không nguy hiểm nào lớn bằng dục vọng đốt cháy ông và trí não tối tăm.

– Thế nào là lời Phật dạy?

– Chư ác mạc tác (không làm các điều ác),

Chúng thiện phụng hành (các điều thiện vâng làm).

– Nhưng, cái đó con nít 3 tuổi cũng biết.

– Đúng, con nít 3 tuổi cũng biết, nhưng người già 80 tuổi như tôi rất khó khăn mới áp dụng kết quả.”

“Hàn Sơn (Han-Shan), thi sĩ, là một người điên, ông đi đến chùa Quốc Kinh thu nhặt những đồ ăn thừa để nuôi sống. Những thầy tu chế nhạo ông là một người điên nghèo

nàn, ngây ngô và không nguy hiểm. Một ngày kia, trong một ngôi nhà hẻo lánh, Hàn Sơn kêu lên: Ta nghĩ rằng tất cả những năm qua, ta đi một cách lặng lẽ đến chùa Quốc Kinh, nơi đây mọi người nhìn ta nói rằng: Hàn Sơn là một người điên. Hiện thời ta suy nghĩ: Ta có phải là một người điên không? Ta không giải quyết được vấn đề, chính ta không biết cái Ta riêng của mình, thế thì tại sao những người khác có thể biết ta hơn ta?”

“Không nên là một người nói nhiều, để rồi tìm được Thượng Đế trong yên lặng. Hãy cầu nguyện, cái tâm đầy dục vọng, nhưng không nên nói một lời nào. Lúc ấy, Thượng Đế sẽ ban cho anh những thứ cần thiết, sẽ nghe tiếng nói của anh, và sẽ thâu nhận cúng phẩm của anh. Giống như một cái giếng trong sa mạc mà nước rất dịu ngọt cho ai cháy cổ vì khát, Đấng thiêng liêng đóng cửa khi anh nói và mở cửa ra khi anh giữ im lặng.”

MINH XÁC GIÁO LÝ

MỘT TRONG NHỮNG THÂN HỮU THEO ĐẠO Cao Đài của chúng tôi, ông Gabriel Abadie de Lestrac, có trình độ hiểu biết nhiều hơn những đại ký giả ở Ba-lê (Kinh đô ánh sáng) dành cho tờ báo “VU” ngày 7-9-1932 một bài báo có kèm theo tài liệu và tranh ảnh nói về Đạo Cao Đài. Khác hơn những kẻ giàu có nhờ phục vụ điều sai trái và dối trá, ông Gabriel Abadie có thể chứng minh với biết bao nỗi đau khổ khi ông bắt đầu nói sự thật về Đạo Cao Đài.

“Khởi đầu từ năm 1926, trong một căn phố ở bên cạnh Chợ Bến Thành Sài Gòn, tụ tập vài trí thức trẻ, tất cả đều là tín đồ Phật giáo, để nghiên cứu Thần linh học trong khi nhàn rỗi. Tư tưởng đó dẫn họ đi đến những cuộc xây bàn, để nghe những tiết lộ của một vị trong những vị thầy của họ là nhà Thần linh học xác tín, đại diện Hội Thần linh học quan trọng nhất của nước Pháp.

Những buổi khởi đầu xây bàn chưa thể kết luận được, nhưng dần dần, với sự kiên nhẫn cao độ, đặc tánh của người phương Đông và loại ra những người nào không có “điên” để thay thế những bạn khác có khả năng tiếp diễn khác hơn, họ ghi nhận được nhiều kết quả phi thường.

Lúc khởi đầu, họ thú nhận đã thông công được với chơn linh của một vị hiền triết của nước Trung hoa thời

xưa là Đức Lý Thái Bạch (thế giới thường gọi Ngài là Li-Tai-Pé), một vị Homère của nước Trung hoa, Ngài đã canh tân văn chương Trung hoa dưới triều đại thứ 13 nhà Đường (713-742), và Ngài là một tín đồ nhiệt thành của Lão giáo, đã viết ra cho những trí thức trẻ nói trên một vài bài Thánh giáo. Họ cũng tiếp tục nhận được như thế vài bài Thánh giáo của Đức Quan Thánh Đế Quân, một vị Turenne của Trung hoa.

Lúc đầu những tín đồ mới nầy của Thần linh học hình như xem việc xây bàn là một trò giải trí và sau đó nhanh chóng trở thành một công việc huyền bí: sự đối thoại với các Đấng chơn linh thượng đẳng của thế giới vô hình, nơi đây họ cầu xin những lời chỉ giáo của các Đấng ấy.

Nhưng việc dùng cái “*bàn xây*” để liên lạc với thế giới huyền bí dường như ít tiện lợi, họ bộc bạch với các Đấng thiêng liêng và họ được chỉ dạy dùng “*Ngọc cơ*”, giống như một cái mũ bằng mây và đồng thời noi theo sự hướng dẫn của một trong những đồng bào của họ là ông Phủ Chiêu, rất thông thạo về Thần linh học. Ông Phủ Chiêu theo giáo lý của Đức Phật Thích Ca và thực hành đạo đức của Đức Khổng Tử, ông đã thông công được với các Đấng nầy từ nhiều năm qua và nhận được một tiết lộ: Sự hiện hữu của Đấng Thượng Đế tối cao, Chúa tể càn khôn vũ trụ, và Ngài là Đấng Cao Đài. Ông Phủ Chiêu chỉ dạy cho các vị trẻ tuổi nầy cách sử dụng cây Ngọc cơ và tham dự vào các đàn cầu cơ.

Theo những lời khuyên nhủ của Đấng chơn linh, họ tự giới thiệu với một người trong những đồng bào của họ, ông cựu quan chức Nam kỳ và là Nghị viên Hội Đồng Chánh phủ, ông Lê Văn Trung, trong lúc ông nầy đang

có một cuộc sống phóng đảng và hưởng thụ tha hồ, không chuẩn bị vai tuồng mà ông sắp được gọi đến để giao phó.

Sự nhập đạo của ông Lê Văn Trung thật huyền diệu.

Được hưởng ơn huệ, người ghiền thuốc phiện bỏ hút, người ghiền rượu bỏ nhậu, người ấy ngưng ăn thịt cá, từ bỏ những thú vui xác thịt, trở thành một người ăn chay trường và thực hành khổ hạnh giống như những nhà sư khác khổ nhất.

Tiếp theo, trong một đàn cơ đảng ghi nhớ, tập hợp nhiều người, cây ngọc cơ truyền lệnh cho Ngài Lê Văn Trung lãnh việc truyền bá Đạo Cao Đài và ban cho Ngài danh hiệu “*Giáo Tông*” của một nền tôn giáo mới.”

Về vấn đề đại đồng của Đạo Cao Đài, đạo huynh của chúng tôi (ông Gabriel Abadie) giải thích rất hay ý nghĩa của từ ngữ Cao Đài:

“Cao Đài là danh từ tượng trưng Đấng Chí Tôn mà trong kỳ ba nầy, Đấng ấy sẽ hiển thị ở Đông phương.

Ý tưởng của các tín đồ Cao Đài về đức tin mới là Đấng Thượng Đế, sự giáo huấn của Ngài tùy theo mức tiến hóa của tinh thần nhơn loại; tinh anh hơn thuở xưa, lần nầy Đấng Thượng Đế biểu thị bằng đường lối thông công với các đồng tử, Ngài không muốn chấp nhận một người nào đặc ân sáng lập Đạo Cao Đài. Hình thức mới mẻ về sự biểu thị của Đấng Chí Tôn làm cho tất cả tôn giáo chịu dưới quyền lực của một vị sáng lập, là người coi phạm, thì không thích hợp tánh cách đại đồng, bởi vì các nhà tiên tri (tức là những vị lãnh đạo tôn giáo) nổi lên chống lại những giáo lý được tuyên bố bởi các tôn giáo khác, đối với những giáo lý mà họ chứng tỏ một sự

không dung thứ đáng kể.

Giáo lý của Đạo Cao Đài phần lớn được trích ra từ ba chánh đạo xưa của Á Đông: Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo. Đạo Cao Đài giữ lại những nguyên tắc thuần túy được nhìn nhận như là những chơn lý vĩnh cửu, bất biến của Thiên điều, nhưng Đạo Cao Đài buộc phải khôi phục trong ý nghĩa chơn thật của nó một vài giáo điều đã bị biến đổi.

Được canh tân như thế nên giáo lý này dung hợp được tất cả tín ngưỡng tôn giáo và thích ứng với những trình độ khác nhau của sự tiến hóa tâm linh.

– *Về phương diện luân lý*, Đạo Cao Đài nhắc nhở con người bổn phận và nghĩa vụ của mình, dạy con người biết cách cư xử đối với chính bản thân mình, đối với gia đình, xã hội và đối với toàn nhân loại.

– *Về phương diện triết lý*, Đạo Cao Đài giảng giải sự khinh thường công danh quyền thế, sự phú quý xa hoa, tất một lời là giải thoát con người khỏi nô lệ vật chất để tìm kiếm sự yên tịnh tràn ngập trong tâm hồn.

– *Về phương diện thờ cúng*, Đạo Cao Đài khuyến nhủ thờ phượng Thượng Đế và tôn sùng các Đấng chơn linh thượng đẳng, lập thành hệ thống thần bí uy nghiêm. Đạo Cao Đài nhìn nhận sự thờ cúng Tổ tiên được thiết lập theo nguyên tắc của Phật giáo, nhưng chống lại sự dâng cúng các thứ thịt cá và việc sử dụng các loại giấy vàng bạc.

– *Về phương diện tâm linh*, Đạo Cao Đài đồng ý với các tôn giáo khác về sự hiện hữu của linh hồn sau khi thoát xác, sự tiến hóa của linh hồn bởi nhiều kiếp luân hồi liên tiếp, những hậu quả sau khi chết của những hành động

do con người gây ra theo đúng luật Nhân quả báo ứng.

– *Về phương diện tâm truyền*, Đạo Cao Đài giảng đạo cho các tín đồ đã được xét đoán là xứng đáng, những giáo huấn khải thị để cho phép họ đạt đến hạnh phúc hoàn toàn bởi một tiến trình tiến hóa tâm linh.

Căn bản của giáo lý Cao Đài là thực hành điều thiện và đức hạnh. Làm thế nào biết được bằng cách khác trong một tôn giáo hỗn hợp ba hệ thống lớn của Đông phương: Khổng giáo, Phật giáo, Lão giáo, để chỉ giữ lại những giáo huấn cao siêu nhất và loại bỏ những giáo huấn lạc hậu xem như là những yếu tố mê tín và dốt nát?

- I. Đức Phật từ bi giảng dạy lòng tín ngưỡng và từ thiện.
- II. Giáo lý của Đức Lão Tử qui định sự tôn thờ chơn lý và khuôn khổ đức tánh.
- III. Đức Thánh Khổng Tử vạch ra con đường Trung Dung.

Đấng Cao Đài gom lại các nguyên tắc lớn về bác ái và nhân từ, do ba Đấng Giáo chủ Tam giáo giảng dạy, để thuyết giảng giáo lý của tôn giáo mới, mà nơi đó, con người của tất cả các màu da, phải tiến đến những khuôn khổ mới cho sự tạo lập một thế giới tốt hơn, một thế giới không có chiến tranh và chinh phục và nơi đó các chủng tộc sẽ là huynh đệ với nhau.”

Đạo huynh của chúng tôi (ông Gabriel Abadie) trả lời điều phàn nàn của một ký giả cho rằng, trong Đạo Cao Đài, Đức Chúa Jésus Christ chỉ là một Đấng thiêng liêng thuộc hàng thứ nhì:

“Đấng Christ dùng làm gạch nối giữa Khổng giáo,

Lão giáo và Phật giáo. Ngài được đặt dưới các Đấng thiêng liêng ở viễn đông là vì Ngài đến thế giới này sau các Đấng kia nhiều thế kỷ.”

Vào năm 1932, ông Gabriel Abadie tiên đoán sẽ có việc hà hiếp, ngược đãi không kềm chế liên tiếp lâu dài và đau khổ đối với các tín đồ Cao Đài, và những thứ đó không thể nào trốn khỏi, phần ông vẫn không hơn:

Tôn giáo mới hay Phật giáo canh tân, do sự khoan dung nổi tiếng của các dân tộc viễn đông, không gây ra một cuộc tranh cãi nào giữa sự thờ cúng xưa và sự thờ cúng cải cách ngày nay, bởi vì Đạo Cao Đài không cố chấp tuyên bố rằng: trừ ra đạo đức và giáo lý của Đạo Cao Đài, thì bên ngoài chỉ có những sai lạc và trùng phạp.

Trái lại, Đạo Cao Đài chúng tỏ sự tôn kính các tôn giáo khác đã có những giáo huấn xứng đáng để nó tôn thờ và nó không ngần ngại đặt hình ảnh Đấng Christ một cách vinh quang bên cạnh Đức Phật Thích Ca, Đức Lão Tử và Đức Khổng Tử. Đạo Cao Đài muốn truyền bá một nền đạo đức có giá trị chơn thật hơn là lo ngại về nguồn gốc. Không còn thiếu, bản chất của giáo lý mới là luật pháp của ba Đấng Giáo chủ Tam giáo, nên Đạo Cao Đài bảo toàn các tín ngưỡng xưa, những phong tục và những lễ nghi.

Người ta có thể tự hỏi, như là những năm gần đây, những nguyên nhân sâu xa nào thúc đẩy tâm hồn của dân chúng bản xứ, cho đến lúc này vẫn còn yên ngủ, hướng về lòng mộ đạo đến nhiệt thành tin tưởng thần bí của những thời kỳ tín ngưỡng.

Người ta sẽ tự hỏi: Tại sao có sự canh tân tôn giáo?

Giáo lý của Đạo Cao Đài hướng về các hoạt động xã hội và luân lý, bằng cách lấy lại cho dân tộc Việt Nam ý thức truyền thống của đời sống đơn giản đạm bạc và lo xa, dưới sự hướng dẫn của những người ưu tú của họ.

Người ta cũng có thể ngạc nhiên khi thấy nước Pháp, hay đúng hơn là vài vị quan chức người Pháp, quá hăng hái, và chắc chắn bị kẻ xấu xúi giục, chống lại những người tà giáo của một ngoại giáo cải cách để lợi dụng, hơn nữa giống như những tín ngưỡng xưa không đòi hỏi cái lợi đó, và yêu cầu giáo lý chính thống của Phật giáo xưa phải được tôn trọng, không sửa đổi, không tiến hóa một cách nào hết để thích hợp với những quan niệm mới mẻ hơn.

Giải thích về cuộc vận động chống lại Đạo Cao Đài được tìm thấy ở trong sự sùng bái Đạo Cao Đài mà tôn giáo canh tân này đã thu phục được một số tín đồ ở Nam Kỳ hơn một triệu người trên tổng số 3 triệu rưỡi dân.

Cựu Thống đốc Nam Kỳ Blanchard de la Brosse ngày hôm nay bị bêu xấu vì đã tuyên bố cho phép tôn giáo mới này tồn tại trong phạm vi quyền hạn của ông. Nhưng lại báo động có một cuộc vận động bài trừ, mưu hại những kẻ tà giáo.

Báo *Le Cygne* (Bạch Nga, gần Hà Nội) đã công bố một loạt bài nhan đề: Bộ mặt thật của Đạo Cao Đài (tháng 9 năm 1936), nơi đây, chúng tôi chỉ trích ra những đoạn kỳ lạ nhất. Như cái tựa đã chỉ rõ, đây là một bài phóng sự khách quan. Chúng tôi chỉ biết khen ngợi vì chơn lý cũng phụng sự Thượng Đế.

“Xin các bạn yên tâm! Thay vì bĩu môi khi đọc đầu đề của cuộc điều tra, nhìn tôi với con mắt ngạc nhiên, hoài

nghi hay chế giễu, lăm bằm những lời nguyên rủa, xin các bạn hãy bình tĩnh nghe lời tâm sự của một người giống như các bạn, cũng gần giống như tất cả những trí thức ở Bắc Kỳ, sẵn sàng nhạo báng một tôn giáo mới phát sinh trong đất nước của quý bạn, một cách rất đơn giản là vì họ không biết gì cả về tôn giáo này. “*Mới phát sinh*” thì không đúng với từ ngữ: theo đạo lịch Cao Đài, nhưn loại ở vào năm thứ 10 của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, như vậy tôn giáo này đã được lan truyền từ 10 năm rồi.

Một nhà xã hội học lão luyện phải chú ý rằng, từ một phần tư thế kỷ này, nước Việt Nam phải chịu một cuộc rung chuyển thình lình. Một cuộc xáo trộn toàn diện xảy ra trong định mạng của dân tộc, trong tư tưởng và trong tín ngưỡng. Sự trở về của hai vị họ Phan⁽¹⁾ báo hiệu triệu chứng đầu tiên của cơn sốt này, cứ tăng dần mỗi ngày.

(1). *Hai nhà cách mạng: Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh.*

Về phương diện chánh trị, đây là một cuộc cách mạng trong trí não và trong tâm hồn.

Về phương diện kinh tế, đây là một cuộc phát triển mãnh liệt của kỹ nghệ, sự thành hình các hợp tác xã và những nghiệp đoàn.

Về phương diện văn học, đây là sự cải cách tận gốc rễ về ngôn ngữ, sự dẫn nhập những tư tưởng mới về thi văn và nghệ thuật cho đến trong lãnh vực tôn giáo, đây là sự phát sinh một đức tin mới.”

Trách cứ rằng Đạo Cao Đài chỉ gồm những khối tín đồ đố đọt nát và mê tín, bị bóc lột một cách khéo léo bởi những tay lừa đảo bịp bợm. Lời kháng biện như sau:

“Hàng ngàn tín đồ Đạo Cao Đài, không phải tất cả mọi người đều nhẹ dạ dễ tin hay mê tín dị đoan. Một số đông người trong họ theo đạo mới ở Nam Kỳ, Bắc Kỳ, Trung hoa, Pháp, đều là những trí thức thượng lưu như: Giáo sư, Trạng sư, Nhà văn, Ký giả, Dân biểu.

Không phải không có lý do cho rằng, Đạo Cao Đài được nói tới nhiều trên khắp thế giới, rằng nhiều tạp chí nổi tiếng ở Ba-lê, Luân đôn, Lisbonne, Varsovie, đến các tạp chí ở La Mã, Buenos-Ayres, đều nghiên cứu giáo điều và giáo lý của Đạo Cao Đài.

Tác giả bài điều tra này được đặc quyền hiếm có, lục soát các văn kiện của Tòa Thánh Tây Ninh, nơi đó tác giả được đọc các thơ từ và tài liệu quý báu, những giấy xin nhập môn cầu đạo gửi đến Đức Giáo Tông, của những nhân vật ngoại quốc ở nhiều thủ đô khác nhau nơi Âu Châu và Mỹ Châu. Đến nước Nhật, một nước tự hào về Võ sĩ đạo, cũng phái nhiều người đến Tây Ninh để nghiên cứu tìm hiểu những điều về đức tin mới, đã làm chấn động dư luận thế giới.”

Tờ báo *La Vérité* (Sự thật) bên cạnh đó có một phóng sự đăng từ ngày 11 đến 13-5-1938, được lấy in thành sách (xuất bản đặc biệt của nhật báo ấy tại Nam Vang) mà chúng tôi sẽ thuật lại những trích đoạn sau đây:

“Từ 12 năm nay, Đạo Cao Đài phát triển ở Đông Dương, người ta chú ý rằng, không có một nghiên cứu khách quan và trọng yếu nào được công nhận. Tuy nhiên, phong trào tôn giáo và xã hội này liên quan đến hàng trăm ngàn người trên một phạm vi càng lúc càng rộng hơn. Nền Tân tôn giáo tự cảm thấy nhỏ hẹp trong giới hạn của nơi phát khởi, Nam Kỳ, đã gửi các nhà truyền giáo sang nước

Cao Miên, Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Tại những nơi này, họ đạt được vài thành quả.

Đạo Cao Đài có một Thánh Thất tại Ba-lê và có tham vọng không bao lâu nữa sẽ đem lời lành đến các nơi rất xa như: nước Trung Hoa, Thái Lan, Ấn Độ và Âu Châu.

Như thế, sự tự hào của người Việt Nam phô diễn một cách bất ngờ trong một trường hoạt động mà con cháu của giống dân Giao Chỉ chưa biết đến. Họ không có một chút gì mang đến cho nền tư tưởng của nòi loại? Tại sao? Bí mật.

Đạo Cao Đài dường như xem thường sự bí ẩn đã được đặt ra như thế, bởi vì Đạo Cao Đài mong ước được kính trọng về mặt tôn giáo với cùng một danh hiệu ngang hàng như Phật giáo. Vả lại, Đạo Cao Đài không vô ích khi tự nhận là Phật giáo canh tân?

Cái ước vọng duy nhất này của đức tin mới gồm hằng triệu tín đồ, trong đó có nhiều người trí thức khuyến khích chúng tôi nghiên cứu rõ ràng Đạo Cao Đài.

Hôm nay, vâng theo mệnh lệnh của vài thân hữu, chúng tôi quyết định trình bày với công chúng quan tâm muốn hiểu biết vài sự thật của nền Tân tôn giáo này, những đoạn văn ngắn về quan sát và phân tách khách quan.”

Báo *La Vérité* (Sự thật)

Trong lời tựa của quyển sách, nhứt báo thêm vào những nhận xét:

“Trên nguồn gốc Thần linh học của Đạo Cao Đài, người ta dễ dàng có nhiều lời mỉa mai, người ta toan tính đập tắt dưới sự buồn cười những bài Thánh giáo tiếp được

bởi cái bàn xây và cây Ngọc cơ.

Có gì là kỳ lạ bất ngờ, khi Chơn lý vĩnh cửu mượn cái phương tiện ấy, thay vì phát biểu trên núi Sinai giữa hào quang và sấm chớp; thay vì bày tỏ qua tiếng nói của các nhà Tiên tri cảm hứng hay sự xuất hiện huyền diệu?

Sự môi giới thông công của một đồng tử, được tuyển chọn cho sứ mạng cao quý nhất, phải chăng cũng không hợp pháp? không cung cấp một sự bảo đảm nào, một tiếng nói được lựa chọn nào cho đến bây giờ để thông công giữa Trời với Người?

Về phần những sự ngược đãi mà Đạo Cao Đài đã gánh chịu và thời kỳ nầy có lẽ không đóng lại, có thể không thấy được nơi đó những bằng chứng tốt nhất về nguồn gốc thiêng liêng và tính chất phi phạm của Đạo Cao Đài?

Tất cả tôn giáo đều truyền giảng sự công bình, lòng nhân từ, đặt trên sự hy sinh và lòng bác ái, biết sự thù nghịch của con người, sự oán hận của những thế lực, sự giận dữ và sự chê bai tất cả mà các tôn giáo đến làm xáo trộn tính ích kỷ thỏa thích, làm rung động quyền lực và chống lại lòng kiêu căng và bạo lực.

Là người hành hạ hay bị hành hạ, là người thống trị bởi sức mạnh hay là nạn nhân của bạo lực, bắt buộc đức tin bởi vũ khí hay nhận chịu khổ nhục, trong lịch sử, không có một lựa chọn nào khác đối với những tôn giáo mới phát sinh.

Đạo Cao Đài có lựa chọn nào?

Cái vũ khí duy nhất của đạo là sự hiền từ ôn hòa, sức mạnh duy nhất của đạo là ngự trị trong sự mềm yếu. Đạo chỉ có thể chống lại những kẻ nghịch bằng sự nhẫn

nhục và tin tưởng vào chiến thắng cuối cùng của công lý; nó chỉ có thể tuyên bố tất cả bằng sự phục tùng luật pháp, không yếu hèn, sự ràng buộc không thể bác bỏ vào chơn lý xuất phát từ Thượng Đế, nó chỉ có thể cố gắng chứng minh bởi sự kiên quyết và sự bền vững, sự chân chính của sứ mạng thiêng liêng. Đó là cái mà đạo đã làm.

Và sức mạnh sử dụng nơi những kẻ ngược đãi phải bị khuất phục trước lòng can đảm anh hùng và trầm tĩnh, thừa nhận quyền sống của đạo, quyền hưởng tự do, tài sản duy nhất mà đạo đòi hỏi.

Chiến thắng của bạo lực, hôm nay đã bị giải giới, chỉ còn lại nơi Đạo Cao Đài sự chiến thắng cái ngu dốt của con người, sự mù quáng, sự hoài nghi của họ. Đó là những kẻ thù khác đáng ghê sợ!

Những tôn giáo khác, mà Đạo Cao Đài là tổng hợp, đã đương đầu với những kẻ nghịch trước Đạo Cao Đài, họ đã đạt đến thành công. Tại sao Đạo Cao Đài không thành công nơi đó, cũng như họ?

Người ta có thể trách cứ Đạo Cao Đài điều gì? Quá ư thiện tâm, quá ư thành thật, quá ư khoan dung? Có phải do đặt ra một ý tưởng quá rộng rãi, quá nhiều tình huynh đệ mà người ta có thể làm cho đạo tổn hại?

Trái lại, phải chăng trong sự dung hợp các tôn giáo khác nhau, mỗi tôn giáo vẫn giữ đức tin ban đầu của nó, cái đó là tinh túy tạo thành cho tất cả một loại sản nghiệp chung, mà nó phải tìm kiếm phương cách để ngự trị giữa hơn loại, tình huynh đệ và hòa bình thế giới?

Đây là cách thức mà Đức Chí Tôn, trong một Thánh giáo, giải thích sự cần thiết phải dung hợp các tôn giáo:

“Thuở xưa, các dân tộc không hiểu biết nhau và thiếu phương tiện vận chuyển. THẤY bấy giờ lập ra, vào những thời kỳ khác nhau, Ngũ Chi Đại Đạo gồm: Nho giáo, Thần giáo, Thiên Chúa giáo, Lão giáo, Phật giáo, mỗi tôn giáo đặt căn bản trên tập quán và phong tục của mỗi giống dân, được kêu gọi một cách đặc biệt để áp dụng những giáo lý ấy.

“Ngày nay, tất cả các phân trên thế giới đều được khám phá, hơn loại tự hiểu biết mình hơn, mơ ước một nền hòa bình thực sự. Nhưng vì lý do có nhiều tôn giáo như thế nên loài người không luôn luôn sống trong hòa hợp cùng nhau. Cho nên THẤY quyết định thống nhất tất cả tôn giáo thành một mối duy nhất để đem chúng nó trở về cái duy nhất nguyên thủy.

“Hơn nữa, Thánh giáo của các mối đạo trải qua nhiều thế kỷ, càng lúc càng bị biến đổi bởi chính những người lãnh sứ mạng truyền đạo, đến nỗi ngày nay THẤY nhất định đến chính mình THẤY hướng dẫn các con.”

Như vậy, toàn thế giới ngày nay phô bày sự truyền bá Đạo Cao Đài, thừa kế những giáo lý xưa đã chinh phục gần như toàn thế giới.

Nhiệm vụ sẽ khó khăn vất vả, vì như Thánh giáo mà chúng ta vừa đọc, loài người đã quên hết những nguyên tắc, quên cả giáo lý mà họ mong muốn chủ trương. Họ đôi khi bảo toàn từng chữ nhưng thường thường làm mất hết cái ý nghĩa tinh thần.

Nhiệm vụ sẽ khó khăn vất vả, vì nếu mảnh đất, nơi những nhà truyền giáo phải đến để chuẩn bị cho sứ mạng của họ, bị bỏ hoang mọc đầy cây cỏ vô ích hay độc hại, hơn thế nữa, mảnh liệt và đâm rẽ vững chắc hơn nhờ

tất cả dục vọng xấu xa của con người dùng bốn phân cho các thứ cây đó.

Không bao giờ, tuy nhiên, nhu cầu cần thiết cảm thấy ích lợi là nhắc nhở người đời biết rằng, tất cả mọi người đều là con của một Đấng Cha Chung, và rằng những vụ huynh đệ tương tàn rừng rợn diễn ra hôm qua thì nó sẽ sẵn sàng khai diễn ngày mai, gây ra sự đổ nát và đau khổ không chỉ cho chính họ mà còn cho con cái và cháu chắt của họ.

Đạo Cao Đài đồng nghĩa với hòa bình, tình huynh đệ, lòng bác ái. Có thể hàng triệu tín đồ Cao Đài sẽ dự tính một ngày nào đó, hy vọng gần đây, hồi tưởng và khuyên nhủ hướng dẫn họ vâng theo những phương ngôn bất hủ, được tìm thấy trong những Thánh thư bất cứ lúc nào, trong đó tóm tắt tất cả tri thức và tất cả minh triết: *“Hãy thương yêu nhau.”*

Quan điểm của Hội Thánh Cao Đài về bài phóng sự này như thế nào? Nhặt báo *La Vérité* cho chúng ta biết:

“Công việc nghiên cứu của chúng tôi có tính khách quan, cho biết rõ về Giáo hội chính thống của Đạo Cao Đài, nhận được của vị lãnh đạo cao cấp nhất của Đạo Cao Đài là Ngài Phạm Công Tắc một bức thư thú vị mà chúng tôi trích lục ra sau đây lời đính chánh về sự liên hệ của Đạo Cao Đài với Đạo Minh Lý.

Quý độc giả sẽ thừa nhận qua bức thư này, sự khoan dung rộng rãi của tinh thần Cao Đài, không chống lại một tín ngưỡng nào khác vì lý do không hợp thời hay không chính thống. Một thái độ như vậy làm vẻ vang cho các tín đồ Cao Đài, không cần tất cả quan điểm khác về xã

hội hay triết lý.

(Lời Tòa soạn)

Ngài Phạm Công Tác, vị lãnh đạo cao cấp của Đạo Cao Đài hay Phật giáo canh tân, Tòa Thánh Tây Ninh, gửi ông Chủ nhiệm nhật báo *La Vérité*, Nam Vang.

“Kính ông Chủ nhiệm,

“Hội Thánh Cao Đài và tôi, chúng tôi cảm động sâu xa về cảm tình cao cả của quý báo đối với tôn giáo của chúng tôi. Chúng tôi đã đọc bài phóng sự của quý báo với sự thích thú. Hơn nữa, đây là cơ quan duy nhất đã bình vực một cách đúng cảm quyền lợi của chúng tôi từ lúc khởi đầu. Chúng tôi có thể nói rằng, quý báo là bạn thân của chúng tôi.

“Bài phóng sự này rất hay trên mọi phương diện, chỉ trừ vài sai sót nhỏ về tài liệu khảo chứng mà chúng tôi xin quý báo vui lòng cho chúng tôi đính chánh:

“Đạo Cao Đài không xuất phát từ Minh Lý Đạo. Chúng tôi thừa nhận rằng Minh Lý Đạo được thành lập trước chúng tôi, nhưng khác biệt với chúng tôi về phương diện thần bí và triết lý. Sự thật là phong trào Thần linh học Việt Nam xuất hiện một cách tự nhiên, không có sự giúp đỡ của một khái niệm, một giáo lý hay một giáo điều ngoại quốc nào cả. Phong trào xảy đến không thể đoán trước được. Người ta có thể nói rằng, phong trào này gần như rất huyền diệu, như bị lôi kéo bởi một năng lực vô hình, sự biểu lộ tiềm ẩn. Hơn nữa, người ta cảm thấy phong trào này xảy ra trong khắp thế giới. Tất cả các tổ chức Thần linh học được tạo ra sau chiến tranh đều được phát sinh có lẽ từ một năng lực huyền bí.

“Bên cạnh Đạo Cao Đài, một nhóm trí thức tự lập ra

để tìm hiểu sự khả dĩ để hòa hợp hai nền văn minh Đông phương và Tây phương. Trong trường hợp này, họ thử đem lại gần nhau hai triết lý: Triết lý của Thiên Chúa giáo và triết lý của Khổng giáo. Sự toan tính thực hiện đáng được khuyến khích, vì lẽ đạo đức cao siêu của những nhà đại tư tưởng luôn luôn hướng về điều Thiện và Mỹ. Như vậy là có một nơi để cho các tư tưởng có thể gặp nhau và có thể hợp nhất.

“Biết được điều đó, nhóm trí thức Việt Nam ấy tự đặt ra cho mình bốn phận là chuẩn bị một mảnh đất cho sự hòa hợp thông đồng. Họ bắt đầu rất khiêm tốn, trước hết là làm một cuộc so sánh hai triết lý bằng cách tìm kiếm một trung gian. Họ thỏa mãn thấy được những tư tưởng vĩ đại không xa rời những nhà tư tưởng của loài người.

“Phân đạo đức thì duy có một, chỉ có phần thực hành là khác nhau. Nơi đây, đối với họ có một trở ngại hay một vướng mắc. Năng lực hành động không ở trong tầm tay của những người phạm như họ, mà nó ở trên trí tuệ của họ. Một phong trào nhỏ ngưng trệ xảy ra trong phong trào Cao Đài. Các nhà trí thức ấy tìm ra được một con đường: sự thống nhất của đức tin và của sự thực hành tất cả tôn giáo.

“Không cần thuật lại, quý vị có thể tiên đoán cái giá trị của sự toan tính như thế.

“Một trong những người bạn thân của nhóm trí thức từ nước Pháp thân hành đến là Đại úy Monet. Ông là nhà Thần linh học. Ông chú ý đến sự tìm tòi của nhóm trí thức này, nhưng sự thông thạo trong thực hành tất cả đức tin tôn giáo, ông cũng không thể biết hết. Ông khuyên các trí thức nên hỏi ý kiến của các Đấng Thần linh. Ông nói rằng, cần phải cầu viện sự giúp đỡ của cõi vô hình để chia bớt các khó khăn.

Lần thông công Thần linh học đầu tiên được ban cho bởi các Đấng Thần linh dưới hình thức là lời khuyên, trao cho họ cái chìa khóa mở các bí ẩn.

“Như thế, câu kết luận là: Đức tin có được từ Lương tâm, Lương tâm không thể tùy thuộc. Lương tâm có khác nhau tùy theo trạng thái tinh thần của mỗi cá nhân. Nó có tính vô ngã và không thể nhượng lại, bởi vì nó phát xuất từ Thượng Đế (Đại hôn của vũ trụ). Như vậy, sự tự do của Lương tâm cho tất cả mọi người được công bố, nhưng sự thống nhất trong tinh thần của Thiện và Mỹ bị bắt buộc, nơi đó phát sanh giáo lý mới của Đạo Cao Đài: giáo lý của sự khoan dung rộng rãi.

“Người ta có thể nói rằng, Đạo Cao Đài là một tôn giáo thuần túy triết học, trong khi đó, Minh Lý Đạo là một tổ chức chỉ có thờ phượng Tam giáo Đông phương: Phật giáo, Lão giáo và Khổng giáo, pha lẫn chút ít thần bí thô miên.

“Minh Lý đối với Đạo Cao Đài là một bạn thân trong sự biểu lộ về mặt xã hội, nhưng không là anh em ruột thịt.

“Chúng tôi ước mong có thể hội ngộ cùng Minh Lý Đạo trong việc thực hành điều Mỹ và Thiện mà chúng tôi đang làm nhiệm vụ truyền giáo.”

Ký tên: Phạm Công Tắc.

Và đây là một trong những đàn cơ nổi tiếng tại điểm gốc xuất phát Đạo Cao Đài:

“Đó là vào năm 1926, tôi cư ngụ trong một căn phòng của tòa nhà Audouit, hôm nay trở thành tòa nhà Huỳnh Đình Khiêm. Tại nhà tôi, có nhiều thanh niên nam nữ tới lui với tôi, họ là cựu học sinh trung học, chiến sĩ cộng hòa, đảng viên cấp tiến hay cách mạng.

“Một sáng Chúa nhật, một thanh niên lạ mặt tiến vào văn phòng tôi, ngồi xuống ghế đối diện và nói một cách tự nhiên, những lời nói không làm tôi ngạc nhiên: Thật vậy, tôi đã quen với cách viếng thăm và sự phát biểu ý kiến của kiểu người này.

– Thưa ông, bạn thân mến, nếu ông muốn thì chúng ta sẽ kết thân để cùng nghiên cứu triết lý và chánh trị. Ông hẳn biết hơn tôi những sự tương quan gắn liền hai hoạt động này.

Trong hoàn cảnh cơn sốt xã hội và chánh trị mà chúng ta sống trong thời kỳ đó, hình như xa cách lạ lùng với tôi, tôi không mấy ngạc nhiên khi đọc danh thiếp của vị khách viếng thăm: *Nhà cách mạng Việt Nam*.

Sắp trải qua kỳ thi Tú Tài phần thứ nhất, cậu con trai bạo dạn này bị đuổi học. Tội của cậu? Cậu đã viết thư cho ông Cognac, lúc đó là Thống Đốc Nam Kỳ, để phản kháng vài lời tuyên bố của ông. Kể từ lúc đó, cậu cật lực học sinh trung học bắt đầu đọc rất nhiều sách, chuyên sâu vào nhiều hệ thống triết lý khác nhau, tự thuyết phục mình cần phải làm cách mạng. Để biểu thị đức tin mới mẻ của mình, cậu không ngần ngại in danh thiếp của cậu như tôi vừa chỉ bên trên.

Sự bỗng bột của hạng người như bạn ấy thì rất nhiều mà ý tưởng làm tôi nghi ngờ bạn ấy là kẻ khiêu khích.

Sau đó, tôi mới nhận thấy bạn mới ấy là người rất thông thái, cậu ấy thông thạo triết lý tâm linh và đặc biệt Thần linh học làm cho cậu thích thú. Nhờ thế mà tôi biết được phong trào xây bàn và sự thông công bằng đồng tử.

Vào một buổi chiều tối của tháng 11, bạn tôi lập lại

cho tôi nghe nhiều lần sự huyền diệu của cái bàn xây mà cậu đã học trong các tác phẩm của những vị chủ xưởng Thần linh học Pháp mà ngày nay đã mất: Allan Kardec và Léon Denis; bấy giờ tôi tỏ ra một nghi ngờ quả quyết trên sự xác thực của các hiện tượng này, thách đố cậu ta thử thí nghiệm. Tức thì cậu dẫn tôi đến nhà của vị cầm đầu chánh thức của trường phái thần bí mới được phát sanh, mà diễn tiến về sau có ảnh hưởng lớn đến sự thành lập và phát triển Đạo Cao Đài: phái ấy tự xưng là “*Minh Lý Đạo*” có thể dịch nghĩa từng chữ: con đường của lẽ phải rõ ràng.

Tôi vội vàng nhìn nhận ở đây rằng, tôi được hiện diện với những người vô cùng dễ thương và chơn thật. Đó là những công chức khiêm tốn của các cơ quan hành chánh và thương mại, khao khát học tập và tự vươn mình lên trong xã hội, nhờ vào các nỗ lực thường xuyên của họ. Họ được 10 người và tự kết thành nhóm như một loại câu lạc bộ để bàn cãi về triết lý tâm linh và kể đó, khi những lý thuyết đã được đồng hóa, nhờ vào một qui tắc mà họ tự tạo ra để tổ chức và tôn thờ những vị Thánh Hiền của họ.

Tôi rất ngạc nhiên về kiến thức tâm linh cao siêu và rộng rãi của họ. Tất cả họ đều có khả năng thuật lại cho tôi nghe những Thánh giáo trong các tác phẩm lớn Thần linh học.

Hơn các thầy người Pháp của họ, họ thúc đẩy với sự táo bạo sử dụng Henri Durville, một nhà thần bí nổi tiếng, trong công việc tìm kiếm chơn lý.

Như thế, một trong những vị đứng đầu là ông Xung, rất muốn mở đầu mối quan hệ giữa tôi và nhóm của họ, bởi một thí nghiệm thôi miên trên người tôi, tác giả của những dòng chữ này. Tuy nhiên tôi thú thật rằng, tôi

không có một điều gì đặc biệt để kết luận một cách xác thật.

Sau khi bảo tôi nhắm mắt lại, ông ta làm những động tác khác nhau trong không khí với hai bàn tay mở rộng chung quanh cái đầu của tôi mà không chạm vào đầu. Sau 15 phút của sự sửa soạn thôi miên này, ông ra lệnh cho tôi, với một tiếng nói êm dịu và rõ ràng, nghiêng đầu qua một phía nào đó, hay thi hành vài cử chỉ với hai cánh tay, điều này tôi làm không khó khăn.

Những người tham dự là thành viên của nhóm, và bạn tôi, ông Xung, tỏ ra hài lòng thấy rõ về cuộc thí nghiệm. Tôi yêu cầu tham dự một đàn cơ quan trọng, ông Âu Kích, người được kính mến nhất của nhóm, lo sửa soạn đàn cơ này.

Trên một cái bàn dùng làm bàn thờ, ông Âu Kích cắm 9 cây đèn cầy theo hình tam giác. Sau diễn biến này, ông giải thích cho tôi biết, số 9 mà sự sắp đặt theo hình học đó bao hàm con số 3 (thật vậy, 3 góc trong tam giác) có một sự quan trọng tượng trưng, chỉ có những người đã thọ giáo mới có thể hiểu được. Lúc đó, các lễ dâng cúng khởi sự liên tiếp. Những tín đồ của nhóm làm lễ trước bàn thờ, ông trưởng nhóm Âu Kích quì ở chính giữa. Họ tụng kinh cầu nguyện Đấng Thượng Đế và các Đấng thiêng liêng. Sau khi dâng hiến tâm hồn thì tiếp theo là lễ Dâng Hoa, Dâng Rượu và Dâng Trà.

Tôi để ý trong các câu kinh của họ có những đề mục được biết của các tôn giáo khác ở Á Châu. Hơn nữa, giáo lý đại cương của họ không che đậy triết lý của họ là tổng hợp các tôn giáo: Phật giáo, Khổng giáo và Lão giáo.

Nhưng ở đây, thành linh, người đứng đầu vẽ trong

không khí những cử động lạ thường với cánh tay mặt của ông. Tất cả đều im lặng như bị phù phép. Ông Xung nói vào lỗ tai tôi rằng các Đấng thiêng liêng sắp thông công qua trung gian của ông Âu Kịch. Thật vậy, ông Âu Kịch cầm một cây bút chì lớn mà người ta đặt trước trên một cái bàn nhỏ với giấy trắng, tự đặt mình phận sự viết lại những lời nói thiêng liêng, đôi mắt nhắm lại. Người ta giải thích cho tôi biết rằng, ông ấy là đồng tử được các Đấng thiêng liêng ưa thích, được tôn kính bởi các tín đồ, rằng Đức Quan Âm Bồ Tát đã để tặng cho tôi, nhờ bởi phương cách của người đầu nhóm này.

Quả thật tôi rất hãnh diện được báo cho biết, qua những tiền kiếp của tôi, tôi đã hoàn thành nhiều công trình lớn lao và tôi bị đày xuống thung lũng đầy nước mắt này (cõi trần) để đền cái tội kiêu căng mà tôi đã phạm phải. Tôi là một kẻ kiêu căng khó chịu nổi trong nhiều kiếp liên tiếp.

Như thế, các bạn tôi tin tưởng đồng cốt, nghĩa là sự thông công với thế giới vô hình, do đó tin tưởng sự tồn sinh của linh hồn.

Khác với các tín đồ Công giáo, họ không nói về Địa ngục vĩnh cửu, nhưng nói về sự chuyển dịch của linh hồn, nó rời bỏ thể xác, có thể sống trên các địa cầu khác hơn địa cầu mà chúng ta đang sống. Họ tương đồng với các tín đồ Phật giáo, song với một hạn chế quan trọng là: Khi các tín đồ của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhìn nhận linh hồn con người có thể trở lại cõi trần ở trong thể xác của một con thú, thì những tín đồ của Minh Lý, tân thời hơn, chống lại lý thuyết này. *Luật hấp dẫn* thay thế sự chuyển dịch linh hồn theo Phật giáo, một cách bất ngờ trong đức

tin mới của họ.

Như thế, không cần thiết làm cho một người hung dữ trở lại kiếp sống trong lớp da của con heo hay con chó nơi cõi trần để đền những tội lỗi của kiếp trước. Hơn nữa, đó là trình bày Đấng Tạo Hóa dưới hình thức một quan tòa quá hung dữ!

Không! *Luật hấp dẫn* ngự trị trong không gian đủ cho sự công bình thiêng liêng. Người nào có một đời sống hy sinh sẽ thành Thần linh sau khi chết và nhờ Luật hấp dẫn, người đó sẽ đến một thế giới thanh cao trong vũ trụ. Trái lại, người hung ác, kẻ gian tham, tự họ sẽ rơi xuống, sau khi khởi hành từ trái đất, vào một hành tinh có điều kiện sinh tồn còn khổ cực hơn nữa. Tất cả diễn ra một cách tự nhiên và tự động, để có thể nói được như thế.

Mặc dầu những dòng chữ sau cùng này không mấy rõ ràng hay chưa chắc chắn về phương diện Thần linh học Latinh (Thần linh học anglo-saxon xác định không có sự trở lại địa cầu, nhưng có sự tiến hóa trong các địa cầu của vũ trụ).

Chúng ta hãy đi đến phần hữu ích của Đạo Cao Đài:

“Trong lúc đó, với sự chiến thắng của chủ nghĩa tư bản, cơ cấu kinh tế tộc trưởng cổ xưa của xứ Nam Kỳ bị tan rã. Bộ luật Gia Long chỉ công nhận pháp nhân tập thể của các làng xã và của gia đình, chính thật là chống lại chủ nghĩa cá nhân, và Bộ luật này hầu như bị bãi bỏ ở Nam Kỳ, nơi đây sự tự do cá nhân được công nhận nhiều hay ít bởi luật pháp tu chính, nó là lý do làm mất ảnh hưởng của Khổng giáo. Dù sao, Khổng giáo lập thành một tôn giáo với luật pháp, giáo sĩ, đền thờ, chớ không phải chỉ là

một nền luân lý.

Rõ ràng là trong các điều kiện ấy, uy quyền của người cha, cũng như uy quyền của người chồng, uy quyền của địa chủ ở Nam Kỳ có thể bị đe dọa nhiều hơn ở trong các nơi khác của nước Việt Nam, mà nơi đó Bộ luật Gia Long và Khổng giáo vẫn còn giữ được tất cả quyền hành.

Theo ý tôi, đây là lý do duy nhất để cho “*đức tin mới*” có chỗ phát sinh trong 20 tỉnh của Nam Kỳ.

... Nếu giáo lý của Đức Phật Thích Ca có thể chia nhỏ ra làm hai tông phái lớn: Đại thừa hay còn gọi là Bắc tông gồm Đông Dương với đông đảo tín đồ Phật giáo, và Tiểu thừa hay Nam tông ảnh hưởng lên nước Cao Miên và Lào. Tại sao giáo lý ấy không thể khoát lên cái hình thức tân thời của Đạo Cao Đài?” Chúng tôi bỏ qua những vụ ngược đãi Đạo Cao Đài trong quyển sách này.

Về tương lai của Đạo Cao Đài, có hai điều chú ý:

1.- Tuy rằng người ta có thể nói Khổng giáo là quốc giáo của nước Trung hoa và Việt Nam. Trong các nước này, quyền hành thiêng liêng và thế tục nhập chung lại trong tay của cùng một người: Hoàng đế, con của Trời, do đó Ngài là người chủ của linh hồn và thế xác của các thần dân. Để có một tôn giáo, phải có những đền thờ hay những giáo đường, những luật pháp tôn giáo và một giới giáo sĩ. Các điều kiện này được tập hợp trong giáo lý của Nho giáo. Đền thờ, phải chăng ở ngay trong nhà của người cha? Trong lúc đó, bộ sách Tứ Thư và Ngũ Kinh tóm tắt giáo lý đại cương của vị Thánh nước Lỗ: Đức Khổng Tử. Giới giáo sĩ là đoàn thể các Nho sĩ, họ nắm hai quyền: tâm linh và thế tục, giống như là một loại Hoàng đế, Thiên

tử, hay Giáo Hoàng.

Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản tại Nam Kỳ, xem như là hậu quả, hủy bỏ Bộ luật Gia Long, và sự hủy bỏ này là ưu đãi chủ nghĩa cá nhân, làm thiệt hại chủ nghĩa tập sản của Khổng giáo, làm sụp đổ các điều kiện thuận lợi cho sự tồn tại của Nho giáo. Vì vậy, một cách lịch sử, nó giải thích sự nảy nở của nhiều giáo phái mới và đáng kể nhất là Đạo Cao Đài.

2.- Đặc biệt là vào thế kỷ của chủ nghĩa tư bản quốc tế, sự phục hưng tôn giáo ở Việt Nam chúng ta thì đồng thời với phong trào Á Châu cũng cùng một bản chất, cùng một sứ mạng lịch sử. Bởi vì ở Nhật bản và Trung hoa, những phần tử bị dày xé bởi giai cấp trưởng giả phong kiến tìm cách tạo lập một siêu cấu trúc xã hội, lập ra một ngàn lẻ một chi phái Tân Phật giáo. Những tín đồ Cao Đài và Minh Lý ở nước ta nên đối chiếu giáo lý của mình với giáo lý của các tôn giáo phục hưng ở Trung hoa và Nhật bản.

... Tôi xin thêm rằng, Minh Lý Đạo chỉ là một giáo phái mới trong những giáo phái khác đã mọc lên như nấm. nhưng giáo phái Minh Lý có kỷ cương nhất, có kiến thức hơn hết về phương diện triết lý, có một lý thuyết được phô diễn hoàn toàn trong giáo lý đại cương của nó.

Đạo Cao Đài (nghĩa từng chữ: tôn giáo của Đài Cao) mà người sáng lập là Ngài Lê Văn Trung, liên hệ rất sớm với Minh Lý để mượn của giáo phái này: lý thuyết, sự thờ cúng, tổ chức nghi lễ. Nhưng trong lúc học phái tự hào của ông Âu Kịch chỉ hướng đến đào tạo một lớp người ưu tú, thì Đạo Cao Đài hướng đến quần chúng. Nhờ thế, Đạo Cao Đài phô bày những nét đặc trưng của một tổ chức tôn giáo quần chúng.

Sự khác biệt và sự phức tạp của các trường phái tôn giáo mới ở Nam Kỳ đã thấy nẩy nở từ năm 1926 là những nét đặc biệt của thời kỳ tư tưởng tự do và mãnh liệt.

Không thể kể hết các giáo phái, chúng ta chỉ kể các giáo phái quan trọng nhất: Minh Lý, Minh Thiện, Minh Tân, Cao Đài. Đến lúc Đạo Cao Đài tự phân nhỏ ra thành trường phái chính thống và không chính thống.

Ngoài những giáo hội của “*Phật giáo canh tân*”, mà tôn giáo này có quyền cho là xứng đáng trong triết học, chúng ta sẽ dự vào sự nẩy nở của một chi phái mà phần thực hành rất kỳ lạ. Không có một nghi ngờ nào, ở đây họ hoạt động trong sự hồi tưởng tính cách lãng mạn Trung hoa.

Thế nên, chúng ta đã thấy *Nguyễn soái Nguyễn Văn Diễm* với các tín đồ của ông, công khai chống lại giáo phái Tây Ninh. Được chất vấn bởi nhà cầm quyền về mưu toan xâm phạm Thánh địa Cao Đài, cả bọn họ đều từ chối trả lời.

Cũng tò mò về chi phái của *Nguyễn Kim Muôn*, ông này không sợ phô bày những lời nói khó che đậy về tín ngưỡng kết liền với chủ nghĩa khoái lạc của Hồi giáo.

Tất cả những giáo phái mà chúng tôi đã nói trên đây, đều phát sanh gần như đồng thời. Những giáo phái này đều dựa vào, tất cả không loại trừ, sự phục hưng Phật giáo đã bị phán đoán là lỗi thời.

Điều ngạc nhiên là xứ Nam Kỳ, xứ duy nhất trong các nước của Liên Bang, lãnh khởi xướng cách phục hưng tôn giáo mà nó dự phần, có lẽ nó không biết một phong trào rộng lớn hơn và tổng quát hơn bao gồm cả Trung hoa và Nhật bản.

Thật vậy, trong hai nước này, đáng kể là trong xứ mặt

trời mọc, người ta chú ý sự nảy nở của một ngàn lẻ một giáo phái Tân Phật giáo mà nó thực hành Thần linh học.

Giáo sư Chamberlain đã trình bày trước công chúng Âu châu những triết lý khác nhau của phong trào tôn giáo ở Nhật bản.

Nội dung xã hội của Đạo Cao Đài?

“Đạo Cao Đài liên hệ hoàn toàn đến quần chúng, giới giáo sĩ mới lúc đó được kết nạp trong số cựu Đốc phủ sứ, những địa chủ, những công chức, những chánh trị gia, những nhà trí thức, những văn sĩ. Những chi phái khác thì gồm những người thuộc giới trung lưu.

Phong trào này làm lo ngại cho giáo hội Công giáo, bởi vì đối với họ và Chánh phủ, Đạo Cao Đài là một đối thủ quan trọng. Một nhà chách mạng Việt Nam, phải chăng quả quyết rằng, “*Đạo Cao Đài là tôn giáo Gandhi mà không có Gandhi.*”

Vả chẳng, giáo lý đại cương của tín ngưỡng mới này ở đó để chứng nhận ngược lại; sự lo âu lớn nhất của tín đồ Cao Đài là tuân y theo luật pháp và các qui tắc hiện hành. Đạo Cao Đài khuyên bảo tín đồ không nên ganh tỵ với số phận của những kẻ giàu có. Thế rồi sao? Tại sao có bao nhiêu nỗi lo âu có thể phát sanh tại nơi gốc của phong trào này?

Đây là những lý do theo ý kiến của tôi. Trước hết, số đông đảo tín đồ là một trong những nguyên nhân chánh làm lay động chánh phủ kể từ lúc khởi đầu phát triển Đạo Cao Đài. Kế đó là sự hiện diện của các phần tử tiến bộ trong tân giáo hội là mối lo âu của chánh quyền.

Thật vậy, một số cựu chiến sĩ dân chủ hay quốc gia

không sợ gia nhập vào đức tin mới. Hơn nữa, họ lại giữ vai tuồng hệ trọng trong Đạo Cao Đài.

Số người nầy đếm được hàng trăm ngàn tín đồ được tuyển mộ nhưt là trong từng lớp nông dân và công thợ. Sự tiếp xúc hằng ngày với quần chúng và được cho biết về dĩ vãng của họ, những người lãnh đạo Cao Đài, một cách tự nhiên, bàn cãi những vấn đề xã hội, những vấn đề thời sự.”

Đó là phần cốt yếu của bài phóng sự nầy của báo *La Vérité*, xuất bản ngày hôm nay bằng một quyển sách thật đẹp có tranh ảnh, – một trong những tài liệu khách quan đầu tiên và hiếm có về “*Phật giáo canh tân*”.

Đạo Cao Đài, bởi đặc tính Thần linh học, thường lẫn lộn với những khuynh hướng tôn giáo mới của Trung hoa và Nhật bốn về tính chất thần bí. Chúng tôi có được nhiều tài liệu rất rõ ràng không cho phép chúng tôi nghi ngờ:

- Nước Trung hoa, từ nhiều thế kỷ, biết rõ về việc cấu cơ (báo *Psychic News*, Luân đôn, ngày 8-4-1939).
- Sự thờ cúng các Đấng Thần linh và sự thực hành các phép thuật (báo *Opinion*, Saigon, ngày 1-7-1937).
- Đức Đạt Lai Lạt Ma đã nói bằng một thổ ngữ của nước Đức (báo *La Ricerca Psichica*, Milan, tháng 11 năm 1938).
- Về sự phục hưng tôn giáo ở Nhật bốn (*Vers une économie fraternelle*, Kagawa, trang 18).
- Sự chiếu hình tinh tú, sự chấp bút, sự biến đổi vật chất : Nam tước Meck chứng minh rằng, ở Trung hoa, người ta đã làm thí nghiệm với những đồng

tử giỏi nhất (báo *The Two Worlds*, Manchester, ngày 16-12-1938).

- ▣ Nhà văn nữ Pearl Buck tuyên bố rằng, Đông phương và Tây phương phải dung hợp nhau (tạp chí *The New-York Times Magazine* (Nữu Ước thời báo) (ngày 20-11-1938).
- ▣ Cuộc thám hiểm khoa học của người Đức ở nước Tàu và Thái lan (*Gazette de Hongrie*, Budapest, 29-10-38).
- ▣ Cuộc tàn sát thú vật bởi người Do Thái (báo *The Two Worlds*, ngày 7-7-1939).
- ▣ Những Đại nhạc hội của Wesak (đại lễ của Phật giáo) (*The Occult Review*, Luân đôn, năm 1939, trang 167).
- ▣ Sự tồn sinh của quá khứ nơi người Nhật (*Tribune de Genève*, ngày 25-4-1939).
- ▣ Le Kuatsu hay nghệ thuật của người Nhật về việc gọi hồn người chết trở về (*O Astro*, Thánh Paul, Ba tây, 10-38).
- ▣ Thần linh học ở Trung hoa : Họ hồi sinh người chết! (*The Two Worlds*, ngày 7-7-1939).
- ▣ Cây ma quái ở Viễn Đông (nước Tàu), (*The Two Worlds*, ngày 14-7-1939).
- ▣ Thần đạo Nhật bốn (*Revue théosophique*, Ba-lê, tháng 12 năm 1935).
- ▣ Khổng Tử, Lão Tử và sự tồn sinh (báo *Light*, Luân đôn, ngày 20-7-1939).
- ▣ Phật giáo trong miền Bắc Ấn Độ và Miền Điện (báo *Light*, Luân đôn, ngày 20-7-1939).... vv.....

Những sự chống đối giữa tinh thần Âu châu với những quan niệm tôn giáo của Á châu thường bùng nổ luôn.

Trong tạp chí *La Nouvelle Revue* (ngày 1-9-1935), người ta có thể đọc thấy sự thú nhận về quyển sách tựa đề: *Phật giáo*, của ông Entai Tomomastu:

“Khi giới thiệu với chúng tôi quyển sách *Le Bouddhisme* của ông Entai Tomomastu, bạn tôi, dịch giả là ông Kui Matsuo, cũng chính là tác giả quyển sách: *Các chi phái Phật giáo của Nhật bốn*, cũng như nhiều sách triết học và dịch thuật giá trị, ông Matsuo viết thư cho chúng tôi: “*Quyển sách này không phải là một tác phẩm thông thái của một chuyên gia, nhưng chỉ là một tác phẩm dành cho những người tân thời và những trí thức hoài nghi.*”

Mặc dầu giáo lý của Phật giáo được trình bày rất giản dị, đối với chúng tôi, nó dường như không phải là tác phẩm này, và nhứt là cái triết lý mà nó muốn đặt vào tầm tay của tất cả những người nào có thể thấu suốt sâu xa những khối quần chúng Âu châu, cái nguyên lý “*vô ngã*” và nguyên lý “*nhân quả*” mà những tín đồ Phật giáo lãnh hội được đối với tâm trạng của những người Tây phương, bởi quá đối nghịch với những quan niệm của đa số người luôn luôn thích ném lên cái thực thể có tên là “*Số phận*”, trách nhiệm của những đau khổ của họ, hơn là thừa nhận nơi đó cái chơn lý: “*gieo nhân nào thì gặt quả nấy.*”

Trong tác phẩm của ông Entai Tomomastu, những gì làm chúng ta phải ghi lấy sự chú ý một cách đặc biệt là: Ngoài tâm lý học của Đức Phật mà tác giả khôi phục lại cái ý nghĩa sâu xa của con người, sự trình bày ý định thực hiện bởi vài nhà trí thức Nhật bốn muốn đem Phật giáo

trở lại cái nguồn gốc cao thượng của nó bằng cách giải tỏa những quan niệm của vài chi phái liên hệ cho rằng, đối với các tín đồ, sự tụng kinh cầu nguyện, sự thiển định ngôi kiết già và nhứt là sự dâng cúng các phẩm vật tạo thành điều cốt yếu.

Phong trào này được nhiều người chấp nhận và có cảm tình, nó dựa vào sự kiện mà Đức Phật, kể từ khi đắc đạo, luôn luôn quan tâm đến công đức nơi các hoạt động xã hội hơn là sự tụng kinh cầu nguyện háng hái hay là sự tu khổ hạnh chuyên luyện nhứt.

Phong trào này, khi nó còn thuần túy Á châu. Xứng đáng được mọi người trong nước chúng ta biết đến, bởi vì nó cho phép sự thích ứng của Phật giáo trong đời sống thực tế, nó có thể tạo được nhiều hậu quả quan trọng trong khắp thế giới.

Và nếu người ta xem xét không có một bản văn nào hiện hữu giúp dễ hiểu biết Phật giáo thì người ta phải cảm ơn ông Entai Tomomatsu và dịch giả trung thực của ông đã cho chúng ta một tác phẩm để thế cho lời giới thiệu vào sự nghiên cứu một triết lý đủ khả năng xuyên suốt không chỉ một thời kỳ mà tất cả thời kỳ, như tác giả nói với chúng tôi.

Sự chống đối bùng nổ còn mãnh liệt hơn, khi có một tin vật đăng trên báo như vậy: “*Những bí mật của các vị Thánh ở Ba Tây*”:

“Trong khi tờ báo “*Bulletin des Amitiés spirituelles*” (Tập chí của tình thân hữu tâm linh) (số 40 trang 17) chú trọng làm giảm bớt đức tin của các siêu nhân và đem họ về nơi Tiểu Quỷ vương kiêu căng ở trong một góc trời

của Đấng Tạo Hóa và muốn soán ngôi Thượng Đế, *O Pensamento*, tạp chí lớn đầu tiên của Thánh Paulo (Ba Tây) kiểm điểm lại những năng lực phát triển bởi những vị đặc pháp thần thông, bị khinh thường bởi Sédir (trang 396) và giáo phái cơ đốc của ông:

1. Khả năng liên hệ với những vật thể hành tinh của hệ mặt trời;
2. Vũ trụ của chúng ta không còn bí ẩn đối với họ vì lý do sự nhìn thấy bên trong của họ;
3. Sự biết được tương lai;
4. Khả năng hành động trên vật chất;
5. Sự truyền âm thanh đến một khoảng cách rất xa;
6. Ảnh hưởng giới hạn trên hành động của người khác;
7. Đọc được tư tưởng của người khác;
8. Hiểu được tự nhiên các thứ ngôn ngữ;
9. Khả năng kéo dài đời sống (thuốc trường sanh);
10. Sự lành khỏi các bệnh;
11. Năng lực phân thân. vv...

Đối với những kẻ tiểu đặc thần thông đáng khinh bỉ này, bị đóng trại trong một góc nhỏ của Đấng Tạo Hóa, cái này không phải quá xấu! Nhưng có điều đau khổ – và người ta đóng vai trò gì – là lấy những khả năng của những vị Thánh chống lại đạo đức của Đấng Christ, cáo giác họ như là kẻ xung khắc, để rồi đi đến việc giữ vững tinh thần của giáo phái, bởi sự “*dốt nát được vun trồng*”, thay vì mở rộng cánh tay về phía mọi người, không phân cao thấp khác biệt! Có nhiều người không sẵn sàng thể

hiện tình huynh đệ khắp thế giới, người ta chỉ thấy quá nhiều bởi những giới hạn, bởi những che khuất mà họ tìm cách bắt buộc người khác.

Báo *O Astro* ngày 1-5-1939 cho rằng vào năm 1926, ở Nhật bốn còn 71.281 ngôi chùa Phật được quản trị bởi 54.495 nhà sư; năm 1928 có 41.148.000 tín đồ Phật giáo trên tổng số 58.621.000 cư dân. Nơi đó, Thiên Chúa giáo thì thế nào trong quần đảo Nhật bốn? Theo báo *La Luz del Porvenir*, có mượn các chi tiết trong tờ báo cáo về Đại hội Thần linh học *Oomoto Internacia* (bằng thế giới ngữ), hôm nay bị giải tán, chúng ta tin tưởng, và những vị lãnh đạo của họ bị truy nã và bị giam cầm, 60 năm truyền đạo bởi những nhà truyền giáo chỉ độ được 250.000 người Nhật theo đạo, con số cố định mặc dầu có sự gia tăng vĩ đại về dân số trong những năm vừa qua. Cũng trong thời gian này, nhiều giáo phái mới và tôn giáo mới đặt căn bản trên Phật giáo và Thần giáo thu hút hàng ngàn tín đồ mới: như đạo Oomoto chẳng hạn, có số tín đồ nhiều hơn Thiên Chúa giáo.

KINH CẦU NGUYỆN NƠI CÁC TÍN ĐỒ ĐẠO CAO ĐÀI

TÒA THÁNH TÂY NINH ĐÃ GOM GÓP NHIỀU BÀI trong tạp chí *Revue Caodaïste* để làm thành sách và xuất bản năm 1936 dưới tựa đề: **Đạo Cao Đài** hay **Phật giáo canh tân** (Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ) với những dòng giới thiệu:

*“Những trang sách mà độc giả sắp đọc được trích trong tạp chí **Revue Caodaïste** xuất bản tại Sài Gòn.*

Chúng tôi đã cẩn thận gom góp lại, sắp đặt thứ tự và chỉnh đốn, làm thành một quyển sách nhỏ để giới thiệu với độc giả một bài tường thuật sơ lược về mục đích và về giáo lý của Đạo Cao Đài hay Phật giáo canh tân.

Có thể tập sách nhỏ nhoi này sẽ giúp cho các nhà sưu tầm chơn lý tự tạo một ý tưởng chính xác về lý tưởng Cao Đài trong những nét chính yếu.”

HỘI THÁNH CAO ĐÀI

Có lẽ người ta đã ghi nhận rằng, kinh cầu nguyện là phần quan trọng nhất trong sự thờ cúng của tín đồ Cao Đài. Thì đây, các Chức sắc của Đạo Cao Đài xác định điều đó:

“Người ta trách cứ chúng tôi là hấp thụ một cách vô

ích trong các bài kinh cầu nguyện dài, viện lý do là thời gian dùng cho nhiệm vụ đó phải được sử dụng tốt hơn.

Chúng tôi vui lòng nhìn nhận lý lẽ vững vàng của sự trách cứ ấy nếu những bài kinh cầu nguyện mà chúng tôi tụng chỉ là một bài đọc thuộc lòng đơn điệu buồn tẻ, có những tiếng khó hiểu, không biểu lộ một tâm tư nào cả.

Nhưng nếu thực hành với trí thông minh và lòng nhiệt thành, có khí lực đầy thấm thía, lời cầu nguyện, động tác của đức tin, không chỉ là động tác tôn sùng mà còn nâng cao tâm hồn của chúng ta, một sự nhẩy vọt của tâm hồn chúng ta đến Thượng Đế.

Trong tình trạng hiện nay của sự tiến hóa tôn giáo, khối tín đồ Cao Đài cần tạo một ý chí giúp họ chống lại sự cám dỗ của vật chất trong tất cả mọi cảnh ngộ và tự bao bọc quanh mình một ngoại cảnh trong sạch, xa cách những tư tưởng xấu và những ảnh hưởng thấp trược của không gian.

Cái ý chí đó, để được hiệu quả, phải được đức tin nâng đỡ. Nay việc tụng kinh lập lại nhiều lần củng cố được đức tin quý báu, đồng thời nó giúp cho thu hút, bởi sự trong sạch của tâm hồn, năng lực bảo hộ từ thế giới vô hình.

Phần khác, không có gì say mê hơn, tuyệt diệu hơn là trở về nội tâm của chính mình ta, mỗi ngày dành ra vài giờ thành tâm cầu nguyện, quên hết các công việc của thế gian để nâng cao tư tưởng của ta hướng tới Thượng Đế, lúc đó chỉ có ta và Ngài mà thôi.

Đó là mục đích của việc tụng kinh cầu nguyện mà người tín đồ bình thường phải thực hành hằng ngày. Mai sau, khi được tiến hóa lên một đẳng cấp cao hơn, họ biết

đem sự tụng kinh cầu nguyện trở về hình thức trăm tư hướng nội: sự thiên định.

Về phương diện cầu nguyện, chúng ta tụng kinh để cầu nguyện cho những người bệnh hoạn đau khổ, chúng ta cầu xin Đấng Thượng Đế, không phải để cho họ hưởng thụ của cải vật chất lợi ích cá nhân, mà cho họ được mau chóng hồi phục sức khỏe hay được ân huệ nâng đỡ tinh thần, giúp họ chịu đựng không yếu hèn một thử thách hay một quả báo.

Chúng ta cũng cầu nguyện cho những linh hồn đau khổ bất hạnh, cầu xin các Đấng thiêng liêng từ bi tha thứ cho họ.

Làm được như thế, việc tụng kinh cầu nguyện tạo nên một trong những việc làm cần thiết cho sự cứu độ linh hồn.

Những người nào có vài kinh nghiệm tôn giáo, nói về vấn đề tôn giáo, không từ bên ngoài, (giống như là một việc hiếu kỳ có giá trị với người khác: nói một cách tổng quát, đó là quan điểm của các ký giả ở Ba-lê), nhưng mà từ bên trong, công nhận một sự khôn ngoan lớn nơi các dòng chữ đơn giản này.

CHỦ NGHĨA TƯỢNG TRƯNG CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

Trong cùng quyển sách nói trên, chúng tôi trích ra các đoạn (trang 21):

“Từ lương tâm, con người giữ được những bốn phận đối với Đấng Thượng Đế đã tạo ra con người, những tình cảm sùng bái được sanh ra. Toàn thể các hành vi cử chỉ mà chúng ta bày tỏ với Đấng Thượng Đế những tình cảm

tôn sùng, hợp thành việc thờ cúng. Sự thờ cúng trong Đạo Cao Đài cũng giống như vậy.

Những tín đồ Cao Đài, mỗi ngày tự thực hành việc cúng kiếng trong các Thánh Thất cũng như tại các tư gia, vào bốn thời (Tứ thời): lúc 6 giờ, lúc giữa trưa, lúc 18 giờ, kể đó là lúc nửa đêm.

Quì lạy trước Thiên bàn trong sự phấn khởi của tâm hồn chúng ta hướng lên Thượng Đế, chúng ta bắt đầu tụng kinh dâng hương (Niệm Hương), kể đến là bài Khai Kinh.

Tụng xong hai bài kinh này, chúng ta đồng thanh tụng bài kinh Xưng Tụng Ngọc Hoàng Thượng Đế, kể đó là ba bài Xưng Tụng ba vị Giáo chủ Tam giáo.

Như vậy, nghi thức cúng thường ngày rất đơn giản.

Còn như việc cúng kiếng trong các Thánh Thất vào các ngày đại lễ thì nghi thức long trọng hơn nhiều.

Các Chức sắc nam, trong bộ lễ phục mà màu sắc được qui định bởi cái phái của mình, quì cúng theo hàng ngang trên chiếc chiếu trải ra trước Thiên bàn, quay mặt lên Thiên bàn.

Ở phía bên phải của họ và trước bàn thờ Đức Quan Thánh Đế Quân, những nam tín đồ quì trên một chiếc chiếu khác, tất cả đều mặc y phục toàn trắng với khăn đóng đen truyền thống trên đầu.

Ở phía bên trái và quay mặt lên bàn thờ Đức Quan Âm Bồ Tát, các nữ tín đồ quì xuống y như các đồng đạo của họ bên phía mặt, họ cũng mặc toàn trắng. Còn phần các Chức sắc, họ phân biệt với các tín đồ thường bởi y phục kiểu đặc biệt của họ.

Các bài kinh cầu nguyện đều y như nhau, nhưng ở đây các bài kinh được hòa nhạc và được tụng theo sự điều khiển của những câu xướng do các lễ sĩ.

Sự thờ cúng của Đạo Cao Đài, ngoài các cử chỉ tôn sùng, bao hàm chủ nghĩa tượng trưng mà theo cách chỉ dẫn đơn giản, chúng tôi chỉ giải thích sơ lược cho quý độc giả:

Sự sắp đặt trên Thiên bàn, như ông G. Coulet mô tả, chỉ là biểu tượng của sự dung hợp thống nhất của Ngũ Chi Đại Đạo. Những vật thờ cúng và những phẩm vật hiến lễ, vv... mang những dấu ấn bí mật, một ý nghĩa tượng trưng.

Vật thờ cúng: Chính giữa bàn thờ là một cái đèn bằng thủy tinh hình cầu, được đốt cháy luôn luôn, là đèn Thái cực (Thái cực đăng), tượng trưng ngôi Thái cực của vũ trụ.

Nơi nguồn gốc của các thời đại, vũ trụ được tạo ra bởi Thái cực, đó là Đại hỗn vũ trụ, là hình thức không biểu lộ của Thượng Đế.

Bởi sự biểu lộ của Thái cực, liên tiếp hiện ra hai hình trạng: Âm và Dương (Lưỡng nghi) được tượng trưng trên bàn thờ bằng hai ngọn lửa cháy (Lưỡng nghi quang).

Phẩm vật hiến lễ: Những phẩm vật hiến lễ là: Hoa, Rượu và Trà, tượng trưng theo thứ tự ba phần tử cấu tạo con người: Tinh, Khí và Thần.

TINH: Ấy là danh từ chỉ cái tinh túy của vật chất, cái tinh ba của vũ trụ, không có nó thì không có sự sống nào thể hiện ra được. Đó là năng lực giới tính của con người và thú vật, đó là năng lực nảy mầm của thảo mộc. Bởi sự bốc hơi, Tinh ở trong thân thể con người tạo ra phần thô sơ của chơn thần. Nó thuộc xác thân thiêng

liêng, còn thịt da là của xác thân vật chất.

KHÍ: Dịch nghĩa theo từ ngữ là: hơi thở, nơi con người nó là sức khỏe, sức mạnh, sinh lực. Trong Chơn thân, nó là tác nhân liên kết giữa linh hồn và xác thân vật chất mà chính nó làm sống xác thân vật chất.

THẦN: Nguyên lý trí tuệ, nơi con người thì chia làm hai: – Thần bậc trên, gọi là Dương thần hay Hồn, là tinh thần thiêng liêng của con người. – Thần bậc thấp, gọi là Âm thần hay Phách, là phần tinh vi nhứt của Chơn thân.

Sự chuyển đổi năng lực giới tính thành năng lực sống (Luyện Tinh hoá Khí); chuyển đổi năng lực sống thành năng lực tinh thần (Luyện Khí hóa Thần); chuyển đổi năng lực tinh thần thành sức mạnh tâm linh (Luyện Thần hoàn Hư).

Như thế đó là tiến trình tinh luyện thân bí Tam thể xác thân của con người.

Về phần các cây nhang mà chúng ta đốt lên trong mỗi thời cúng, con số nhứt định là 5. Con số ấy tượng trưng 5 trình độ thọ pháp luyện đạo:

1. **Giới hương:** sự trong sạch.
2. **Định hương:** thiền định.
3. **Huệ hương:** trí huệ.
4. **Tri kiến hương:** hiểu biết hoàn toàn.
5. **Giải thoát hương:** sự sạch nghiệp (giải thoát khỏi luân hồi)

Để được thấu nhận vào ngưỡng cửa thọ pháp, điều kiện đầu tiên đối với người tín đồ là phải trong sạch dưới tất cả hình thức: trong sạch về thể xác, về hành động, về

ngôn ngữ và trong sạch về tư tưởng.

Một lần vượt qua được ngưỡng cửa thọ pháp, người tín đồ cần chuyên chú vào việc thiền định. Nhờ sự tu luyện tâm linh này, tư tưởng và cảm giác của người tín đồ tự tách riêng ra khỏi thế giới cảm giác, người tín đồ nâng cao linh hồn hướng đến ngôi nhà của mình ở cõi trên với sự tương xứng sâu sắc. Trong sự đối diện với trầm tư mặc tưởng nội tâm này mang đến sự trừu tượng hoàn toàn hơn và nơi đó, tâm hồn con người tự đồng hóa với Đại hồn vũ trụ. Những chơn lý được chói sáng dần dần trong trí não của người tín đồ, không một cái gì nơi thế gian có thể lừa gạt được anh ta bởi cái vẻ huyền hoặc bên ngoài.

Ở một trình độ tiến hóa cao hơn, người tín đồ cảm thấy nơi người anh ta đây thức tỉnh của sự hiểu biết siêu việt làm cho anh ta cảm biết tất cả các chơn lý vĩnh cửu và không cần cố gắng, cũng ôm chầm được toàn thể quá khứ và tương lai. Trong trạng thái trí huệ cao tột đó, anh ta có thể chiêm ngưỡng ánh sáng thiêng liêng, không bị chói mắt, thứ ánh sáng để thanh lọc, sáng láng và gia phúc. Nay trước mặt anh ta mở ra con đường giải thoát: sự dứt sạch các nghiệp báo (giải thoát khỏi luân hồi).

Chủ nghĩa biểu tượng này vừa đơn giản vừa mạnh mẽ, gây ra một bài học lớn về xây dựng và phổ thông tình huynh đệ của nhơn loại:

Vì của cải mà loài người bị đau đớn và khổ não, cần phải làm cho tất cả mọi người quên đi lợi ích cá nhân để chỉ nghĩ tới lợi ích của đoàn thể, cần phải dung thứ cho nhau trong tất cả những biểu hiện của tư tưởng và của đức tin, sau cùng cần phải chứng tỏ cho những người này người khác sự khoan dung rộng rãi hơn.

Người ta có thể biện bác rằng, tình trạng hiện tại của tâm lý như loại đang hướng về sự ích kỷ hơn là vị tha; nói về tình huynh đệ đại đồng thì như là mơ tưởng hão huyền. Sự biện bác đó được thừa nhận một cách đau khổ và tồn tại như thế khi nào con người tự nhận thức mình là thể xác hơn là tinh thần; bởi vì Bà Annie Besant đã nói: “*Vật chất lớn lên nhờ thu hút chung quanh nó, nhờ luôn luôn chiếm đoạt những cái gì ở bên ngoài nó và sáp nhập vào những cái mà nó đã có. Những vật thể vật chất trong sử dụng thì hao mòn và cuối cùng tiêu mất hết, và vì số lượng của chúng được giới hạn, mà những người muốn sở hữu chúng thì nhiều, nên sự tranh đoạt nổi lên giữa họ. Thật vậy, lợi lộc và sự sở hữu là điều kiện của thành công vật chất.*”

Nhưng khi con người bắt đầu tự nhận thức tinh thần hơn thể xác, nó hiểu rằng, chia sẻ và bố thí là những điều kiện của sự tăng trưởng và hùng mạnh. Thật vậy, những tài sản tinh thần tăng trưởng khi sử dụng, nó không bao giờ tiêu mất; khi nó được ban phát, nó sinh sản thêm; khi nó được chia sẻ, sự sở hữu, sự đồng hóa chỉ làm cho nó hoàn toàn hơn.

Tình huynh đệ phải có gốc rễ trong tinh thần và tràn lan ra ngoài, xuyên qua các lãnh vực trí tuệ và cảm xúc, để sau cùng tự khẳng định trong thế giới vật chất. Tình huynh đệ không bao giờ có thể được thiết lập bởi những luật lệ bắt buộc từ bên ngoài, nó phải chiến thắng bằng tinh thần tuôn ra từ nội tâm.”

Một ngày kia, vua Cung Vương của một nước chư hầu là nước Sở, làm mất một cây cung săn bắn. Các quan hầu cận sửa soạn đi tìm cây cung thì Cung Vương ngăn lại nói rằng: “*Tìm nó làm gì! Hãy biết rằng chúng ta không*

mất gì cả, khi cây cung bị thất lạc bởi một người dân nước Sở thì sẽ được tìm thấy bởi một người dân khác của nước Sở.”

Đức Khổng Tử nghe thuật lại các lời nói này, Ngài bình luận: “*Tiểu thay những tình cảm huynh đệ của Cung Vương bị giới hạn! Sao nhà vua không nói: Một người làm mất cung, một người khác sẽ tìm thấy cung.*”

Phát biểu như thế, quan niệm về tình huynh đệ đại đồng của đại triết gia Trung hoa hiện ra tốt đẹp hơn, cảm kích hơn trong sự vẫn tắt mạnh mẽ.

Trên mảnh đất chói lọi tình huynh đệ nơn loại, những tín đồ của Đấng Christ và con cháu của Hiram, những tín đồ của Phật Thích Ca, Khổng Tử, Lão Tử và những người hâm mộ Thông Thiên học, Thần linh học, Huyền học, gặp nhau hợp nhứt trong ý chí chung là xây dựng Đền Thờ của Nhân loại. Tất cả hãy giúp đỡ, hơn chính chúng nó nữa, vào sự hợp nhứt tình huynh đệ này, vào sự hợp tác xây dựng này, để rồi chúng ta không hổ thẹn lâu dài về những tội lỗi và những việc làm tàn ác, cho đến bây giờ chúng ta đã làm đổ máu biết bao nhiêu thế kỷ của lịch sử! Đã đến lúc chuộc lại bao nhiêu sự tàn bạo trước đây!

Chúng ta hãy cầu nguyện!... Chúng ta hãy thiên định!... Chúng ta hãy trở nên những giáo đường sống!...

Để đạt đến đỉnh cao, sau nhiều thử thách, tín đồ Cao Đài tùy ý xin vào tu luyện nơi Tịnh Thất.

Tịnh Thất là nơi mà người tín đồ được thâu nhận để được thọ truyền bửu pháp.

Tất cả tín đồ xin vào Tịnh Thất được thâu nhận phải tuân theo những qui tắc sau đây:

- *Điều thứ 1:* Phải làm tròn Nhơn đạo và ăn chay trường trên 6 tháng.
- *Điều 2:* Phải được giới thiệu bởi một tín đồ có đức hạnh hơn mình.
- *Điều 3:* Tất cả liên lạc thơ từ với bên ngoài bị cấm hẳn, trừ ra với cha mẹ với điều kiện được Tịnh chủ đọc trước.
- *Điều 4:* Phải từ chối sự tới lui Tịnh Thất đối với tất cả những người ngoài tôn giáo, dầu là quan chức hay thân tộc của tín đồ.
- *Điều 5:* Cấm không được chuyện vãn với người ngoài, tuy nhiên có thể tiếp rước sự viếng thăm của cha mẹ hay con cái sau khi nhận được sự cho phép của Tịnh chủ.
- *Điều 6:* Phải nhịn ăn trâu, hút thuốc và nhịn ăn các thứ chi ngoài các bữa ăn dọn ra trong Tịnh Thất.
- *Điều 7:* Phải giữ tinh thần an tịnh, lương tâm yên lặng. Phải sống thuận hòa với các bạn trong Tịnh Thất và tránh nói chuyện lớn tiếng, phải giúp đỡ họ trong việc tu luyện.
- *Điều 8:* Phải vâng theo tất cả mạng lệnh của Tịnh chủ và thực hành các bài tập luyện tinh thần theo những qui tắc giờ khắc ấn định bởi Tịnh chủ.

Có bao nhiêu người Tây phương say mê cầu nguyện?

Tôi muốn nói sự cầu nguyện tự nhiên và tự do.

Có bao nhiêu người Tây phương say mê thiên định?

Vâng, phải lập lại điều nầy: về vấn đề tâm linh, chúng ta, những người Tây phương là những người dốt.

... Cả đến Đấng Tạo Hóa chỉ là ảo tưởng, một chim môi giả, một danh từ, sự cầu nguyện sẽ vô ích, sự thiên định sẽ vô ích. Trong cái dốt nát thô tục của chúng ta, trong sự chống đối tôn giáo điên cuồng của chúng ta, chúng ta loại trừ cái này cái kia khỏi sự thực hành thường ngày của chúng ta, khỏi những bài tập luyện tinh thần của mỗi ngày! Nhưng đây này, có lẽ một khoa học mới: Sinh vật học vũ trụ (với thi hào Théo Varlet), đem chúng ta đến đó, một cách hoàn toàn êm ái mà không có lót nỉ, để chúng ta không kinh hoàng. Những nhà trí thức lớn là hạng người ưa làm nũng, không hề thích nhận mình là kẻ lấm lẩn...

NHỮNG LỜI KHUYÊN GỬI ĐẾN MỘT TÍN ĐỒ CAO ĐÀI ÂU CHÂU

Phật giáo canh tân, đó là sự khoan dung rộng rãi, là điểm nối của tất cả các con đường, cho đến bây giờ, được theo đuổi bởi các dân tộc muốn tiến đến Thần linh. Người ta sẽ la lên rằng chúng tôi tự cao tự đại. Phải chăng chúng ta không đau khổ nơi gương Đấng Cứu Thế để làm chút ít việc thiện chung quanh chúng ta?

ĂN CHAY: Quý vị có thể bắt đầu giữ 10 ngày chay hằng tháng. Nếu chúng ta từ bỏ ăn mặn, đó là vì chúng ta muốn tránh đau khổ cho các con vật kém tiến hóa hơn chúng ta, chúng nó cũng biết đau đớn như chúng ta. Nói theo y học, con người, bởi sự cấu tạo, không phải để nuôi sống bằng thịt, mà cơ quan tiêu hóa của con người chịu đựng không nổi. Hơn nữa, các động vật bị bệnh như chúng ta, khó mà nhận biết được và người ta có thể ăn phải các phần bệnh hoạn đó. Những bệnh hoạn của con người, nhập thêm bệnh của con vật, sẽ tạo ra những bệnh

khác nữa, mà y học còn bất lực để khám phá bản chất và còn bất lực trong việc chữa trị.

Ăn chay, một cách tổng quát, đem đến cho con người sự hiền dịu mà con người thì phải luôn luôn mạnh khỏe thể xác và tinh thần.

Đó chỉ là vấn đề thói quen; chúng ta cũng chỉ đòi hỏi 6 ngày chay trong tháng đối với những tân tín đồ.

BÀN THỜ: Vâng, chúng ta phải có một bàn thờ. Tất cả những gì mà quý vị nói trong lá thư chỉ là sự thật chính xác. Phải luôn luôn để cho ý tưởng cảm thông với Thần linh và cái bàn thờ là nơi để nhắc nhở chúng ta. Việc tụng kinh tập thể vào giờ nhứt định, một cách thật sự, đặt tinh thần của mỗi người chúng ta vào trong một cộng đồng tư tưởng và cho một phản chiếu nơi cõi thiêng liêng mà THẤY của chúng ta điều khiển. Đấng Christ há không nói rằng, nếu chúng ta đặt hai người để cầu xin ơn huệ trong sự tụng kinh cầu nguyện thì nguyện vọng của chúng ta sẽ được chuẩn nhận. Nay chúng ta có thể tự đặt tinh thần dưới chân của Đại Từ Phụ.

Người Âu châu, hơn là người Á châu, phải luôn luôn có một bàn thờ trong nhà. Thật vậy, người Âu châu làm việc nhiều hơn người Á châu, vì đời sống làm cho họ khó khăn hơn và anh ta phải tranh đấu từ sáng đến chiều vì lương thực hằng ngày. Và bàn thờ là nơi để nhắc nhở anh ta bốn phận đối với Đấng Tạo Hóa khi anh ta trở về nhà.

Cần phải tránh những nghi lễ rườm rà, làm cho có cảm tưởng là chủ nghĩa lừa bịp hay tà giáo, nhưng cũng không nên bãi bỏ tất cả. Những nhà trí thức, nhà bác học, thường mang những cực đoan: họ là hoặc vô thần

hoặc sùng đạo đôi khi đến chỗ không khoan dung, chưa nói là cuồng tín.

Chúng ta hãy ở trong sự Trung Dung như Đức Khổng Tử đã khuyên dạy chúng ta điều đó.

Trường hợp có người chết, các huynh đệ Cao Đài chúng ta phải tập hợp lại càng nhiều càng tốt, để tụng kinh cầu nguyện chung. Những sự cầu nguyện này có mục đích giúp linh hồn người chết thoát ra thể xác dễ dàng bởi sức mạnh của tư tưởng tập trung, để chúng ta đưa linh hồn người chết lên những tầng trời mà những cố gắng riêng của người chết không thể lên đến đó được.

Đối với quý vị, hãy mơ ước sống khá lâu để truyền bá đức tin mới này, để tôn vinh THẦY thiêng liêng của chúng ta.

Đối với chúng tôi, chúng tôi biết rằng, cái chết ở thế giới này chỉ là sự phục sinh trong cõi vô hình, sự chết không làm chúng ta sợ hãi, trái lại, nó là sự giải thoát. Tuy nhiên, trong lúc người ta có thể còn làm được một ít việc thiện vật chất và tinh thần chung quanh mình, người ta cần phải sống khá lâu để hoàn thành sứ mạng của chúng ta.

Chúng ta chỉ có thể tiến hóa và đến gần các Đấng thiêng liêng bởi sự hoàn hảo đạo đức của linh hồn, bởi những hành động từ thiện và bác ái. Đó là những phương pháp duy nhất giúp chúng ta đi vào trong cõi riêng biệt của Thượng Đế.

CHỨC SẮC: Sự cai trị cần khôn vũ trụ của Đấng Thượng Đế gồm có hai ngành khác nhau: một ngành cai trị linh hồn và vật thể, ngành kia là đào tạo và giáo dục.

Đa số các Đấng sáng lập tôn giáo chỉ thuộc ngành

thứ nhì: ngành của các huấn luyện viên. Các Đấng ấy là những nhà lập pháp vĩ đại của Thượng Đế nơi thế gian. Vì Đấng Thượng Đế không muốn trên thế gian này, một người một mình nắm tất cả quyền hành thiêng liêng, nên Ngài chia quyền hành ấy ra làm hai và giao phó cho hai Chức sắc cao cấp nhất: Giáo Tông và Hộ Pháp.

1.- Giáo Tông: cầm quyền chưởng quản Cửu Trùng Đài. Cửu là 9, Trùng là từng trời, Đài là lầu đài (Chín bậc của hệ thống đẳng cấp thiêng liêng, tượng trưng 9 từng trời).

2.- Hộ Pháp: đảm nhận Tư pháp của đạo, trông nom việc áp dụng luật pháp, và là chưởng quản Hiệp Thiên Đài (nơi liên lạc giữa Thượng Đế và Nhơn loại). Hiệp là hợp lại, Thiên là trời. Trời hiệp với Người hay là Người hiệp với Trời.

– **Đức Giáo Tông** được giúp đỡ bởi những Chức sắc liệt kê trong sách “*Đạo Cao Đài hay Phật giáo canh tân*”, trang 35 và tiếp theo ở chương: Đạo luật.

Những Chức sắc của phái Nho (hay phái Ngọc) mặc áo tràng màu đỏ, ý nghĩa là quyền hành.

Những Chức sắc phái Phật (hay phái Thái) mặc áo tràng màu vàng nghệ (tượng trưng đạo đức).

Những Chức sắc phái Tiên (hay phái Thượng) mặc áo tràng màu xanh da trời, tượng trưng sự khoan dung hay chủ nghĩa hòa bình.

Chỉ có Đức Giáo Tông và Chưởng Pháp phái Thượng mặc đạo phục màu trắng.

Những Chức sắc nữ cũng mặc đạo phục trắng.

Những Chức sắc đồng phẩm, dầu thuộc phái Ngọc hay phái Thượng, phái Thái đều có quyền hành như nhau, điều này được qui định trong Đạo Luật kể trên, họ chỉ phân biệt nhau bởi màu sắc của đạo phục.

Khi một trong những Chức sắc này ở duy nhất trong một Thánh Thất thì ông là người chỉ huy, có phận sự trông nom tất cả và thông thạo tất cả.

Khi có nhiều Chức sắc trong cùng một Thánh Thất, người đứng đầu của Thánh Thất có thể giao phó cho các Chức sắc khác những công việc tùy theo sự căn cứ trên năng lực hay kiến thức của họ, hoặc trên phái của họ.

Chức sắc phái Ngọc có thể đảm nhận về nhân viên, nghi lễ, trật tự.

Chức sắc phái Thượng lo việc tổ chức nội bộ, công việc văn phòng, đào tạo và giáo dục tín đồ, các hội từ thiện.

Chức sắc phái Thái lo về tài chánh, công việc kiến trúc và những dịch vụ khác.

– **Đức Hộ Pháp** được phụ tá bởi những cộng sự viên sau đây:

- **Thượng Phẩm** hướng dẫn các chơn linh đến Niết Bàn.
- **Thượng Sanh** trông nom như sanh và đưa như sanh về con đường Đạo (con đường Chơn lý).

Mỗi vị trong ba Đại Chức sắc này có 4 cộng sự viên trực tiếp của các Chi sau đây (giải thích một chút vắn tắt):

* **Chi Pháp** (Bí pháp) có Đức Hộ Pháp chủ quản, điều khiển:

- **Bảo Pháp**, người bảo hộ các luật pháp đã thiết lập

(bên cạnh Bí pháp).

- *Hiển Pháp*, người tìm kiếm cái Thiện và Mỹ cho sự hoàn hảo của những gì hiện hữu.
- *Khai Pháp*, người truyền bá.
- *Tiếp Pháp*, giúp đỡ việc áp dụng luật pháp và tiếp nhận tất cả khiếu nại và khuyến nhủ.

* **Chi Đạo** (Đạo pháp) có Thượng Phẩm chương quản, trông nom: *Bảo Đạo, Hiển Đạo, Khai Đạo, Tiếp Đạo* (cùng một quyền hành như trên nhưng chỉ trong Chi của mình).

* **Chi Thế** (Thế pháp) có Thượng Sanh chương quản, trông nom: *Bảo Thế, Hiển Thế, Khai Thế, Tiếp Thế* (cùng một quyền hành như trên nhưng chỉ trong Chi của mình).

15 vị Chức sắc này tạo thành một Hội đồng có quyền về tư pháp và kiểm soát.

Các vị này thông công với Đấng Thượng Đế và các Đấng thiêng liêng bởi năng lực đồng tử của họ.

Các vị này được trợ giúp bởi một cơ quan có 12 vị Hàn lâm (Thập nhị Bảo Quân) mà chỉ có vài vị được bổ nhiệm.

Để tiến lên các phẩm vị này, phải bắt đầu từ các phẩm vị: *Sĩ Tài, Truyền Trạng, Thừa Sứ, Giám Đạo, Cải Trạng, Chương Ấn* và *Tiếp Dẫn Đạo Nhơn*.

Khi vị Tiếp Dẫn Đạo Nhơn cải hóa được một quốc gia, ông có thể tùy theo chỗ khuyết mà tiến lên lần lượt đến một trong các phẩm vị: *Tiếp*, kế đó *Khai*, sau đó *Hiển*, tiếp theo *Bảo*, và đến một trong ba phẩm Chức sắc cao cấp nhất đã liệt kê bên trên. Cũng tùy theo sự thủ đắc trên, ông sẽ được vào một trong ba Chi: Pháp, Đạo, Thế.

Những Chức sắc cao cấp của Hiệp Thiên Đài được giao phó việc đào tạo và giáo dục nhưn sanh, việc tư pháp của Đạo và kiểm soát các hành vi của Chức sắc Cửu Trùng Đài, tuy nhiên, không có quyền xen vào việc cai trị và hành chánh của Hội Thánh. Những vị này là những nhà lập pháp. Những vị này cũng có sứ mạng truyền bá đức tin mới bằng tất cả phương tiện: Báo chí, diễn thuyết, vv... và chăm lo sự hoàn thiện, sự tiến bộ của văn chương, nghệ thuật và tất cả những gì có thể giúp nhưn loại sống ít đau khổ hơn trong sự an lạc tinh thần.

Tôi (*Phối Sư Thượng Vinh Thanh, Trần Quang Vinh, lúc đó còn ở phẩm Giáo Hữu*) ở trong phái Thượng, như đã số các Chức sắc trong “*Phái đoàn Truyền giáo Hải ngoại*” (Hội Thánh Ngoại Giáo) là những chơn linh của Bạch Vân Động (Bạch Động nơi cõi thiêng liêng) hiện nay tái kiếp để làm việc cho sự thành công của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Hào quang của mỗi người chúng tôi, tùy theo từng trời mà chúng tôi ở, có màu sắc riêng biệt: xanh, vàng, đỏ hay màu trắng trong. Cái phái của mỗi người chúng tôi có thể được tiết lộ bởi những Đấng thiêng liêng hướng đạo hay Đức Chí Tôn của chúng ta, từ đó chúng tôi là hội viên của Hội Thánh, nghĩa là Chức sắc bắt đầu từ phẩm Lễ Sanh.

CÁC BÀI KINH: Về vấn đề các bài kinh, chúng tôi có kinh bằng tiếng Việt Nam. Đó là những bài kinh cầu nguyện có từ 1200 năm mà các Lạt-ma của Hàng Sơn Tự tại Cô Tô Thành nước Trung hoa đã nhận được bằng phương pháp đồng tử. Hiện nay chúng tôi không thể nào dịch được. Sau này, chúng tôi sẽ cầu xin sự giúp đỡ của

các Đấng thiêng liêng để có những bài kinh cho người Âu Châu. Rất có thể, chơn linh Victor Hugo hay của Nữ Thánh Jeanne d'Arc sẽ đến vì mục đích này. Lúc ấy, chúng tôi sẽ gửi đến cho quý vị.”

Vài lời khuyên nhủ này đủ chứng tỏ – một lần nữa – rằng Đạo Cao Đài không chỉ chú ý vào khối tín đồ đốt nát, nhu nhược, mê muội, mà còn chú ý đến những người trí thức tiến bộ và ở bậc cao, đến khuyh hướng thần bí mà họ có nhu cầu thỏa mãn mãnh liệt về tôn giáo.

THIÊN BÀN VÀ LỄ PHẨM

THIÊN BÀN (bàn thờ Đức Chí Tôn): Bàn thờ giống như một cái nhà nhỏ (khánh thờ) đóng kín ba phía, phía trước mở ra và có màn che. Vào giờ cúng, người ta kéo tấm màn để lộ ra cái dấu hiệu tôn giáo (Thiên Nhân = Lương tâm thiêng liêng), người ta đốt một đôi đèn sáp, năm cây nhang và gỗ trầm (tượng trưng 5 yếu tố cấu tạo con người, ở trạng thái thanh lọc, sự Thánh hóa hoàn toàn của con người).

Trong tư gia: Thiên bàn có thể được đặt trên lò sưởi phòng khách, nơi đó sắp đặt các vật cúng, không cần có khánh thờ như đã nói ở trên.

Thiên bàn cũng có thể đặt trên một cái bàn, cao hơn những cái bàn bình thường khác, đặt dựa vào vách ngăn trong phòng danh dự.

GIỜ CÚNG: Việc cúng kiếng thực hành 4 lần mỗi ngày:

- giữa 5 giờ và 7 giờ.
- giữa 11 giờ và 13 giờ.

– giữa 17 giờ và 19 giờ.

– giữa 23 giờ và 1 giờ.

LỄ PHẨM: Người ta dâng Trà vào buổi sáng và buổi chiều, dâng Rượu vào giữa trưa và giữa đêm.

Đối với Trà, người ta dâng Trà trong một cái tách mà người ta đặt bên cạnh một cái tách khác đựng nước trắng tinh khiết; đối với Rượu, người ta rót rượu vào trong ba cái ly nhỏ. Những cái tách và những cái ly phải được đặt lại ngoài các giờ cúng. Vào ngày mùng 1 hay ngày 15 mỗi tháng (âm lịch) và những ngày lễ, người ta dâng Hoa và Trái cây.

Chính giữa Thiên bàn người ta đặt một cái đèn chong nhỏ, được đốt cháy cả đêm lẫn ngày, bởi vì ngọn lửa ấy tượng trưng ngọn lửa thiêng liêng hay ánh sáng thiêng liêng soi sáng Càn khôn vũ trụ.

Vào giờ cúng, người ta đốt hai cây đèn sáp và 5 cây nhang. Người ta chỉ đốt trầm vào các đại lễ.

Ý NGHĨA CỦA SỰ SẮP ĐẶT LỄ PHẨM

Chúng tôi được dạy rằng: Nơi Bạch Ngọc Kinh (Niết Bàn), cái ngai của Đức Chí Tôn ở hướng Bắc, như vậy hướng Đông ở phía trái và hướng Tây ở phía mặt.

Thành ra lời dạy nầy, trong bất cứ nơi nào có đặt Thiên bàn, thì Thiên Nhân ở hướng Bắc, hướng Đông hay Dương ở phía trái và hướng Tây hay Âm ở phía mặt.

Trong càn khôn vũ trụ có hai nguyên lý: Âm và Dương, làm nguồn gốc cho tất cả sự tạo hóa.

1. Hai cây đèn sáp tượng trưng hai Nghi Dương và

Âm, phối hợp để sinh sản, một cách tổng quát, ánh sáng mặt trăng và mặt trời (Âm Dương) là hình ảnh của năng lực sinh sản.

Cây đèn sáp bên trái tượng trưng ánh sáng mặt trời (Dương) phải được đốt trước tiên.

2. Năm cây nhang tượng trưng Ngũ giác quan của con người.

3. Ba ly rượu tượng trưng: vật thiên thể hay sinh lực của chúng ta. Rượu nho thật sự là tinh túy của dây nho, cũng như sinh lực là tinh túy của con người. Dây nho và trái nho tượng trưng vật chất hay thể xác của chúng ta. Nước cốt trái nho tượng trưng sinh lực hay Chơn thần của chúng ta.

Rượu là tinh thần của dây nho và trái nho, nên tượng trưng Chơn thần thiêng liêng của chúng ta.

4. Tách nước trắng tinh khiết tượng trưng Dương, phải đặt nơi phía trái của Thiên Nhân và tách nước trà tượng trưng Âm, phải đặt nơi phía mặt. (Nước trà và nước trắng ấy đổ chung lại tạo thành nước Thánh (nước âm dương). Nước Thánh ấy có thể cho người bệnh uống và phải thành tâm cầu nguyện và được dùng trong phép Tắm Thánh).

Hoa tượng trưng Dương, phải được đặt nơi phía trái và trái cây là Âm được đặt phía mặt. Các hoa khô, được giữ kỹ, nấu với nước sôi tạo thành thuốc nước, có thể trị được các bệnh khi những người bệnh nầy thành thật tin tưởng huyền diệu của Đức Chí Tôn.

Ba yếu tố chánh (Tam Tài) của vũ trụ là: Thiên (Trời), Địa (Đất), Nhơn (Người). – Trời được cấu tạo

chủ yếu là: Nhật (mặt trời), Nguyệt (mặt trăng), Tinh (ngôi sao). – Đất được cấu tạo chủ yếu là: Thủy (nước), Hỏa (lửa), Phong (gió). – Người được cấu tạo chủ yếu là: Tinh (vật chất), Khí (sinh lực), Thần (linh hồn).

Những lễ phẩm tượng trưng ba yếu tố chánh của sự cấu tạo chúng ta: Hoa tượng trưng vật chất, Rượu sinh lực, Trà linh hồn.

NGHI LỄ VÀ KINH KỆ

Trước khi đề cập Nghi lễ, tôi phải giải nghĩa cho quý vị rõ: Lạy là gì?

Nơi nước Việt Nam chúng ta, Lạy là dấu hiệu bề ngoài của lòng kính trọng bên trong mà người ta chứng tỏ đối với Đức Chí Tôn, các Đấng thiêng liêng, đối với vua chúa, người chết và đối với cha mẹ. Như vậy, sự lạy không có gì là sỉ nhục như người ta đã nghĩ.

Để thực hiện việc lạy, trước tiên người ta chấp hai tay (dấu hiệu của sự tín ngưỡng tuyệt đối) theo cách sau đây:

Đặt ngón cái của bàn tay trái trên chân của ngón áp út và nắm tay lại. Người ta bao bên ngoài bàn tay trái đã nắm lại ấy bằng bàn tay mặt, đặt ngón cái của tay mặt lên trên chân ngón trỏ của tay trái.

Giải thích vị trí của hai bàn tay chấp lại: Trời được tạo ra vào năm Tý và Người được tạo ra vào năm Dần, cho nên chúng ta đặt ngón cái của bàn tay trái vào chỗ của năm Tý và đặt ngón cái của bàn tay mặt vào chỗ của năm Dần.

Trong vị thế đứng, người ta đặt hai tay chấp lại ở giữa ngực. Trước khi quì xuống, người ta cúi mình xá 3 lần từ cao xuống thấp (hai tay luôn luôn chấp lại) với

dấu hiệu hiển dăng tấm lòng chơn thành của chúng ta lên Thượng Đế.

Để lạy, người ta quì xuống, đưa chắp tay lên cao tới trán, rồi hạ chắp tay xuống mặt sàn, mở hai bàn tay ra và hai ngón cái gác chéo nhau, lạy xuống, cái đầu đụng trên hai bàn tay một số lần tùy theo cấp bậc của Đấng thiêng liêng mà người ta lạy.

Vào giờ ấn định cho việc cúng tập thể, các tín đồ tập hợp trong một căn phòng dành thờ phượng. Họ đứng thành hai hàng dài theo chiều dài của căn phòng, hai tay chắp lại và đặt lên ngực; những Chức sắc thì mặc lễ phục và đội mào, những tín đồ nam đứng bên trái và những tín đồ nữ đứng bên mặt, trước tiên hai bên đứng đối diện nhau. Ngay khi đã sẵn sàng, họ đứng trong tư thế cung kính. Tất cả tín đồ nam nữ chào nhau bằng cách cúi đầu và xá xuống một xá, hai bàn tay luôn luôn chắp lại. Kế đó, các tín đồ nam nữ tiến tới để tạo thành những hàng ngang gồm ba hoặc bốn người hay hơn nữa, tùy theo bề rộng của căn phòng, đứng sát nhau và chừa một khoảng trống ở giữa để phân cách rõ rệt nam và nữ, kế đó các tín đồ xoay người hướng lên bàn thờ, mắt nhìn lên Thiên Nhân. Vị Giáo Hữu (Chức sắc) và các tín đồ cúi mình xá sâu xuống 3 lần trước bàn thờ rồi quì xuống, chân trái bước tới rồi quì chân mặt xuống trước, chân trái xuống sau.

Khi đó, người ta làm các dấu sau đây: người ta đưa chắp tay lên đụng trán, niệm “*Nam mô Phật*” (nhân danh Phật, đối chiếu Thượng Đế), sau đó đưa chắp tay qua bên trái, cao ngang bằng lỗ tai, niệm “*Nam mô Pháp*” (đối chiếu với Tạo hóa), rồi đưa qua bên mặt cũng cao ngang lỗ tai, niệm “*Nam mô Tăng*” (đối chiếu với Nhơn loại).

Kể đó, đưa chấp tay đặt trên ngực, niệm năm câu chú sau đây:

– *Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.*

– *Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát.*

– *Nam mô Lý Thái Bạch Tiên Trưởng.*

– *Nam mô Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.*

(Đó là những Đấng đại diện Tam giáo: Khổng giáo, Lão giáo và Phật giáo)

– *Nam mô chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần.*

Cúi đầu sâu xuống sau mỗi câu niệm.

Sau mỗi lần tụng kinh, lạy 3 lạy, nghĩa là cúi mình xuống 3 lần, mỗi lần lạy thì trán chạm xuống đất 4 lần đối với Đức Chí Tôn, 3 lần đối với các Đấng thiêng liêng khác.

Trong bài kinh, người tín đồ cầu khẩn Đức Chí Tôn cho được nâng cao trí khôn ngoan, được ban cho đủ sức khỏe và can đảm để theo đuổi con đường Đạo do Đức Chí Tôn vạch ra và ban cho nhơn loại một nền hòa bình nhiều hứa hẹn. Vị Chức sắc, ngoài những lời cầu nguyện này, còn cầu khẩn Đức Chí Tôn che chở để truyền bá nền Thánh giáo, biết chịu đựng khổ đau để cho nhơn loại có thể sống hòa bình và tạo lập một nền hòa bình thế giới.

Các tín đồ phải làm theo vị Chức sắc trong tất cả cử chỉ của vị này, với lòng sùng đạo.

Vào những ngày lễ, lúc khởi đầu cuộc lễ, vị Chức sắc, người chủ lễ, cầm nơi tay 5 cây hương khi ông lấy dấu và niệm các câu chú, sau đó ông trao lại cho một trong nhiều vị phụ lễ (đứng bên cạnh bàn thờ). Vị phụ lễ cầm các cây

hương nầy vào lư hương.

Vào lúc nầy, chúng tôi chỉ có những bài kinh bằng quốc ngữ. Chúng tôi sẽ cầu khẩn Đức Chí Tôn ban cho kinh bằng tiếng Pháp. Trong lúc chờ đợi, các tín đồ niệm chú và cầu nguyện.

Lúc cuối lễ cúng, những người tham dự đều lạy rồi đứng dậy (luôn luôn chân mặt lên trước), xá sâu xuống 3 xá trước Thiên bàn, quay nửa vòng quanh chính mình từ phải qua trái, hướng về bàn thờ Đức Hộ Pháp (vị Phật bảo hộ Niết Bàn) được thiết lập đối diện bàn thờ Đức Chí Tôn, và cúi đầu xá xuống. Kế đó, tất cả đều trở về sắp hàng giống như lúc khởi đầu lễ cúng, đứng day mặt đối diện nhau và mỗi người đứng tại vị trí của mình.

Họ chào nhau bởi cúi đầu xá xuống, và lui ra.

BÀN THỜ HỘ PHÁP: Lúc nầy người ta đặt dựa vách tường một cái bàn nhỏ, trên đó đặt một đôi đèn sáp, một lư hương, một lư trầm, một ly rượu, một tách trà, một ly nước trắng, một bình hoa, một đĩa nhỏ đựng trái cây. Trên vách tường có treo một tấm giấy cứng viết hai chữ: “*HỘ PHÁP*” (vị Phật, bảo hộ Niết Bàn, bảo hộ tín đồ), dấu hiệu chữ “*KHI*” hay Khí sanh quang phục sinh nhưn loại hấp hối.

Các vị Chức sắc cần thận trọng, trước khi chấm dứt mỗi kỳ đại lễ, nên thuyết đạo để khuyến khích các tín đồ tin tưởng Đức Chí Tôn, Đấng Tạo Hóa và là Cha Chung của tất cả chúng ta, thương yêu nhau, đoàn kết nhau cho một nền hòa bình thế giới.

Ghi chú: Vì có nhiều dân tộc không quen “*lạy*”, chúng ta có thể lúc đó thay thế cái lạy bằng việc cúi mình

sâu xuống.

Ký tên: THƯỢNG TRUNG NHỰT.

Nghi lễ này có phức tạp đối với người Tây phương, tuy có nhiều thiện chí, họ có thể không thích bắt chước các đồng nghi. Trong chủ nghĩa tự do của họ, trong tinh thần khoan dung, Đạo Cao Đài chấp nhận những sự đơn giản hóa, như là nơi các dân tộc Âu châu và Mỹ châu ít biểu thị vấn đề tín ngưỡng.

HƯỚNG ĐI TÂM LINH

... **C**Ó NHỮNG VIỆC VƯỢT QUÁ TÂM HIỂU BIẾT của con người mà ngôn ngữ của con người hoàn toàn không có khả năng diễn tả. Cũng thế, các Đấng thiêng liêng đã phát lộ cho chúng ta, luôn luôn khuyên bảo chúng ta đừng quá trì hoãn tìm tòi khám phá bí mật mà chính các Đấng cũng không đủ sức để vén lên được.

Chúng ta chỉ tìm tòi để hiểu biết chơn lý, cái chơn lý mà chúng ta cần cho việc cư xử hiện nay để chúng ta không còn nghi ngờ; một lần mà chúng ta tìm thấy, hãy bền lòng đi trong con đường đó.

Với sự khuyên nhủ chúng ta, các Đấng thiêng liêng không có ý định ngăn cản chúng ta tìm tòi hiểu biết, thăm dò những bí mật để tiến hóa lần lần. Không, các Đấng không có ý định như thế. Các Đấng ấy sợ rằng chúng ta mất thời gian để truy tầm những việc hoàn toàn không hữu ích.

... Quý vị có thể xác nhận với các bạn của quý vị rằng: Đức Khổng Tử, Đức Lão Tử, Đức Thích Ca, Đức Jésus xứ Nazareth chỉ là những vị thầy dạy dỗ, là những phản ảnh của Đại hồn vũ trụ, Đại hồn này không phải là Thượng Đế tách rời hẳn vũ trụ, nhưng trái lại được xác định một cách mật thiết với vũ trụ.

Mỗi người, dù hung dữ, dẫu tà mị, đều luôn luôn có

một chút phẩm chất tốt, nhưng không có một người nào có thể cho là mình có được tất cả phẩm chất tốt. Thượng Đế làm cho chúng ta không hoàn hảo để chúng ta có ý thức về sự yếu đuối của chúng ta để rồi làm cho chúng ta khiêm tốn, khuyến khích chúng ta thu đoạt nhiều hơn những phẩm chất tốt, những đức hạnh, để đạt đến sự hoàn hảo.

Chúng ta phải dùng tất cả những phương tiện riêng của chúng ta để tiến lên, tiến hóa lên càng lúc càng tốt hơn. Mỗi người đều có một cái gì đó để đạt đến phẩm vị thiêng liêng; một Đấng Chơn linh có thể tạo ra một thế giới và làm chủ thế giới đó.

... Trong lá thư sau cùng, tôi có giải thích cho quý vị, tại sao chúng tôi bị dẫn đến việc cấm các tín đồ thông công với các Đấng thiêng liêng bằng dụng cụ của các đồng tử không chánh thức. Quý vị hãy lưu ý rằng, câu Minh thệ đã được đọc cho viết trong cùng một tinh thần đó, bởi Đức Chí Tôn có mục đích cũng thế, là đặt chúng ta phải lo gìn giữ để chống lại những vận dụng của các Tà Thần, và khi đọc cho chép lời Minh thệ ấy, Đức Chí Tôn biết rằng, nó đem đến những tín đồ, một cách tổng quát, là người Việt Nam mà phần đông đều không biết những cấm dõ của Quý vương, có thể sẽ bị Quý vương quyến rũ một cách dễ dàng, và Quý vương đã đến một cách đau khổ trong những năm vừa qua.

Đức Chúa Jêsus Christ đã có tiên tri kẻ chống Chúa và lời tiên tri này đã thực hiện. Ở Nam Kỳ, trước và sau khi thành lập nền Tân tôn giáo, những kẻ chống Chúa đã đến và đã lập ra những chi phái tôn giáo để gieo rắc sự chia rẽ, để dụ dỗ nhiều người đi ra khỏi con đường chơn lý. Kẻ chống Chúa đã dùng tất cả những mưu mô và tạo

ra rất nhiều nạn nhân.

Như quý vị thấy đó, lời Minh thệ chứng minh sự đúng đắn giữa chúng tôi và những người Việt Nam khác.

ĐỨC HỘ PHÁP VÀ CÁC CỔ PHÁP

Cổ: xưa; *Pháp*: luật pháp, qui tắc, dấu hiệu, biểu hiệu.

Quý vị phân biệt ba vật khác nhau tạo thành cổ pháp của Đức Hộ Pháp:

- a) một thứ hình khối mang chữ “*Xuân Thu*”;
- b) một thứ hình ống;
- c) một thứ hình que có ở đầu cùng một chùm lông đuôi.

a). Thứ hình khối ấy tượng trưng một cuốn sách gồm 5 quyển gọi là “*Xuân Thu*”: Xuân = mùa xuân, Thu = mùa thu.

Đó là một tác phẩm xã hội viết ra bởi Đức Khổng Tử dưới dạng là Kinh Phúc Âm (Kinh Thánh) có nghĩa là sự hoàn thiện luân lý, giảng dạy ngoài các nghi lễ, lời bói toán về tiên tri, văn học, âm nhạc, những luật lệ của Nhơn đạo: bốn phận làm người, làm một công dân, làm cha, làm mẹ, làm chồng, làm vợ, làm con, làm anh làm chị, làm thầy làm trò, làm quan, làm vua, cả đến những bốn phận đối với thú vật và thảo mộc. Đó là biểu tượng của Khổng giáo.

Cuốn sách ấy gọi là Xuân Thu, bởi vì tư tưởng của Đức Khổng Tử làm nảy nở và kết quả luân lý của con người, giống như mùa Xuân và mùa Thu là hai mùa có ngày và đêm dài bằng nhau và dễ chịu.

b). Thứ hình ống tượng trưng một cái chén lớn của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, khi còn sanh tiền, dùng để nhận lấy thức ăn cúng dường bởi các tín đồ. Hoàng Thái tử của một vị vua giàu có, nhiều thế lực của một Vương quốc ở Ấn Độ, Thái tử Sĩ Đạt Ta về sau trở thành Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đã có can đảm từ bỏ tài sản của thế gian để đi tìm trong cảnh cô tịch sự bình an của tâm hồn và đi tìm chơn lý. Ngài phải ăn xin để sống, để nuôi dưỡng xác thân với mục đích là truyền bá Đức tin mà Ngài đã đạt được.

Cái chén ấy gọi là Bình Bát Vu: Bình là cái thau, Bát là cái chén, Vu là ăn xin. (Cái bát hình cái thau để nhận của bố thí), đó là biểu tượng của sự dứt bỏ những của cải của thế gian, sự quên mình, lòng hy sinh, sự bất vụ lợi toàn thể của đời sống (chủ nghĩa khổ hạnh). Đó là cổ pháp của Phật giáo.

c). Một thứ que được trang trí một chùm lông đuôi gọi là Phất chủ (Phất là chuyển động hay xua đuổi, chủ là bụi bặm) hay Phất trần (xua đuổi các thứ ô trược của thế gian), tượng trưng sự luyện tập tinh thần gồm việc tự thanh lọc hằng ngày tất cả các tật xấu. Như cái tên gọi của nó chỉ rằng, Phất chủ dùng để xua trừ các thứ dơ bẩn của cõi trần.

Đó là biểu tượng của Lão giáo, biểu tượng của sự thanh lọc các tình cảm.

Tóm lại, ba giáo lý: Khổng giáo, Lão giáo, Phật giáo, (Thiên Chúa giáo được xem là một nhánh của Khổng giáo) là ba giai đoạn tiến hóa của linh hồn, ba cấp bậc thọ pháp hướng đến các Đấng thiêng liêng thanh khiết.

Ba vật được mô tả ở trên hợp lại tạo thành cổ pháp của Hộ Pháp, bởi vì Ngài, nói một cách thiêng liêng, lãnh trách nhiệm hợp nhứt Tam giáo và trông nom cho mọi người sống hòa bình trong sự tôn kính các định luật tiến hóa.

THÔNG SỰ, được gọi là Hộ Pháp Em, bởi vì thừa hưởng của Đức Hộ Pháp một phần quyền hành để xử đoán các tín hữu trong ấp đạo của mình, mặc áo tràng lễ phục mà bên phải và bên trái nơi ngực có hai cổ pháp và trên khăn đóng ngay chính giữa trán cũng có một cổ pháp nữa (tất cả ba cổ pháp gắn ở ba góc).

PHÓ TRỊ SỰ, được gọi là Giáo Tông Em, bởi vì ông thay mặt Đức Giáo Tông trong ấp đạo của ông, tiêu biểu tình thương đối với tất cả sinh vật, trông nom một cách thương mến tất cả hành vi trong đời sống mỗi tín đồ, về sự bình an của tâm hồn trên sự tiến bộ của con đường tiến hóa.

Phó Trị Sự mặc áo tràng được trang trí nơi cổ một băng dài kim tuyến bạc và nơi tay áo bên trái một miếng vải tam sắc: vàng (Phật giáo), xanh (Tiên giáo), đỏ (Khổng giáo). Đó là phản ảnh bên ngoài của Tam giáo.

CHÁNH TRỊ SỰ, được gọi là Đầu Sư Em (Đầu là thứ nhứt, Sư là thầy, Em là em nhỏ) hay người thầy thứ nhứt của các em nhỏ, hay là anh cả trong một làng đạo. Đầu Sư nhận lãnh hai quyền hành được giao phó bởi Giáo Tông và Hộ Pháp. Như vậy, Chánh Trị Sự có đầy đủ bốn phận của Giáo Tông và Hộ Pháp trong một làng đạo.

Chánh Trị Sự mặc áo tràng trắng, được trang trí nơi cổ một cái băng kim tuyến vàng và nơi tay áo trái

một miếng vải tam sắc, có kích thước lớn hơn của Phó Trị Sự. Trên khăn đóng của Chánh Trị Sự có gắn cổ pháp của Hộ Pháp.

Tòa Thánh của chúng ta đang dự bị dịch quyển Pháp Chánh Truyền:

Pháp là luật pháp, qui tắc, dấu hiệu, biểu tượng, vv... tất cả cái gì dẫn xuất từ Luật tiến hóa.

Chánh là bền vững, không sai lầm, bất khả xâm phạm, hoàn toàn đúng đắn (mức trung dung của tất cả).

Truyền là mạng lệnh, tổ chức.

Pháp Chánh Truyền là những qui tắc về tổ chức bất khả xâm phạm.

Tác giả của Pháp Chánh Truyền là THẤY thiêng liêng của chúng ta, Đấng Cao Đài, đã đọc cho chúng ta chép bởi sự thông công bằng đồng tử.

Xin nhắc lại: Những giải thích này rất sơ lược, có thể hiện ra rất phức tạp đối với người Tây phương mà họ rất sợ những chi tiết tỉ mỉ, đặc tính của sự thờ phượng của người Đông phương. Quý vị hãy an lòng: Ở đây luôn luôn Đạo Cao Đài thừa nhận những sự đơn giản hóa nhiều hơn nữa ở các nước khác.

Về phần liên quan đến các trẻ nhỏ kiểu Âu châu mà quý vị có nói tới trong một bức thư, những người hay cười chê nói rằng, việc đó đến từ sự lai giống. Nhưng do sự nghiên cứu và quan sát nghiêm chỉnh, chúng tôi dám quả quyết rằng, những đứa trẻ ấy được được sanh ra bởi những bà mẹ hiền từ trong những gia đình Việt Nam, đã sống với những người chồng Việt Nam. Các bà không bao giờ

đặt chân đến thành thị có người Âu châu cư ngụ hay lui tới và luôn luôn sống trong những nơi hoang vắng không một người Âu châu nào đến thăm viếng. Tuy nhiên nhiều trẻ con của họ có gương mặt kiểu Âu châu hay thuộc nòi giống A-ry-en; những đứa trẻ đó đôi khi có dáng đi như hình thức của người Âu châu mà mái tóc của chúng nó luôn luôn đen như người Việt Nam.

Chúng tôi tin tưởng biết rằng, những kiểu trẻ nhỏ ấy giữ được một phần hình thể của những kiếp luân hồi trước mà nơi đó chúng nó được sanh ra bởi những cha mẹ là người Âu châu. Chúng nó đến thế gian thường hơn với Chơn thần mà chúng có được trong những tiền kiếp luân hồi.

Bởi những sự tiết lộ, chúng tôi nhận xét rằng, một người nào đó có môi bị chẻ hai ở tiền kiếp, hiện nay mang một môi sứt; rằng một người khác, nó là một con thú tiến hóa còn giữ một phần bản năng cũ của nó với một dáng dấp xưa.

Những điều nầy làm cho người ta cười, tất nhiên, một người duy vật như thế, nhưng hơn nữa, (anh ta lại rất tin dị đoan) anh ta lấy làm khiếp sợ khi đốt ba điều thuốc (hai bạn và hấn) với cùng một que diêm, khi đi xe không mang theo bùa hộ mạng hay một linh vật, khi ăn sáng hay ăn trưa với 13 người, khi vắt ngang cánh tay bạn vừa bắt tay từ giã, vv...

Điều bất thường luôn luôn là cái bia của sự châm biếm chua cay và xô đuổi của chúng ta mà chúng ta chỉ là những kẻ khốn khổ và yếu đuối.

Kinh nghiệm về Đạo Cao Đài ở Âu châu gây ra

những nhận xét của một Đạo huynh:

“Vài công thức, vài trạng thái bên ngoài của Đạo Cao Đài sẽ được thay đổi để có thể lấy lại một cách hiệu quả sự chú ý của những người khả dĩ lấy nó để xem xét. Tôi nghĩ – và cái này đã là một kinh nghiệm đối với tôi – rằng bức tượng trên bàn thờ biểu thị biểu tượng Thiên Nhân tỏa sáng, có thể có lợi hơn nếu được hoàn toàn thay thế bằng một hình ảnh có màu sắc rực rỡ, những Đấng thiêng liêng hay những Đấng giáng trần có hình ảnh tại nhà của các tín đồ.

Nơi đây, tại nước Pháp, người ta rất thích sự đơn giản, các lược đồ, những nét lớn gợi ý, ít ra là giữa công chúng, đặc biệt nơi đó tôi cần thiết phải có những buổi giảng đạo.

Tôi xin nói với Đạo huynh về vấn đề này rằng bức họa tuyệt đẹp Đức Quan Âm Bồ Tát mà Đạo huynh đã gửi cho tôi làm nhiều người ưa thích, và tôi tin tưởng biết được lý do: Bức tranh rất ít màu sắc, nét vẽ đơn giản hơn là hình tượng của Bồ Tát hay hình tượng của Đức Quan Thánh Đế Quân.

Tôi đã viết thư cho Đạo huynh về vấn đề nghi lễ và kinh kệ, có thể nên đơn giản hóa hơn nữa để thế chỗ cho sự trầm tư bình thường, có thể ngắt đoạn những câu cầu nguyện ngắn. Tôi cũng nghĩ rằng, người ta có thể làm những bài đọc ngắn trọng yếu trước bàn thờ của Đạo. Tất cả là việc của sự hiểu biết, của sự thích nghi và của sự khoan dung.

Cái đèn trên bàn thờ (Thái cực đặng) là vật của lễ chế, được hiểu rõ và nhìn nhận như: Dĩ nhiên những người đặc biệt lo việc tế lễ như những Chức sắc hay người tương

đương, có thể không dùng những sự cho phép này và hết sức tuân theo những kiểu cách cư xử của người Việt Nam.

Về giáo lý hay giáo huấn nói riêng, tôi cũng đã nhiều lần viết thư dài dòng cho Đạo huynh, tôi xin trở lại để xác định với Đạo huynh rằng, nó sẽ dễ ưa một cách siêu phàm để không nhấn mạnh trên hình dạng riêng của Thần linh, hình dạng mà tôi không ngần ngại đổ tất cả trách nhiệm cho chủ nghĩa duy vật Tây phương hiện nay.

Người ta không muốn một Thượng Đế—Jéhova với những quyết đoán độc tài; những người mà họ còn tin tưởng vào Thượng Đế ấy là những tín đồ Công giáo La Mã, hay những tín đồ Tin lành chính thống, nhưng chắc chắn không gồm đa số, cả ngay bên trong của những nhà thờ Công giáo.

Tất cả đòi hỏi chính xác và những cuộc đối thoại mà tôi tiếp được từ tháng 12 năm 1934 về vấn đề Đạo Cao Đài, được hội tụ vào điểm chánh này là: Đức Khổng Tử, Đức Lão Tử, Đức Thích Ca, Đức Chúa Jésus xứ Nazareth chỉ là những vị thầy dạy dỗ, là những phản ảnh của Đại hỗn vũ trụ, Đại hỗn này không phải là Thượng Đế tách rời hẳn vũ trụ, nhưng trái lại được xác định một cách mật thiết với vũ trụ.

Nếu tôi giảng ngược lại, người ta sẽ nghe tôi chỉ vì lịch sự, hay họ sẽ nói tôi muốn trở lại thành La Mã.

Đạo huynh kính mến,

Vì tôi bị khó xử và khổ tâm để nói pha loãng với Đạo huynh như thế, những gì mà tôi cảm thấy vô cùng quan trọng cho việc lan truyền Đạo Cao Đài nơi nước Pháp.

Tôi có khuynh hướng nghĩ rằng, sau khi tôi được

thơ của Đạo huynh liên quan đến tâm sự của tôi, sự tái kiếp của tôi hiện nay ở Tây phương vào thời kỳ này là hoàn toàn do nhân quả, để giúp tôi làm cái gạch nối giữa thế giới sụp đổ và một thế giới khác ló dạng ở chơn trời, trong phạm vi hoạt động khiêm tốn của tôi.

Nhưng có biết bao sự thiếu hiểu biết gặp phải nơi đây! Biết bao những chỗ tiểu dị cần minh xác vào lỗ tai của những tín đồ Công giáo hay những người theo chủ nghĩa duy vật, họ rất giống nhau trong chủ nghĩa tín điều của họ xuất phát từ một ảo tưởng chung!

Những suy nghĩ đúng đắn này đưa ra từ năm 1935, không mất một chút giá trị nào của nó: được thử nghiệm ở phương Tây, ở nước Pháp, Đạo Cao Đài kêu gọi sự giản dị hóa để cho những người sống trong khí hậu của Voltaire (môi trường hoài nghi) rằng họ chán ngán các danh từ và nghi lễ quá phức tạp của tất cả Thông Thần học của Đông phương.

Chúng tôi nên nói thêm, sự phức tạp ấy biểu kiến hơn là có thật, là một quyển rũ mạnh mẽ, là niềm vui sướng ngọt ngào cho những người khát khao chủ nghĩa thần bí (theo nghĩa đẹp nhất và cao quý nhất của từ ngữ).

LỜI CỦA TÒA THÁNH

NHỮT BÁO *LE KMER* (NGƯỜI CAO MIÊN) NGÀY 30-5-1937 đã phỏng vấn vấn tửt Ngài Phạm Công Tắc, lãnh đạo tối cao hiện nay của Đạo Cao Đài.

Đây là bài viết tường thuật cuộc đàm thoại này:

“Chúng tôi không quyết định hỏi tường lại bằng những dòng chữ này, sự lộng lẫy và huy hoàng của cuộc lễ đánh dấu lễ Khánh Thành Thánh Thất Cao Đài tại Nam Vang, các đồng nghiệp đã làm tốt trước chúng tôi.

Chúng tôi mới vừa say mê xem xét với các bạn đợc của chúng tôi, với tất cả sự vô tư, những lời tuyên bố của Ngài Phạm Công Tắc, lãnh đạo tối cao của Đạo Cao Đài, mà Ngài muốn nói với chúng tôi.

Chúng tôi cảm động sâu xa và cảm kích sự tiếp đãi mà chúng tôi nhận đợc từ nhân vật này, với sự khiêm tốn và rất giản dị. Cuộc đàm thoại thân ái và hữu nghị, đợm tình huynh đệ, bởi vì không lúc nào Ngài Phạm Công Tắc hành xử như một Giáo Hoàng, cũng không tỏ ra hẹp lượng.

Đó là một bộ óc rất sáng suốt, những quan niệm tôn giáo của Ngài quả thực có đôi chút khác biệt với chúng tôi, nhưng lý tưởng theo đuổi rất đẹp mà chúng tôi nghiêng mình kính phục trước đức tin chân thành của Ngài, làm

chúng tôi nhớ lại những điều đã viết trong tất cả những sách Xướng Kinh trong Lễ Giáng Sinh:

“Vinh hiển thay Đấng Thượng Đế nơi tối cao của các tầng Trời. Và nền hòa bình trên địa cầu cho những người tâm thiện!”

Chúng tôi nói thêm rằng, sau khi thấy và nghe, chúng tôi cho rằng, những tín đồ Cao Đài quả thực là những người thiện tâm.

Về câu hỏi mà chúng tôi đặt ra với Ngài về đề tài Giáo lý được trình bày trong quyển sách tặng cho một cách niềm nở tất cả những khách thăm viếng, đã được bày tỏ:

“Thật ra Ngài không phải là người đa Thần, nhưng trên nguyên tắc, Ngài là người đa Thần, bởi vì ngoài việc sùng bái chánh thức Đấng Thượng Đế tối cao, Ngài còn cho phép các tín đồ tự do thờ các Thần Linh khác đã chinh phục tâm hồn của họ.”

Thật vậy, chúng tôi xin Ngài Phạm Công Tắc để ý rằng, trong tất cả biểu lộ cho loài người về vấn đề các Đấng Thần Linh, một việc đã thành, cũng như đối với những nhà huyền bí học, chỉ có một Đấng Thượng Đế duy nhất với ba hình thể (Tam vị nhất thể) mà người ta chỉ định gọi là “*Thượng Đế Ba Ngôi*”.

Ngài Phạm Công Tắc đáp:

– Điều này đúng, nhưng đối với chúng tôi, Thượng Đế là: “Vô Lượng, Vĩnh Cửu, Tối Cao, Tuyệt Đối, và Vô Danh.” Trong tôn giáo của chúng tôi, tiếng “Thần Linh” làm cho quý vị chướng tai, nó không có nghĩa thuộc về ngoại đạo tà giáo mà quý vị gán cho nó, nó chỉ định một cách đơn giản là các Chơn linh hoàn toàn tách rời hẳn vật chất và tiến tới

gắn nút Đấng Tối Cao. Đó là vài bức Thánh.

Danh từ “Đấng Vĩnh Cửu” của chúng tôi được các dân tộc khác gọi bằng nhiều hình thức khác nhau. Những danh từ khác nhau này lại phân chia như loại thay vì hợp nút như loại, cho nên chúng tôi không gọi Đấng ấy là Thượng Đế mà gọi là Đấng Tối Cao, Đấng Tuyệt Đối, Đấng Vĩnh Cửu.

Với một câu hỏi khác liên quan Đấng Christ, Ngài trả lời rất minh bạch:

“Chúng tôi không tìm cách hủy diệt giáo lý của Đấng Christ, trái lại, chúng tôi sẽ làm vững chắc thêm, bởi vì không thể chối cãi sự hiện hữu của Chúa. Những cố gắng của chúng tôi có mục đích sửa soạn việc phục hưng toàn thể như loại bằng tâm linh. Như loại dường như quên hết các câu phương châm của Chúa, nếu tuân theo các phương châm này thì sẽ giữ được hòa bình trên thế giới.

Đạo Cao Đài là cây cầu bắc qua cái hố sâu (tưởng như không thể vượt qua được) chia cách Đấng Christ và Đức Phật Thích Ca, mà Đức Phật là người đi trước, sự hòa hợp của hai giáo lý bổ túc cho nhau và cần thiết cho sự hợp nút các dân tộc Tây phương và Á châu, để cho tình huynh đệ được thịnh hành giữa các dân tộc.”

Chúng tôi chỉ biết nghiêng mình kính phục trước những lời nói khôn ngoan như thế, hơn nữa nó lại thích hợp với những lời nói của Đấng Christ do Thánh Mathieu, tác giả sách Phúc Âm, thuật lại:

“Ta không đến xóa bỏ luật pháp, những nhà tiên tri; Ta đến để tiếp nối và bổ khuyết họ.”

Hơn nữa, người ta tò mò nhận xét rằng, từ vài năm

nay, trong toàn thế giới, số người lưu tâm đến những Thánh giáo tăng lên không ngừng; cái nhu cầu tín ngưỡng này thật tiêu biểu và đối với chúng ta là bằng chứng hiển nhiên mà ông Daniel và Thánh Jean đã nói tiên tri về thời kỳ mà Đấng Christ sẽ trở lại thế gian này để phân phát cho mỗi người sự thưởng phạt của Ngài và thời kỳ đó gần đến từ nay.

Cũng thế, chúng tôi chỉ có thể hoan hỷ về công trình thực hiện bởi Đạo Cao Đài để đem về cho Đấng Christ những con chiên lạc loài ở Viễn Đông bởi sự chuyển tiếp cần thiết theo lời nói của Thánh Jean:

“Người ta không chỉ có một mục đồng duy nhất và một đàn chiên duy nhất.”

Tờ báo *Le Populaire d'Indochine* (Người bình dân Đông Dương) ngày 27-11-1936 cũng có một cuộc đàm luận với vị lãnh đạo tối cao của Đạo Cao Đài trong những trường hợp sau đây:

“Từ hôm qua, một đám đông mà người ta ước lượng vài chục ngàn người, đứng đầy các lối đi, những khu vườn và những lùm cây của Tòa Thánh Tây Ninh.

Họ tới từ khắp các nơi của Nam Kỳ, những người này đi thuyền, những người kia đi xe bò. Họ cắm trại ở ngoài trời, đàn ông đàn bà, họ ngồi trên những chiếc chiếu trải kể bên mấy con bò to lớn đã đưa họ đến đây.

Tòa Thánh Tây Ninh đang trong cuộc lễ.

Tòa Thánh Tây Ninh làm lễ kỷ niệm Đại tưởng mãn tang Cố Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung.

Trên quảng trường của Đại Đồng Xã, ánh mặt trời

chiếu sáng chói chan, có một bàn thờ lớn được dựng lên để tưởng niệm vị Cựu lãnh đạo của Đạo Cao Đài.

Trên bàn thờ này, được căng ra một tấm vải khổng lồ, trình bày chơn dung Ngài Lê Văn Trung trong bộ đạo phục.

Hai bên cạnh của cái đàn vĩ đại mà chính nó là quảng trường của Đại Đồng Xã, đứng sấp hàng theo từng tỉnh, những phái đoàn đại biểu trong nước với những vị trưởng đoàn cùng cờ lệnh và phướn. Một qui định mới được thiết lập sau cái chết của Ngài Lê Văn Trung, qui định ngày Đại tưởng sau 20 tháng chớ không phải 24 tháng. Nhưng đối với Ngài Lê Văn Trung, qui định cũ vẫn được duy trì.

Trong khi chờ Đại lễ vào ban đêm, chúng tôi đến viếng thăm người kế vị Ngài Lê Văn Trung là Ngài Phạm Công Tắc trong một ngôi biệt thự nhỏ ở cuối đường Thượng Trung Nhật. Ngài Phạm Công Tắc tiếp chúng tôi với vẻ lịch sự tế nhị mà mỗi người đều biết. Ngài rất vui lòng trả lời tất cả các câu hỏi của chúng tôi:

– Ngài có thông công được với Chơn linh của Ngài Lê Văn Trung không?

– *Có, nhiều lần rồi.*

– Bởi chính mình Ngài hay bởi trung gian của đồng tử?

– *Bởi trung gian của một đồng tử, mặc dầu Bản đạo chính là một đồng tử và Bản đạo có thể trực tiếp tiếp xúc với chơn linh của Cố Quyền Giáo Tông.*

– Ngài có khuyên bảo điều gì không?

– *Ngài khuyên chúng tôi cố gắng mở rộng tôn giáo cho tất cả đức tin, tất cả tín ngưỡng, trong một tinh thần rộng*

rãi của sự khoan dung, diệt trừ các sai lầm của chủ nghĩa duy vật ở khắp mọi nơi mà chúng tôi gặp phải.

– Xin nói cho chúng tôi biết về công trình truyền Đạo Cao Đài nơi các nước ngoại quốc.

– Đó không phải là một công trình dễ dàng vì nó phải thích hợp để không đánh thức những tính mẫn cảm của quốc gia mà mình đến. Đối với cuộc truyền đạo của chúng tôi nơi nước Trung hoa, những thành phần của phái đoàn đã được chỉ định, nhưng lúc này họ đang hoàn thành sự huấn luyện văn hóa trong Hạnh đường.

– Có bao nhiêu Hạnh đường của Đạo Cao Đài?

– Hai: một tại Tòa Thánh và một tại Nam Vang. Chánh phủ có khuyên chúng tôi nên bỏ qua, nhưng việc ấy không thể được vì phải huấn luyện các giáo sĩ chơn thật.

– Có nhiều người Pháp trong tôn giáo của Ngài không?

– Có chứ! Nhiều người Pháp gia nhập vào tôn giáo chúng tôi bằng thơ từ. Ở Pháp, Bà Félicien Challaye đảm nhận quyền hành chánh với phẩm Giáo Sư (đổi phẩm Giám Mục), trong lúc đó, ông Gabriel Gobron đảm nhận quyền tư pháp với phẩm Tiếp Dẫn Đạo Nhơn (nghĩa là người đào tạo).

– Hiện nay Đạo Cao Đài có bao nhiêu tín đồ?

– Có một lúc, chi phái Bến Tre làm thiệt hại tôn giáo chúng tôi, làm cho nhiều tín đồ ra đi. Nhưng nay thì chúng tôi khôi phục lại được 9 phần 10 số tín đồ mà chúng tôi có được lúc Đạo Cao Đài bành trướng mạnh nhất. Con số lên đến một triệu tín đồ. Ở Bắc Kỳ, chúng tôi có từ 5 đến 7

ngàn tín đồ.

Đến đây, chúng tôi xin cáo từ Ngài vì có nhiều người khách cũng muốn hầu chuyện với Ngài.

Từ 7 giờ tối, các vườn của Tòa Thánh sáng rực với hàng ngàn đèn lồng, trong khi đó những hình bằng giấy tượng trưng các vị Thần chiếu ra ánh sáng êm dịu. Mặt trăng trong suốt làm cho buổi lễ này có tính chất huyền ảo nhẹ nhàng.

Hàng chục ngàn tín đồ đã chiếm các địa điểm dành riêng cho họ để chờ xem lễ rước diển hành. Và người ta không thể phủ nhận một đôi chút huyền bí toát ra từ đám rước im lặng, từ màu trắng của ánh trăng và từ cuộc diển hành không dứt dưới những cây to đứng im lìm trong gió nhẹ, không bị xao động bởi một tiếng kêu nhỏ nào.

Sau cùng, giữa những kẻ đối nghịch, Đạo Cao Đài cũng gặp được các nhà Thần linh học, vài nhà Thần linh học nào đó, mặc cho nguồn gốc của Đạo Cao Đài và những thực hành Thần linh học (ít nhất, trong Hội Thánh mới đủ điều kiện). Cái đó liên quan đến điều gọi Thần linh học là rượu mới làm vỡ tan các bầu rượu cũ: một đám đông tín đồ không hiểu biết gì về sự bùng nổ của Thần linh học trong thế giới tối tân của chúng ta, cãi cọ nhau, tranh giành nhau để biết Thần linh học là một triết lý, một khoa học, một tôn giáo, không hiểu rõ (hay không muốn hiểu rõ) rằng, Thần linh học đồng thời là tất cả những cái đó, và không chịu đựng nổi sự phân chia giả tạo này của những kẻ học thức rơm hay đốt nát.

Chúng tôi có những quốc gia Thần linh học tôn giáo (Anh, Ba Tây, vv...) và những quốc gia Thần linh học khoa

học (Pháp, Ý, Cuba, Argentine, vv...) Hay hơn hết: trong cùng một quốc gia, người ta thấy nhiều nhóm khuynh hướng Thần linh học tôn giáo (Thần linh học cơ đốc ở nước Anh, nước Pháp, vv...) và những Hội Thần linh học khuynh hướng khoa học (Tạp chí Thần linh học ở Ba-lê, Tạp chí Thần linh học Bỉ ở Liège, vv...)

Những người theo Thần linh học khoa học, một cách tổng quát, thù nghịch Đạo Cao Đài, họ trách cứ các lễ cúng, các nghi lễ, Hội Thánh, những giáo lý đại cương của Đạo Cao Đài và thiếu chút nữa, những nhà truyền giáo này trực xuất Đạo Cao Đài cũng như không muốn nghe về Đạo Cao Đài!

Tôi biết điều gì mà tôi nói và viết những nhận xét khổ tâm này..... Họ muốn, hơi một chút, một Á châu có tính Voltaire (duy vật) hơn cả Voltaire! Một sự dốt nát như thế không thể khuyến khích.....

Ngài Phạm Công Tắc, lãnh đạo cao cấp của Đạo Cao Đài, viết thư cho tôi ngày 25-3-1935 từ Tòa Thánh Tây Ninh(Nam Kỳ) một bức thơ mà tôi công bố ra đây, không phải vì những lời đánh giá khen tặng tôi, mà vì bức thơ này có những lời giáo huấn và những lời chính xác chứa trong đó. (Có lẽ người ta tin tưởng tôi nếu tôi thú nhận điều này: tôi không còn cố gắng làm việc, làm việc một cách vô ngã, vô danh, như tất cả những người thợ giáo tiến bộ phải làm cho việc phụng sự xã hội, nhưng tôi cố gắng thờ ơ hoàn toàn trước những lời ca tụng hay chỉ trích, phát biểu trên tác phẩm của tôi và trên tôi).

“Hiển hữu thân mến,

“Hiển hữu Vinh (Trần Quang Vinh) có cho Bản đạo

xem tất cả thơ từ của Hiền hữu, cũng như những bài báo của Hiền hữu xuất hiện trong nhiều tạp chí.

“Cho phép Bản đạo cảm ơn Hiền hữu đến tận đáy lòng là Hiền hữu đã tận tụy phục vụ giáo lý mới với lòng tận tụy cao quý. THẤY thiêng liêng của chúng ta để ý đến Hiền hữu và chúng tôi cầu xin THẤY ban cho Hiền hữu một sức khỏe tốt hơn để tiếp tục công trình không gián đoạn mà Hiền hữu đã thực hiện một cách tốt đẹp.

“Ngay chiều nay, vì mục đích này, Bản đạo sẽ chúng đàn và dâng lên THẤY một thỉnh nguyện. Hiền hữu nên tin chắc rằng Bản đạo rất khổ tâm khi biết rằng Hiền hữu đau bệnh và thỉnh thoảng cơn bệnh hoành hành làm Hiền hữu không ngồi dậy nổi. Hiền hữu phải có một sức khỏe tốt để làm việc. Con người chỉ có một ít năm để sống trên cõi trần nhiều thử thách và đối với con người, thời gian quý báu, rất quý báu khi con người biết sử dụng nó.

“Nhơn loại đã sống trong đau khổ, khổ phận của chúng ta là tìm tòi bằng tất cả phương tiện để, nếu không tiêu diệt được các đau khổ thì ít nhất là làm cho nó nhẹ bớt.

“Còn được bao nhiêu hơi thở của đời sống, chúng ta hãy làm việc, làm việc luôn luôn cho sự phục sinh nhơn loại, cho tình huynh đệ của các giống dân, cho nền hòa bình thế giới, một nền hòa bình nhiều hứa hẹn (và rất ít thực hiện).

“Đó là nhờ sự hoạt động không mệt mỏi của Hiền hữu mà Hiền hữu cố gắng làm cho nhiều người hiểu biết giáo lý mới của Đạo Cao Đài trong nhiều trung tâm của nhiều quốc gia. Bản đạo xin Hiền hữu bền lòng trong phận sự của mình, bởi vì Bản đạo tin chắc rằng, một ngày rất gần đây, những nỗ lực của Hiền hữu được khen ngợi thành công.

“Bản đạo quả quyết rằng, THẤY thiêng liêng của chúng ta và nhiều Đấng thiêng liêng chăm nom Hiền hữu và cố xúy Hiền hữu một cách huyền diệu.

“Nên luôn luôn liên lạc mật thiết và liên tục với các Câu Lạc Bộ Thần linh học và làm cho các vị trong Câu Lạc Bộ này hiểu chúng ta, những người ở Nam Kỳ, do theo Thiên ý, chúng ta chỉ có một sứ mạng nhỏ là tạo ra một cách giản dị một Hội Thánh, để chúng ta khắc ghi vào lòng một đức tin, một đức tin vĩ đại nơi Thượng Đế và phải hội hiệp tất cả các sứ giả Thần linh học của toàn thế giới để sửa soạn một giáo lý mới đủ khả năng canh tân thế giới trong con đường chơn lý, để rời nhơn loại không còn đi vào chỗ tối tăm và họ biết được họ từ đâu đến, những gì phải làm trong kiếp sanh hiện tại và cái gì mà họ sẽ trở thành sau khi chết.

“Hiền hữu được đặc biệt chỉ định làm một nhiệm vụ lớn lao này. Vì thế, Đức Chí Tôn ban cho Hiền hữu biết được nhiều thứ tiếng. Hiền hữu có được lợi thế lớn hơn chúng tôi ở nơi đây, chúng tôi, ngoài tiếng mẹ đẻ, chỉ nói và viết Pháp văn không hoàn hảo.

“Bản đạo biết rằng những nhà Thần linh học nơi họ có những nguyên tắc không đối, rằng họ không thích tôn giáo, không thích nghi lễ bề bộn, rất khó làm cho họ chấp nhận ý tưởng của chúng ta và tiếp nhận một đức tin mới. Nhưng Bản đạo tin tưởng Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng sẽ giúp đỡ chúng ta trong nhiệm vụ khó nhọc này và khi thời cơ đến, vị thầy của họ là Allan Kardec sẽ biểu thị để đem họ về với chúng ta. Chơn linh Victor Hugo dưới ẩn danh “Biểu Tượng” sẽ gọi cho họ nhiều thông điệp.

Phân khác, Hiền hữu François ở Nam Vang có thông báo với Bản đạo bức thơ trả lời cho Hiền hữu Henri François

ở Pháp. Bản đạo chấp nhận đầy đủ lời lẽ trong thơ... Bản đạo rất vui về lập lại câu này: **“Những nhà trí thức, những nhà bác học thường cực đoan. Họ, hoặc vô thần hay tín ngưỡng, đôi khi đến chỗ không khoan dung nếu không nói là cuồng tín. Hãy ở trong chỗ Trung Dung mà nhà hiền triết Khổng Tử đã khuyên bảo chúng ta.”**

“Đính theo đây bản dịch của một Thánh giáo mà Hiền hữu Cao Đức Trọng (Tiếp Đạo) và Bản đạo đã nhận được của Chơn linh Victor Hugo, liên quan đến Chức sắc Hiệp Thiên Đài. Hiền hữu vui lòng đọc những lời giải thích về vấn đề này gửi đến Hiền hữu Henri François bởi chữ đồng âm của nó ở Cao Miên.

“Bản đạo nghĩ rằng, Hiền hữu được nhiều người yêu cầu để nói cho họ biết làm thế nào chúng ta đi đến việc hợp nhứt tất cả tôn giáo, mà các tôn giáo này khác biệt nhau rất rộng rãi, chống đối nhau nữa và nói trái ngược nhau, nếu không nói là họ đặt nhau vào thế thù địch, do các nguyên lý, các giáo điều, nghi lễ, tín ngưỡng, vv... của các tôn giáo.

“Chúng ta có thể trả lời bằng vài câu này mà theo ý Bản đạo, giải thích vấn đề khá rõ ràng mặc dầu ngắn gọn.

“Chúng ta hãy xem các tôn giáo như những Phân khoa đại học. Để được thâu nhận vào một Phân khoa, sinh viên phải trước tiên có bằng cấp Tú Tài, nó là cái chìa khóa giúp sinh viên gia nhập vào Phân khoa đã chọn.

“Muốn có được các bằng cấp này, sinh viên phải trải qua tất cả các lớp sơ học, tiểu học, vv... nơi đó sinh viên phải kiếm được một hành lý đủ các kiến thức khác nhau, cả đến những điều kỳ dị.

“Muốn tạo thành một trường Đại học, phải có nhiều

Phân khoa, mỗi Phân khoa có sự giáo huấn đặc biệt, nhưng tất cả Phân khoa đều đặt dưới sự điều khiển duy nhất: Ông Viện trưởng. Những kiến thức khác nhau đoạt được luôn luôn sử dụng trong đời sống tương lai của sinh viên và cho sinh viên một dấu ấn chứng nhận là người học thức. Trong Phân khoa mà em sinh viên chọn, em phải hoàn thành các môn học sở thích, nhưng những môn học khác đã thâu đoạt được không phải là hoàn toàn vô ích đối với em.

“Kỹ sư thì thông thạo toán học, y sĩ thì biết rõ cơ thể học, luật sư thì thông thạo luật lệ, nhưng mỗi người cần phải biết hơn thế nữa, văn chương, toán học, một ít môn học khác, luôn luôn cần thiết cho cuộc sống.

“Mặc dầu những kiến thức đặc biệt, nghề nghiệp của họ không thể sống bên ngoài xã hội. Như thế, xã hội hợp nhất họ lại khi họ ra trường. Và chẳng, kỹ sư không thể không cần y sĩ, y sĩ không thể không cần kỹ sư.

“Đối với tôn giáo cũng thế.

“Người thế tục, nghĩa là không tôn giáo, phải có được vài nguyên tắc luân lý, vài khái niệm triết học, vv... để không làm mất thể diện, không bị đào thải khỏi xã hội. Anh ta chuẩn bị nhập vào một tôn giáo mà anh ta thích.

“Các tôn giáo giống như các Phân khoa đại học: một cách không sâu sắc, những giáo điều, những tín ngưỡng, vv... dường như không hòa hợp nhau, thường chống đối nhau. Phải như thế, bởi vì mỗi người có một thị hiếu, một khuynh hướng, một sở thích, một học thức, một giáo dục, lắm khi hoàn toàn khác nhau của những người ở gần nhau.

“Tôn giáo được tạo ra khác nhau do trình độ văn minh của các dân tộc, do mức độ tiến hóa, do hoàn cảnh, do môi

trường sống, do phong tục và tạp quán, vv...

“Nhưng đừng trên tất cả những điều khác biệt đó, là Đấng Tạo Hóa, Đấng Thượng Đế, nghĩa là Lương tâm vũ trụ, hòa hợp tất cả mọi người, mặc dầu có những dị biệt về màu da, trình độ văn minh, vv... Đó là những tín đồ Cao Đài tự đặt việc phụng sự đức tin lớn nơi Thượng Đế cho sự hợp nhứt nầy, để chấm dứt cơn ác mộng khủng khiếp là cuộc chiến tranh thế giới, cốt nhục tương tàn, ám ảnh con người và đang chuẩn bị tích cực vào lúc nầy ở Âu châu.

“Những giáo điều, óc đảng phái vây bọc con người trong một vòng tròn rất nhỏ hẹp, nơi đó, con người chỉ thấy một phần rất nhỏ của thế giới mà mặt trời soi sáng. Con người phải tiến hóa, cũng thế, phải tìm tòi hiểu biết để tiến bộ, để rồi không dậm chân tại chỗ. Các tôn giáo đối với họ phải giống như một sợi dây ràng buộc một đứa trẻ đã biết đi, nhưng một chị vú em có đầu óc dẫn độn hay có sự lo sợ vô lý về trách nhiệm của mình, luôn luôn giữ chặt đứa bé một cách mạnh mẽ giữa hai tay, lấy cớ rằng đứa bé sẽ mất thăng bằng và té xuống.

“Nhơn loại hiện tại đã khá trưởng thành, không nên ràng buộc để dẫn dắt nó và ngăn trở nó đi đến đường Đạo. Phải cho nó đại khí của Vô cực, để thích hợp với trạng thái của tâm hồn và sự sùng đạo của nó. Phải cho nó hoạt động và sống trong chơn lý, nhưng không phải trong chỗ tối tăm, cũng không phải trong sự nghi ngờ ám ảnh và vật ám ảnh.

Lúc nầy, đọc thơ của Hiền hữu một cách lý thú, Bản đạo gia từ Hiền hữu bằng cách ôm chặt Hiền hữu, cầu xin Đức Chí Tôn bao phủ Hiền hữu trong phép lành và trong hồng ân của Ngài và Hiền hữu vui lòng chuyển lời kính chào Bà Gabriel Gobron.

PHẠM CÔNG TẮC

Lãnh đạo của Đạo Cao Đài TTTN

Như người ta đã thấy, đây là cộng tác viên của tạp chí La Revue Spirite (Ba-lê) cũng là Tiếp Dẫn Đạo Nhơn của Đạo Cao Đài mà Đức Hộ Pháp ngỡ lời với ông.

Nếu chúng tôi bị bạc đãi khó chịu trong một vài trung tâm Thần linh học, chúng tôi càng cảm ơn ông Hubert Forestier, bạn thân của chúng tôi. Ông là chủ bút của tạp chí La Revue Spirite, không bao giờ cản trở việc đăng bài lên báo khả dĩ tạo niềm tin cho các thân hữu Việt Nam, giúp họ đi ra khỏi danh sách những người tử đạo.

Trái lại, ông luôn luôn sung sướng can thiệp vào bằng ơn huệ của ông, đáng kể là giúp tôi dễ dàng làm nhiệm vụ, trong vài Hội nghị Thần linh học thế giới (Barcelone 1934, Glasgow 1937) và ông cho đăng công khai nhiều tài liệu bình vực Đạo Cao Đài.

Trong các trung tâm Thông Thiên học, cũng có nhận thức như vậy, một cách tổng quát, mặc dầu có vài phần tử chống Cao Đài, không khả năng xem xét lại sự phán đoán ban đầu đã kết tinh có ảnh hưởng xấu đến những nhà Thông Thiên học khác...

Về phần các ông hoàng và các lãnh chúa của giáo lý huyền bí, của khoa học huyền bí, vài vị trở nên tốt, tự từ bỏ tánh ngạo mạn của quỷ đã làm say sưa họ và mê hoặc họ!

PHỤNG SỰ ĐẠO CAO ĐÀI

TÔI ĐÃ CỐNG HIẾN NHIỀU KHOẢNG THỜI GIAN của đời tôi cho Đạo Cao Đài. Tôi đã chia sẻ những nỗi cực nhọc của Đạo, những nỗi đau đớn, những nỗi thất vọng của Đạo vào những lúc bi thảm, nơi đó, những người lòng dạ hẹp hòi và những đứa con của lòng thù hận hành hạ và ngược đãi Đạo Cao Đài đủ mọi cách, vô liêm sỉ hay giả dối. Tôi đã sống trong những sự vui vẻ, những hy vọng, những chiến thắng của Đạo, những lúc sung sướng mà nơi đó những hiệp sĩ tinh thần và những người thiện chí hòa giải một cuộc hưu chiến hay nhìn nhận quyền của Đạo được hưởng nhiều công lý hơn.

Mặc dầu sức khỏe của tôi bấp bênh, những sự đau đớn này tôi đã thọ lãnh, đôi khi được thêm vào những sự quấy nhiễu gần như hằng ngày làm cho tôi phải chịu đựng suốt nhiều năm dài trong hoàn cảnh chung quanh là quyền thuộc của tôi. Những thử thách của Đạo Cao Đài lại thêm vào nữa việc trả quả của tôi, trong một tình huống đê đầu đớn.

Sau những ngày nặng nề khó chịu, tuyệt vọng, một tia sáng thỉnh thoảng xuyên qua đám mây và mặt trời quét tan sương mù của dãy núi Ardenne: đó là sức khỏe của tôi, một lần nữa được hồi phục một thời gian, đó là một vài nhật báo hay vài lá thư, bởi đường máy bay hay

bởi đường tàu biển từ Đông Dương đem lại cho tôi một tin vui làm tôi mừng quýnh.

Trong mười ba năm tôi đã sống như thế, đời sống của những huynh đệ của tôi ở Việt Nam hợp chung lại với đời sống của tôi.

Tôi đã hối tiếc ngàn lần là tôi không có nhiều uy quyền tinh thần, không có những mối liên lạc hữu ích, không có tài năng và huệ nhãn để giúp đỡ nhiều hơn các huynh đệ Việt Nam trong những cố gắng xây dựng cũng như trong sự sâu não thâm lặng. Tôi rất muốn làm thật nhiều cho họ và tôi cảm thấy rằng, với tất cả sự khiêm tốn, tôi đã làm quá ít!

Xin tha thứ cho tôi, những huynh đệ tốt bụng và hiền lành Việt Nam, tôi chưa xứng đáng là Tiếp Dẫn Đạo Nhơn tại nước Pháp mà quý vị đã chỉ định một cách long trọng, tôi chỉ là một tín đồ khiêm tốn mà quý vị đã gọi thân mật là: “*Anh GAGO*”.

* * * * *

Rethel, 1937 – 1938 – Nancy, 1939.

Lịch Sử Đạo Cao Đài
HISTOIRE du CAODAISME
(1925 – 1937)
Tác giả: Tiếp Dẫn Đạo Nhơn
Gabriel Gobron
Dịch giả
Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng
Paris: Dervy, 1948

LỊCH SỬ
ĐẠO CAO-ĐÀI

soạn giả: **GABRIEL GOBRON**
GIÁM-ĐẠO HIỆP-THIÊN-ĐÀI